TS. NGUYỄN XUÂN LẠC

NHỮNG BÀI LÀM VĂN tiêu biểu 9

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH MỚI)

(In lần thứ hai, có chỉnh lí và bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

TS. NGUYỄN XUÂN LẠC
(Sưu tầm và tuyển chọn)

Những bài
LÀM VĂN TIÊU BIỂU
9

(BIÊN SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA MỚI CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)

- ***Gọn rõ, thiết thực, dễ hiểu, dễ học***
- ***Tham khảo để tự học tốt, làm bài hay***

In lần thứ hai – có chỉnh lí và bổ sung

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Lời nói đầu

Các em học sinh lớp 9 thân mến!

Thế là các em đã học đến năm cuối cùng của bậc THCS theo chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn mới của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Trong phương hướng tích hợp, môn Tập làm văn thừa hưởng nhiều kiến thức của hai môn Văn và Tiếng Việt, đồng thời thể hiện kết quả chung của cả môn Ngữ văn trong các bài làm cụ thể.

Để giúp các em có điều kiện thực hiện tốt các bài Tập làm văn trong chương trình, chúng tôi biên soạn cuốn ***Những bài làm văn tiêu biểu lớp 9***. Cuốn sách bám sát chương trình và sách giáo khoa hiện hành, đồng thời cố gắng thể hiện đúng tinh thần của môn Tập làm văn ở lớp 9 mà các em đang được học và thực hành trong nhà trường.

Sách gồm hai phần lớn:

I. Một số vấn đề về phương pháp làm các kiểu bài ở lớp 9.

II. Tuyển chọn các bài làm văn hay ở lớp 9.

Trong phần II, chúng tôi cố gắng tuyển chọn những bài văn hay thuộc chương trình Tập làm văn lớp 9, bao gồm các kiểu bài:

1. Kiểu bài thuyết minh (có sử dụng một số biện pháp nghệ thuật, đặc biệt là các yếu tố miêu tả).
2. Kiểu bài tự sự (kết hợp với miêu tả, nghị luận, đối thoại và độc thoại...)
3. Kiểu bài nghị luận (nghị luận về xã hội và nghị luận về văn học)
4. Tập nhận diện thơ tám chữ và tập làm thơ tám chữ.

Những bài làm văn hay được tuyển chọn đều cố gắng đạt được yêu cầu: tiêu biểu, vừa trình độ, dễ tiếp nhận, dễ vận dụng.

Với phương châm giúp các em tham khảo để *tự học tốt, làm bài hay*, chúng tôi cũng trích dẫn một số bài, đoạn văn hay của các tác giả là nhà văn, nhà phê bình, nhà giáo... và nhiều bài là của chính các em đã được đăng tải trên báo chí, tạp chí và sách tham khảo khác... để các em có dịp so sánh, tìm hiểu và học tập thêm.

Hi vọng cuốn sách sẽ giúp ích thiết thực cho các em trong việc học tập môn Tập làm văn ở lớp 9 theo tinh thần đổi mới của môn Ngữ văn.

TÁC GIẢ

Phần 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHƯƠNG PHÁP LÀM CÁC KIỂU BÀI Ở LỚP 9

Chương trình Tập làm văn lớp 9 được học theo nguyên tắc đồng tâm với các lớp dưới. Nội dung chủ yếu là *nâng cao* nhằm mở rộng và khắc sâu thêm các kiểu văn bản đã học ở các lớp 6, 7, 8.

Cụ thể là:

- Nâng cao thêm về kiểu bài *tự sự* đã học ở lớp 6.
- Nâng cao thêm về kiểu bài *nghị luận* đã học ở lớp 7.
- Nâng cao thêm về kiểu bài *thuyết minh* đã học ở lớp 8.

Ngoài ra, các em còn được học một số hình thức văn bản mới để hoàn chỉnh kiểu văn bản điều hành, đó là: *biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.*

I. VĂN BẢN THUYẾT MINH

Kiểu bài thuyết minh ở lớp 9 có yêu cầu cao hơn ở lớp 8, đòi hỏi có sự kết hợp giữa thuyết minh với các yếu tố khác, nhằm làm cho bài thuyết minh có chất lượng cao hơn và đạt hiệu quả tốt hơn.

1. Sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh

Để cho bài thuyết minh sinh động, hấp dẫn, gây ấn tượng, người ta có thể sử dụng một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vè, diễn ca, ...

Ví dụ: Bài *Hạ Long – Đá và Nước* (Nguyên Ngọc) dùng biện pháp liên tưởng, tưởng tượng, nhân hóa; bài *Ngọc Hoàng xử tội Ruồi Xanh* (Tường Lan) hư cấu thành một câu chuyện tưởng tượng, bài *Họ nhà Kim* (Văn Hùng) dùng lối tự thuật, ...

Các biện pháp nghệ thuật được sử dụng cần thích hợp, góp phần làm nổi bật đặc điểm của đối tượng, gây hứng thú nhưng không làm lu mờ đối tượng thuyết minh.

2. Thuyết minh kết hợp với miêu tả

a) *Dùng trong trường hợp nào?* Đối tượng thuyết minh là những sự vật, hiện tượng... cần được miêu tả cụ thể nhằm làm cho chúng hiện lên rõ ràng, sinh động, hấp dẫn trong bài thuyết minh, như thuyết minh

về *Hồ Hoàn Kiếm, động Phong Nha; cây chuối, cây tre, con trâu trong đời sống Việt Nam; các lễ hội, các trò chơi trong ngày xuân của dân tộc*... Đối tượng thuyết minh ở đây gồm những yếu tố có thể cảm nhận bằng các giác quan của con người.

b) Cách làm bài

- Trước hết phải thuyết minh đúng, khách quan các đặc điểm tiêu biểu của đối tượng. Đây là điều cơ bản của bài văn thuyết minh.
- Từng đặc điểm tiêu biểu của đối tượng sẽ có thêm các yếu tố miêu tả để thuyết minh cho rõ ràng, sinh động, hấp dẫn (hình dáng, màu sắc, âm thanh,...).
- Cách kết hợp thuyết minh với miêu tả phải nhuần nhị, khéo léo; miêu tả giúp cho thuyết minh có hiệu quả hơn, không biến bài thuyết minh thành bài miêu tả.

II. VĂN BẢN TỰ SỰ

Văn bản tự sự được học từ lớp 6 và được nâng cao một bước ở lớp 8. Đến lớp 9, nó củng cố lại các phần đã nâng cao ở lớp 8 và mở rộng thêm những nội dung mới để có thể hoàn chỉnh loại văn bản này ở bậc THCS.

1. Tóm tắt tác phẩm tự sự

a) Tóm tắt tác phẩm tự sự giúp người đọc và người nghe nắm được nội dung chính của câu chuyện kể. Vì vậy, văn bản tóm tắt phải ngắn gọn, nêu được nhân vật quan trọng và sự việc tiêu biểu một cách đầy đủ và hợp lý.

b) Cách tóm tắt tác phẩm tự sự: Đọc kĩ tác phẩm để nắm được nhân vật và diễn biến truyện, định ra các ý lớn, sau đó viết thành văn bản ngắn gọn bằng ngôn ngữ của mình.

2. Miêu tả trong văn bản tự sự. Tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm

a) Vai trò của miêu tả trong văn bản tự sự là không thể thiếu được, vì người đọc (nghe) không chỉ biết được câu chuyện diễn ra như thế nào, mà còn *thấy được* câu chuyện ấy hiện lên trước mắt mình ra sao qua các yếu tố miêu tả.

b) Ở lớp 9, cần chú ý *tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm nhân vật*. Đoạn thơ *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một mẫu mực đẹp đẽ về sự kết hợp này. Ở đây, Nguyễn Du vừa kể lại chuyện Kiều bị Tú Bà "giam lỏng" ở lầu Ngưng Bích vừa miêu tả nội tâm của nàng rất tinh tế và sâu sắc: bẽ bàng, tủi nhục trước cảnh thiên nhiên, xót xa nhớ người yêu,

đau xót nhớ cha mẹ đã già và buồn cho thân phận lưu lạc của mình nơi đất khách quê người...

- Đối tượng của miêu tả nội tâm là những gì thuộc thế giới bên trong, không quan sát một cách trực tiếp được (ý nghĩ, tình cảm, diễn biến tâm trạng...) nên nhà văn chỉ có thể miêu tả bằng kinh nghiệm sống, bằng sự đồng cảm của mình đối với nhân vật.
- Tự sự kết hợp với miêu tả nội tâm sẽ làm cho câu chuyện tăng thêm chất trữ tình và sức biểu cảm. Vì vậy, việc kết hợp này phải được diễn ra một cách tự nhiên, khéo léo, hài hòa trong câu chuyện kể, không ảnh hưởng đến diễn biến của cốt truyện mà trái lại, giống như những điểm nhấn, làm sâu sắc hơn các tình tiết và chi tiết trong truyện.

3. Nghị luận trong văn bản tự sự

a) Vai trò của nghị luận trong văn bản tự sự

- Để nhấn mạnh ý nghĩa và khắc sâu thêm tư tưởng chủ đề cho câu chuyện kể, trong văn bản tự sự nhà văn có thể dùng lập luận để bộc lộ quan điểm, suy nghĩ của mình nhằm gửi đến cho người đọc những thông điệp của tác phẩm. Chỉ có điều những lập luận đó phải được kết hợp tự nhiên, hợp lý trong dòng tự sự, trong mạch kể của câu chuyện. Trong đoạn trích *Thúy Kiều báo ân, báo oán*, ở phần báo oán, Nguyễn Du đã có sự kết hợp tự nhiên, nhuần nhị *nghị luận* với *tự sự* nhằm khắc sâu và bộc lộ rõ tính cách của hai nhân vật Thúy Kiều và Hoạn Thư. Những đoạn lập luận được lồng vào những lời đối thoại của hai nhân vật thật khéo léo, mạch kể của câu chuyện vẫn tự nhiên mà ý nghĩa tư tưởng lại được nhấn mạnh và nổi bật.
- Nghị luận trong văn bản tự sự thường xuất hiện ở các đoạn văn, trong đó người viết (người nói) nêu ra những lý lẽ và dẫn chứng nhằm thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề nào đó. Để lập luận chặt chẽ, hợp lý, người ta thường dùng các từ và câu lập luận (câu khẳng định và phủ định, câu có các mệnh đề hô ứng...).
- Nghị luận càng được kết hợp hài hoà với tự sự thì hiệu quả nghệ thuật càng cao, ý nghĩa tư tưởng càng sâu sắc và tác dụng truyền cảm càng lớn.

b) Cách đưa các yếu tố nghị luận vào bài văn tự sự

- Xác định bài văn tự sự cần làm nổi bật *vấn đề gì* và *dùng phép lập luận nào* thì sẽ có hiệu quả nhất trong việc làm nổi bật vấn đề đó?

(giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận hoặc kết hợp các phép lập luận đó).

– Xác định cách kết hợp: Đưa các yếu tố nghị luận vào *những vị trí nào* trong bài văn là thích hợp nhất, cách *lồng ghép* các yếu tố đó sao cho nhuần nhị, tự nhiên trong bài văn tự sự (không biến thành một đoạn văn nghị luận tách với câu chuyện kể).

4. Đối thoại và độc thoại trong văn bản tự sự

a) Vai trò của đối thoại và độc thoại trong văn bản tự sự

– Trong văn bản tự sự, nhân vật là trung tâm và thường có nhiều nhân vật chính, phụ có quan hệ với nhau. Vì vậy phải có đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm của nhân vật. Đây là những yếu tố không thể thiếu trong văn bản tự sự nói chung.

– Đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm làm câu chuyện kể trở nên sinh động, có không khí như cuộc sống thật, đồng thời tính cách và diễn biến tâm lý nhân vật cũng được bộc lộ rõ nét và sâu sắc. Đọc truyện ngắn *Làng* của Kim Lân, ta hiểu được tính cách và phẩm chất của ông Hai, một phần cũng nhờ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm của nhân vật, và nhà văn đã sử dụng các yếu tố này rất nhuần nhị, tự nhiên, như tiếng nói của người dân quê mà lại in đậm nét riêng của nhân vật.

b) Cách đưa đối thoại vào đoạn văn tự sự

– Đối thoại phải phù hợp với từng nhân vật của tự sự, góp phần tạo không khí cho đoạn văn tự sự, khắc sâu chi tiết truyện và bộc lộ rõ tính cách nhân vật. Đối thoại có thể liền nhau (thể hiện bằng các gạch đầu dòng trong văn bản) hoặc cách nhau bằng câu tự sự xen giữa (đoạn đối thoại giữa ông Hai và bà Hai trong đêm khuya).

– Lời thoại phải chắt lọc, diễn tả đúng *tâm lý* và cách nói của từng nhân vật trong từng hoàn cảnh cụ thể với ngôn ngữ nhuần nhị, tự nhiên của họ trong cuộc sống. Trong độc thoại và nhất là độc thoại nội tâm, lời thoại cần đạt đến độ sâu sắc và khái quát.

– *Lời kể* và *lời thoại* phải kết hợp hài hoà, cộng hưởng với nhau để làm nên hiệu quả nghệ thuật của đoạn văn tự sự.

5. Người kể và ngôi kể trong văn bản tự sự

a) Các ngôi kể

– Trong văn bản tự sự, người kể thường không xuất hiện, nhưng có mặt khắp nơi trong truyện, biết mọi việc, hiểu thấu mọi hành động, tâm tư, tình cảm của các nhân vật và thường đưa ra nhận

xét, đánh giá về họ. Ở đây, người kể tự giấu mình đi, tức là kể theo *ngôi thứ ba*, và cũng chính là tác giả. Đây là cách kể phổ biến trong tác phẩm tự sự nói chung. (*Làng* của Kim Lân, *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long,...)

- Nhưng cũng có những tác phẩm tự sự được kể theo *ngôi thứ nhất*: nhân vật tự kể lại câu chuyện xảy ra mà mình đã chứng kiến (hoặc câu chuyện của chính mình), người kể chuyện xưng "tôi", câu chuyện sẽ mang dấu ấn chủ quan của người kể rõ hơn với cách kể, giọng điệu riêng. (*Cố hương* của Lỗ Tấn, *Những đứa trẻ* của Mác-xim Go-rơ-ki,...)

b) Cách chuyển đổi ngôi kể

- Cách kể, giọng điệu, lời văn phải có sự thay đổi cho phù hợp với ngôi kể mới.
- Từ xưng hô phải thay đổi.
- Lời dẫn thoại phải thay đổi hoặc chuyển lời thoại thành lời kể (và ngược lại).
- Các chi tiết miêu tả, lời biểu cảm, lời lập luận có thể cần được thay đổi hoặc bổ sung thêm cho phù hợp với ngôi kể mới.

III. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

• Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

a) Trong đời sống xã hội có những sự việc, hiện tượng khiến ta phải suy nghĩ và buộc ta phải lên tiếng, nêu ý kiến và tỏ thái độ trước những sự việc, hiện tượng đó như *sai hẹn, không giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng, không chấp hành đúng luật lệ giao thông, đua đòi theo "mốt"*.... Bài *Bệnh lề mề* bàn luận về việc coi thường giờ giấc chung (xem SGK). Đây là một bài bình luận được viết nhẹ nhàng mà thấm thía, sâu sắc, có tác dụng nhắc nhở đối với những người hay đi họp muộn giờ.

b) Dàn bài chung

- Mở bài: Nêu sự việc, hiện tượng cần bàn luận.
- Thân bài:
  + Mô tả sự việc, hiện tượng (nêu các biểu hiện của nó);
  + Phân tích các mặt đúng, sai, lợi, hại của sự việc, hiện tượng;
  + Bày tỏ thái độ khen, chê, đồng tình, phản đối đối với sự việc, hiện tượng;
  + Chỉ ra nguyên nhân tư tưởng, xã hội của sự việc, hiện tượng.
- Kết bài: Ý kiến khái quát và những kiến nghị đối với sự việc, hiện tượng.

• **Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí**

a) Dạng bài nghị luận này cũng rất cần thiết vì nó mang tính cập nhật trong đời sống xã hội. Đất nước đổi mới, cuộc sống phát triển đã đặt ra trước con người những yêu cầu mới về tư tưởng, đạo đức, lối sống, cần có những bài bình luận để giúp họ nhìn nhận đúng đắn hơn, định hướng tốt hơn trong cuộc sống. Bài *Tri thức là sức mạnh* bàn luận để khẳng định một tư tưởng lớn: Tri thức là sức mạnh của con người, của cách mạng; vì vậy phải biết quý trọng tri thức (xem SGK).

b) Dàn bài chung

– Mở bài: Nêu vấn đề nghị luận.

– Thân bài: + Nêu các biểu hiện của vấn đề;

+ Phân tích các mặt lợi, hại, đúng, sai;

+ Phân tích nguyên nhân, hậu quả;

+ Nêu thái độ đúng cần phải có.

– Kết bài: Giải pháp chung và kiến nghị trước vấn đề đó.

• **Nghị luận về nhân vật văn học**

a) Ví dụ:

Bài nghị luận về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long (xem SGK). Người viết đã phát hiện các vẻ đẹp của nhân vật và khái quát thành các luận điểm trong bài nghị luận của mình và phân tích chứng minh bằng các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm.

b) Rút ra bài học

– Nghị luận về nhân vật văn học là trình bày những nhận xét, đánh giá (tức ý kiến bình luận) của mình về nhân vật trong một tác phẩm cụ thể.

– Những nhận xét, đánh giá về nhân vật phải xuất phát từ đặc điểm, tính cách, ý nghĩa của nhân vật trong tác phẩm được người viết phát hiện và khái quát, có luận cứ và lập luận thuyết phục.

– Bài nghị luận về nhân vật cần có bố cục mạch lạc, lời văn trong sáng, gợi cảm.

• **Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ**

a) Ví dụ: Cảm nhận về bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải (xem SGK)

- Nêu luận điểm chung: Tình yêu đối với mùa xuân và ước nguyện cống hiến của nhà thơ.
- Luận điểm 1: Hình ảnh mùa xuân thật đẹp và đáng yêu: bức tranh xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước.
- Luận điểm 2: Ước nguyện cống hiến của nhà thơ thật đáng trân trọng: chân thành, khiêm tốn.
- Dẫn đến kết luận: Mùa xuân của cuộc đời thật đẹp và cái ước nguyện được cống hiến cho đất nước của nhà thơ đã trở thành tiếng lòng chung của tất cả chúng ta.

b) Rút ra bài học

- Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là trình bày nhận xét đánh giá của mình về nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ ấy.
- Nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ, bài thơ được thể hiện qua ngôn từ, hình ảnh, giọng điệu,... Bài nghị luận cần phân tích các yếu tố ấy để có những nhận xét, đánh giá cụ thể, xác đáng.
- Bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ cần có bố cục mạch lạc, rõ ràng; có lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

IV. VĂN BẢN ĐIỀU HÀNH

Văn bản điều hành ở lớp 9 gồm *biên bản, hợp đồng, thư (điện) chúc mừng và thăm hỏi.* Những hình thức này rất cần trong cuộc sống hiện đại, các em cần tiếp cận, làm quen với chúng để sử dụng trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà trường, gia đình cũng như xã hội. *Hợp đồng* là loại văn bản mới đối với các em, có tính pháp lý chặt chẽ, vì vậy cần viết gọn, rõ, chính xác theo đúng mẫu đã quy định. Văn bản điều hành phải được thể hiện trên một hình thức nghiêm túc, sạch, đẹp.

Phần 2

CÁC BÀI VĂN TUYỂN CHỌN

A. VĂN BẢN THUYẾT MINH

*** Thuyết minh về một vấn đề trừu tượng**

Đề 1

Thế nào là óc khoa học?

Bài tham khảo

ÓC KHOA HỌC

Khoa học xuất phát từ ý thức muốn cải tạo đời sống, không chịu thoả mãn với cách làm ăn, vốn hiểu biết hiện có. Con người khoa học luôn luôn tự đặt ra câu hỏi: Hiện tượng này vì đâu mà có? Tại sao việc này không chạy? Làm thế nào để cải tiến việc kia? Nhiều sự việc đối với mọi người thì rất bình thường, nhưng lại không để cho người khoa học ngồi yên, cứ buộc họ phải ngạc nhiên, băn khoăn, buộc họ phải suy nghĩ. Vì đâu? Tại sao? Làm thế nào? Tự mãn với hiện tại là hoàn toàn xa lạ với óc khoa học. Một người cho rằng trong đời mình, chung quanh mình không có gì đáng suy nghĩ nữa cả, không có nhiều đêm trằn trọc vì vấn đề này nọ, một người cán bộ lãnh đạo thấy trong cơ quan mình mọi việc trôi chảy, chắc chắn là không có óc khoa học, có khi còn chống lại khoa học là khác. Có mặt tại cơ quan tám giờ đầy đủ, nhưng chưa đến giờ thì chưa mở máy suy nghĩ, kẻng đánh lại khoá máy, cũng chưa phải là con người khoa học. Người khoa học bao giờ cũng tập trung suy nghĩ một vấn đề gì, không kể giờ giấc. ***Không có say mê, không có khoa học.***

Nhưng say mê, nhiệt tình chưa đủ. Càng nóng lòng giải quyết một vấn đề, lại càng rơi vào những chứng xấu mà khoa học kỵ nhất, đó là bệnh chủ quan. Con người khoa học lòng nóng bỏng nhưng trí óc lại nguội lạnh, khách quan điều tra, quan sát, tìm tòi, không vội vàng kết luận. Quan sát điều tra bình thường nghĩa là ở mức xem xét theo kinh

nghiệm, theo cảm giác tự nhiên, theo hiện tượng bên ngoài, chưa nắm được một phương pháp nào để đi sâu vào sự vật, thì chưa đủ. Như dùng bàn tay sờ vào trán bệnh nhân rồi bảo sốt nặng hay nhẹ chưa phải là khoa học. Cảm giác chủ quan rất cần thiết, hiểu biết của con người bắt nguồn từ đó, nhưng cảm giác luôn luôn biến động tuỳ theo tình trạng của con người. Tay vừa cầm tảng nước đá, sờ vào vật gì, cũng cảm thấy nóng. Thêm nữa giác quan của con người chỉ hoạt động được trong những giới hạn nhất định. Tay không thể phân biệt được độ nóng của hai lò lửa khác nhau, tai không thể phân biệt được những ba động tần số quá cao hay quá thấp. Cho nên, cần có phương pháp quan sát sự vật khách quan để hỗ trợ cho giác quan của con người, như không lấy cảm giác bàn tay xét nóng lạnh, mà lấy ảnh hưởng của sức nóng đến một chất nhất định, làm dãn chất ấy nhiều hay ít. Một cột thuỷ ngân, một đoạn dây thép vì nóng dãn ra, kéo dài ra nhiều hay ít không những là bằng chứng của sức nóng, mà còn trở thành ***một thước đo chính xác.*** Lúc ấy, người thầy thuốc không còn nói sốt ít hay nhiều một cách mơ hồ, mà nói nhiệt độ lên là 38 hay 40 độ, người kỹ sư không nói lò này rất nóng hay còn nguội mà nói nhiệt độ đã lên đến 1000 hay là 500^0 C. Có một phương pháp đi sâu vào sự vật thì mới thật sự phân tích được vấn đề, cũng như có con dao bổ quả bưởi, tách nó ra từng múi, mới thấy rõ cấu trúc của nó.

(Nguyễn Khắc Viện, *Tạp chí Học tập*, số 2/1974)

Đề 2

Thuyết minh giới thiệu nhà văn Nam Cao.

Đoạn văn tham khảo

BÀI LÀM

Nam Cao (1915 – 1951) quê ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân (nay là xã Hòa Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Ông tên thật là Trần Hữu Tri; bút danh Nam Cao chính là tên ghép của hai chữ đầu tiên tên huyện và tổng ở quê hương ông.

Nam Cao viết văn từ những năm ba mươi ở thế kỉ trước nhưng đến năm 1941 ông mới khẳng định vị trí không thể thiếu được của mình trong nền văn học nước nhà bằng truyện ngắn xuất sắc *Chí Phèo*. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc chuyên viết về hai đề tài: người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ và người nông dân bị bần cùng hóa, lưu manh hóa trước Cách mạng tháng Tám. Là một nhà văn có ý thức sâu sắc về sứ mệnh của người cầm bút và sứ mệnh cao cả của văn chương, Nam Cao để lại nhiều truyện ngắn, truyện dài có giá trị nhân đạo, giá trị hiện thực sâu sắc và phong cách độc đáo; chúng có thể vượt qua thử thách thời gian như, như: *Chí Phèo* (1941), *Trăng sáng* (1943), *Đời thừa* (1943), *Lão Hạc* (1943), *Sống mòn* (1944), *Đôi mắt* (1948), v.v... Tác phẩm của Nam Cao luôn luôn giúp người ta đối thoại với chính mình để sống có ích hơn. Năm 1996, ông được Nhà nước truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

(Theo *Cẩm nang Ngữ văn 8*, Nguyễn Xuân Lạc, Nxb Giáo dục, 2004)

THUYẾT MINH KẾT HỢP VỚI MIÊU TẢ(*)

Đề 3

Giới thiệu một khu di tích lịch sử của dân tộc.

Bài tham khảo

KHU DI TÍCH ĐỀN HÙNG

Khu di tích lịch sử đền Hùng dựng trên núi Nghĩa Lĩnh – nay thuộc xã Hi Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, cách Hà Nội 94km về phía Bắc.

Nơi đây, xưa là Quốc đô của Nhà nước Văn Lang, dưới quyền trị vì của 18 đời vua Hùng, đóng đô ở Phong Châu.

Theo sử cũ, sau khi định đô ở Phong Châu, các vua Hùng đã chọn núi Nghĩa Lĩnh làm nơi tế trời và các thần. Núi Nghĩa Lĩnh cao 175m, nằm trên địa phận thôn Cổ Tích, xung quanh là một chuỗi gò nhấp nhô, trùng điệp. Tương truyền có tất cả 100 ngọn đồi, thì 99 ngọn vốn là 99 con voi có nghĩa, phủ phục chầu núi Tổ, riêng một con bất nghĩa, quay ngược lại bị chém đầu, vì vậy vùng này có một quả đồi có vết xẻ thành khe.

Khu di tích đền Hùng gồm đền Thượng, đền Trung, đền Hạ, lăng vua Hùng thứ 6, đền Giếng ở phía Đông Nam dưới chân núi Nghĩa Lĩnh (vì trong đền có Giếng Ngọc, nơi công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa là hai con gái của vua Hùng thứ 18 thường soi giếng để chải tóc, vấn khăn nên được gọi là đền Giếng).

Vào cổng đền, trèo 225 bậc đá là đến đền Hạ. Tương truyền đây là nơi Âu Cơ đẻ bọc trăm trứng, nở ra thành trăm con: 50 người theo cha là Lạc Long Quân về xuôi, 50 người theo mẹ lên núi, trong đó có người con đầu làm vua nước Văn Lang, đó là vua Hùng thứ nhất. Trong khu vực đền Hạ còn có chùa Thiên Quang, trước chùa có cây Thiên Tuế trăm tuổi.

Từ đền Hạ, qua nhà bia bên gốc đại già, đi xuống chân núi ở mặt Đông Nam thì đến đền Giếng.

(*) Trong phần này, chúng tôi có sử dụng một số bài tham khảo trong ***Những bài làm văn chọn lọc 8***, chủ yếu là của các nhà văn, nhà báo giới thiệu những di tích lịch sử, thắng cảnh, hoa, đồ vật,... với mục đích để các em biết cách kết hợp các yếu tố miêu tả trong một bài văn thuyết minh.

Từ đền Hạ, tới *đền Trung*, tương truyền là nơi các vua Hùng bàn việc nước với quần thần.

Từ đền Trung lên tới *đền Thượng* là nơi vua Hùng làm lễ trời, đất, núi, sông. Trước đền Thượng có một cột đá dựng lên bệ cao, được gọi là *"đá thề"*. Tương truyền đây là nơi An Dương Vương Thục Phán đã nguyện đời đời tế tự các vua Hùng và giữ gìn cơ nghiệp họ Hùng để lại.

Phía bên đền Thượng là Lăng vua Hùng, tượng trưng cho Mộ Tổ.

Tại đền Hạ, Hồ Chủ tịch đã nói chuyện với Bộ đội Sư đoàn 308 trước khi về tiếp quản Thủ đô 10 – 1954, với câu nói nổi tiếng: ***"Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước"***.

Trong khu di tích còn có nhà Bảo tàng Hùng Vương.

Hội đền Hùng được mở vào ngày mồng mười tháng ba âm lịch.

Sáng mồng mười có tế và rước cỗ, mỗi làng lân cận có một loại cỗ, riêng làng Cổ Tích có tục lệ dâng lễ vật bằng bánh Giầy và ba loại xôi mùa (xôi trắng, xôi nhuộm đỏ và xôi tím). Trong lễ hội còn có lễ đánh trống đồng trên đền Thượng, lễ đốt đuốc ở đền Hạ và nhiều trò diễn dân tộc (đấu vật, đu tiên, múa kiếm...).

Hội đền Hùng là Quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương. Nhân dân mọi miền trẩy hội, hành hương về đất Tổ với tình cảm tưởng nhớ cội nguồn, tưởng nhớ các vua Hùng và Tổ tiên.

(Theo Hùng Cương, Thăng Long – Hà Nội ngàn năm, số 6 – 2002)

Đề 4

Giới thiệu một đặc sản gắn liền với phong tục giỗ tết truyền thống của dân tộc.

Đoạn văn tham khảo

BÁNH GIẦY QUÁN GÁNH
TRONG NGÀY QUỐC GIỖ HÙNG VƯƠNG

Trải qua mấy ngàn năm lịch sử, bánh giầy được nhiều vùng sản xuất làm đồ tế lễ trong những ngày huý kỵ, làm quà biếu người thân. Trong số những vùng lưu truyền làm bánh có làng Thượng Đình ở ngay cận kề với Thăng Long. Đó là bánh giầy Quán Gánh nổi tiếng xưa nay.

Bánh giầy Quán Gánh được làm bằng thứ gạo nếp hoa vàng chọn kỹ, vừa đều hạt vừa không thể lẫn những hạt gạo khác loại. Nước đồ xôi cũng phải là thứ nước sạch tuyệt đối thì hạt xôi mới trắng, mới giữ được mùi hương lúa và khi giã bánh mới mịn, nhuyễn, dẻo.

Năm nay, toàn thể nhân dân thôn Thượng Đình được sự bảo trợ và giúp đỡ phối hợp của Quỹ Văn hoá – Sở Văn hoá Thông tin Hà Nội, Hội Bảo tồn Di sản Văn hóa Thăng Long – Hà Nội, cùng nhau làm một chiếc bánh giầy đặc biệt dâng lên đền Hùng giỗ Tổ. Chiếc bánh nặng 18 tạ, đường kính 1,8m (18 đời vua Hùng).

Để làm được chiếc bánh giầy này nhân dân làng Thượng Đình phải nấu xôi một tấn rưỡi gạo nếp, gần hai tấn củi và hàng trăm người phục dịch suốt cả một ngày đêm. Chiếc bánh bắt đầu được khởi sự từ 5 giờ chiều ngày 5/3 đến 12 giờ ngày 6/3 (âm lịch) mới xong. Đúng 1 giờ 30 bánh được chuyển về Đền Hùng.

Với tâm nguyện thành kính Tổ tiên, nhớ về cội nguồn của dân tộc, Hội Bảo tồn Di sản Văn hoá Thăng Long – Hà Nội, Quỹ Văn hoá – Sở Văn hóa Thông tin, nhân dân làng nghề Thượng Đình cùng nhau góp sức, góp công mà làm nên.

Bánh được đặt ở sân hành Lễ trước cổng đền đường lên đền Hạ để du khách thập phương chiêm bái. Dân làng làm thêm một cặp bánh chưng, bánh giầy mỗi thứ 18kg để dâng lên đền Trung làm Lễ tạ Hùng Vương và cẩn cáo Lang Liêu.

Chiếc bánh giầy Quán Gánh trở thành lễ vật trong ngày Quốc giỗ năm nay là niềm vinh dự lớn lao cho làng nghề và những cơ quan tổ chức, là sự minh chứng tài năng, đức tính cần cù của những người nông dân Việt Nam.

(*Theo* NGUYỄN NGUYÊN HOÀI,
Thăng Long – Hà Nội ngàn năm, số 7– 2002)

Đề 5

Đôi dép lốp là sản phẩm hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của dân tộc. Hãy viết bài giới thiệu đôi dép đó.

Đoạn văn tham khảo

Cho đến nay, không mấy người còn đi dép lốp. Đó là sản phẩm của một thời đánh giặc gian khổ anh hùng của dân tộc, gắn bó với hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ của nhân dân ta.

Đôi dép được làm bằng lốp ô tô nên gọi là dép lốp (hoặc dép cao su). Người ta chọn phần bằng phẳng của chiếc lốp cắt ra làm đế dép. Đế dép được đục thành 8 khe mỏng để xâu 4 quai dép. Quai dép bằng săm ô tô, cắt thành từng sợi dài để đủ ôm bàn chân, bề ngang khoảng 1,5cm đến 2cm, giống như những sợi râu, vì vậy có nơi còn gọi là *dép râu*. Dùng cái *xâu dép* bằng sắt có hai mảnh dát mỏng xâu từ dưới đế dép lên, cặp chặt đầu quai dép vào giữa rồi rút mạnh. Quai dép được kéo qua khe mỏng của đế, và do tính chất đàn hồi của cao su nên rất chặt, không tụt ra được.

Đế bằng lốp ô tô vừa chắc vừa bền, đi êm; quai bằng săm cao su ôm chặt vào bàn chân giúp cho việc đi lại được gọn nhẹ, nhanh chóng. Với chất liệu cao su, đôi dép lốp rất tiện lợi trong việc trèo đèo, lội suối, băng rừng để chiến đấu đánh giặc. Không chỉ bộ đội, dân công, mà cả cán bộ và nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ đều đi dép lốp. Và cả Bác Hồ, người Cha già kính yêu của dân tộc cũng đi dép lốp – đôi dép đã trở thành huyền thoại của một con người giản dị mà vĩ đại.

Còn đôi dép cũ, mòn quai gót
Bác vẫn thường đi giữa thế gian...

(Tố Hữu)

Đôi dép lốp đã đi vào lịch sử đánh giặc anh hùng của nhân dân ta. Cùng với xe đạp thồ tời kéo pháo, bếp Hoàng Cầm..., đôi dép lốp đơn sơ, bình dị đó đã góp phần làm nên chiến thắng vang dội trong hai cuộc kháng chiến của dân tộc.

(Viết theo lời kể của một chiến sĩ Điện Biên, trong *Những bài làm văn mẫu lớp 8,* Nxb tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2006)

Đề 6

Hoa ngày Tết ở Việt Nam thật phong phú và đẹp. Hãy viết bài giới thiệu các loại hoa mùa xuân.

Bài tham khảo

SẮC MÀU HOA XUÂN

Mùa xuân có thật nhiều hoa tươi. Trước hết là *hoa đào*. Cứ mơn mởn, mơn mởn trong gió rét. Muốn có *hoa đào* chơi Tết, tháng mười một *cây đào* đã phải chịu đớn đau, bị bứt đi hết lá, để nhựa cây tích tụ vào thân, làm nụ. Tuỳ theo thời tiết nóng nhiều hay rét nhiều mà người trồng đào phải *thúc* hay *hãm*. *Thúc* là bón cho *cây đào* mọc nhanh hơn. *Hãm* là khía nhiều vòng quanh thân cây cho nó mọc chậm lại.

Hoa đào là thứ hoa chơi thì có màu sắc đẹp, cánh *kép*, nhiều tầng, nhụy vàng lấp lánh, *đào bích* hoa thắm, *đào phai* hoa phơn phớt. Còn *đào ta* là đào quả, hoa *đơn* năm cánh, màu tửa tựa *đào phai*.

Tết Nguyên đán ở miền Bắc Việt Nam không thể thiếu hoa, nhất là *hoa đào*...

Một cành đào ứ nhựa,
Nặng bàn tay anh cầm,
Nghe hương thầm lặng toả,
Qua màn sương thời gian...

(Chế Lan Viên)

Miền Nam còn có hoa *mai vàng*. Đó là loài cây hoang mọc trên rừng Trường Sơn được đem về, chăm sóc, thuần hóa, cho thứ hoa vàng cực đẹp. Nhưng đó không phải là *chi mai trắng* trồng trong chậu, cũng không phải *hoa mai cho quả mơ* vào tháng 3 ở chùa Hương.

Mùa xuân thật kì lạ. Nó mang sức mới cho vũ trụ, cho con người, mà dễ nhận ra nhất là trên môi, trên má mỗi người, trên đầu cành các loài cây có hoa rực rỡ màu, có hoa thơm ngát, thơm nồng...

Mùa nào cũng có một loài hoa của riêng mình. Nhưng mùa xuân mới có nhiều hoa đẹp:

Hoa *hải đường* màu cánh sen, *hoa hồng* đủ sắc: trắng, vàng, đỏ, son, phấn hồng... *Thược dược* to bằng chiếc đĩa. *Cúc đại đoá, cúc chi, cúc tím, cúc nóng rồng, cúc vạn thọ, cúc bạch mi, cúc hoàng kim tháp... Rồi mặt*

trời, đồng tiền, đỗ quyên, mõm sói, chân chim, đồng thảo, huệ, loa kèn, hoa tưởng nhớ...

Ai thích hoa gì, tha hồ mà tìm chọn...

Chúng ta hơn hẳn một số nước ở miền cực Bắc, suốt sáu tháng trời băng tuyết, không có một màu xanh, sắc đỏ nào. Tết Nguyên đán của ta vào đầu mùa xuân cũng là dịp đặc biệt tràn ngập màu hoa. Vui quá! Các bạn ơi!

(*Theo* Băng Sơn; *Báo Nhi đồng*, số 12 + 13 + 14,
tháng 2 – 2002, tr.25)

Đề 7

Hãy giới thiệu một loài hoa mà em yêu thích.

Bài tham khảo

HOA KHẾ

Người Hà Nội thường hay nhắc tới hoa sữa, hoa phượng, hoa bằng lăng... hơn là hoa khế, bởi trong ý nghĩ của nhiều người, hoa khế vốn là thứ hoa gắn bó với làng quê. Thế nhưng với vẻ đẹp dung dị của hoa khế, mấy ai dễ lãng quên. Người yêu hoa khế đã cất công về tận quê, chọn cây giống từ những cây sai hoa đem về Hà Nội trồng trong vườn, trong am, hoặc chậu cảnh, mỗi năm lại thấy màu tím thân thương lưu luyến bên mình.

Vào khoảng tháng ba, khế ra hoa. Thứ hoa nhỏ bé, tím ngát, gợi nhớ gợi thương. Hoa khế không thắm sắc như hoa phượng, không rập rờn như bằng lăng, cũng không nồng nàn như hoa sữa. Từng bông hoa nhỏ li ti bám vào cành, kết thành từng chùm tưởng như bầy ong đang xây tổ. Có chùm tròn vo, xôm xốp như cục bông. Có chùm buông dài, lủng lẳng tựa chùm nho. Những khi nắng gắt gao, cái màu tím đằm thắm làm dịu mát màu nắng vàng. Còn sau mưa, hoa khế bỗng sáng bừng, long lanh như muôn hạt ngọc, càng nhìn càng ưa.

Hoa khế không chỉ đẹp sâu kín mà còn là thứ hoa cho quả. Tuy nhỏ bé thế nhưng chỉ khoảng hai, ba tuần là hoa đậu quả. Mới đầu, quả màu xanh non, bé bằng quả trứng cá mà đã phân chia năm cánh mũi rõ ràng; thế rồi bằng quả nhãn, quả vải... và đến khi bằng quả xoài thì đã

vào đầu tháng sáu, tháng bảy, là mùa thu hoạch chính của khế (có khi còn thu hoạch ra cả tháng giêng, tháng hai). Khế ngọt thì chỉ để ăn cho vui miệng, khế chua thường để nấu canh. Canh cá mà không có khế thì mất ngon. Vị chua dìu dịu của khế pha lẫn vị ngọt của thịt cá thì không chê vào đâu được. Tết đến, có người còn mang từ quê lên phố cả cành khế trĩu trịt treo trên tường, vừa tượng trưng cho lộc đầu năm, vừa để trang trí nhà cửa thêm sinh động. Ngoài ra khế còn được bày rất trang trọng trên mâm ngũ quả.

Người có tuổi yêu hoa khế bởi hoa khế dâng lên trong lòng họ cảm xúc bâng khuâng về quá khứ, có thể là quê cũ, tuổi thơ... Còn những người trẻ tuổi, hoa khế như thầm báo hiệu với họ một tương lai xanh non trĩu mọng.

Chỉ là cây khế thôi, Hà Nội thu cả làng quê trong mình.

Nguyễn Minh Trí

(Báo *Lao động Thủ đô*, ngày 8-7-2003)

Đề 8

Giới thiệu một loài động vật có ích đối với con người.

Bài làm

CON ẾCH

Con ếch có khi được gọi là con *"gà đồng"*, là giống vật lưỡng thê không đuôi vừa ở trên cạn vừa ở dưới nước. Lưng ếch có màu xanh lục hay màu nâu, pha một ít chấm đen. Khi ếch nấp trong bùn hay trong khóm cỏ, nếu ta không chú ý thì khó lòng mà nhận ra. Khi ở trên cạn, hễ gặp nguy hiểm, chỉ vài bước nhảy là ếch đã lặn xuống mặt nước, biến mất. Khi ở dưới nước mà gặp nguy hiểm, ếch nhanh chóng ra khỏi mặt nước để chui vào bụi cỏ ven bờ.

Ếch tuy ở dưới nước nhưng thở bằng phổi và bằng da, còn tim ếch lại có nhiều hơn tim động vật khác một tâm thất. Khi ở trên cạn ếch thở tự do, da tiết ra một chất nhờn giữ cho da ẩm ướt. Do đó dù trời hanh khô ếch vẫn thích nghi được.

Ếch "đi" bằng cách nhảy. Hai chi sau dài hơn hai chi trước, giữa các ngón có màng, bắp thịt nở nang. Khi nhảy, hai chân sau đạp một cái là cất mình bay lên, khi hạ xuống thì hai chân trước vươn ra đỡ mình như

cái nhíp.

Ở dưới nước ếch bơi bằng hai chân sau, do giữa các ngón có màng ngăn, đạp chân ra sau một cái là thân ếch vươn tới như mũi tên rẽ nước, hai chi sau khép lại trông thật đẹp. Đầu ếch có hình tam giác lại dẹt, ít gây trở lực khi bơi, cho nên ếch bơi rất nhanh.

Lưỡi ếch là một công cụ đặc biệt để bắt mồi: lưỡi dài và cuống lưỡi gắn liền với cơ ở hàm răng trước. Lưỡi chia làm hai nhánh, cong về phía trong, tạo thành hình lưỡi câu. Mặt lưỡi thấm đầy chất dính. Các côn trùng nhỏ một khi bị lưỡi ếch kẹp chặt, dính vào chất keo thì không thể thoát được. Bên miệng ếch lại có một dãy răng, côn trùng không có cách gì thoát ra được.

Động tác bắt mồi của ếch thật là ngoạn mục. Khi có một côn trùng bay qua, ếch nhảy lên một chút, cái lưỡi vươn ra, kẹp đúng con mồi và cho vào mồm nuốt liền. Động tác ấy diễn ra chỉ trong một giây. Theo thống kê, một con ếch một ngày có thể ăn được một trăm côn trùng có hại. Do đó nông dân xưa nay rất yêu quý loài ếch.

Giữ gìn loài ếch là giữ gìn đội vệ sĩ bảo vệ cho cây lúa.

(Bài làm của học sinh, Ngữ văn 8, tập một SGK thí điểm, 2006)

Đề 9

Giới thiệu một tấm gương yêu nước, mong muốn đổi mới đất nước trong lịch sử dân tộc.

Bài tham khảo

NGUYỄN TRƯỜNG TỘ MONG MUỐN ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

Trước mối hoạ thực dân Pháp xâm lăng, một số người chủ trương đổi mới đất nước để đủ sức tự lập tự cường. Đó là các nhà nho yêu nước như Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ.

Nguyễn Trường Tộ sinh ra trong một gia đình theo đạo Thiên Chúa ở Nghệ An. Thuở nhỏ, ông học chữ Nho, thông minh hiểu biết hơn người, được gọi là "Trạng Tộ". Lớn lên, ông được học thêm tiếng La-tinh, tiếng Pháp. Từ năm 1860, ông được sang Pháp. Những năm ở Pháp, ông ra sức quan sát, tìm hiểu sự giàu có văn minh của họ để tìm cách cứu nước nhà thoát khỏi cảnh nghèo đói lạc hậu. Từ năm 1863 đến năm 1871, Nguyễn Trường Tộ đã trình lên vua Tự Đức 58 bản hiến kế, thiết tha

bày tỏ mong muốn đổi mới đất nước. Ông đề nghị mở rộng quan hệ ngoại giao với nhiều nước, thông thương với thế giới, thuê chuyên gia nước ngoài đến giúp ta khai thác các nguồn lợi về biển, rừng, đất đai, khoáng sản; mở các trường kĩ nghệ, học cách sử dụng máy móc, đóng tàu, đúc súng. Ông mong muốn nước ta phải mạnh lên, có nhiều bạn trên thế giới để đủ sức đối phó với giặc Pháp.

Vua quan nhà Nguyễn không muốn thay đổi công việc trong nước, họ không hiểu biết tình hình các nước trên thế giới. Ngay cả những điều đơn giản như đèn điện không có dầu vẫn sáng, họ cũng cho là bịa đặt. Trước đề nghị đổi mới của Nguyễn Trường Tộ, triều đình bàn tán ngược xuôi. Vua Tự Đức cho rằng: không cần nghe theo Nguyễn Trường Tộ, "Những phương pháp cũ đã đủ để điều khiển quốc gia rồi!". Cuối cùng, những đề nghị đổi mới đất nước của Nguyễn Trường Tộ không được thực hiện.

Mặc dù vậy, người đời sau vẫn kính trọng ông là người hiểu biết sâu rộng, có lòng yêu nước, mong muốn dân giàu, nước mạnh.

(Theo sách *Tự nhiên & Xã hội* lớp 5)

Đề 10

Giới thiệu một di sản thiên nhiên thế giới của Việt Nam được UNESCO công nhận.

Bài tham khảo

HANG ĐỘNG PHONG NHA – KẺ BÀNG

Khu vực Phong Nha – Kẻ Bàng nằm trong vùng địa máng Trường Sơn thuộc địa phận các huyện Bố Trạch, Minh Hoá của tỉnh Quảng Bình, với các dãy núi đá vôi phát triển hầu như liên tục, thành phần tương đối đồng nhất. Cùng với khối núi đá Ma–ha–say của Lào, đây được đánh giá là vùng hang Karst, rộng nhất thế giới với diện tích 200 ngàn ha. Trong phiên họp toàn thể lần thứ 27 từ 30/6/2003 đến 5/7/2003 tại Pa–ris, Uỷ ban Di sản Thế giới UNESCO đã công nhận Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng là di sản thiên nhiên thế giới.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng có một quần thể hang động phong phú, kì vĩ. Một học giả cho rằng, đây là thiên đường cho bộ môn hang động học và du lịch hang động quả không ngoa. Đến nay, 20 hang động với tổng

chiều dài trên 70km đã được đoàn khảo sát Hoàng gia Anh phối hợp với Khoa Địa lí Đại học Quốc gia Hà Nội khảo sát có hệ thống, kĩ lưỡng và được công bố trên tạp chí Hang động thế giới. Trong số 20 hang động được khảo sát thì có 17 hang động ở vùng Phong Nha – Kẻ Bàng, được đánh giá là một trong những cảnh quan đẹp nhất thế giới với các đặc trưng: có sông ngầm dài nhất, các hang có chiều cao và rộng nhất, các bãi cát trong hang dài nhất và có những cột thạch nhũ đẹp tuyệt vời. Hang Vòm có độ dài trên 15km được xếp vào danh sách hang động có sông ngầm dài nhất thế giới.

Cùng với các hệ thống hang động kì diệu, còn có những dòng sông: sông Tróc, sông Chầy, sông Son chảy trong khu Phong Nha – Kẻ Bàng với dòng nước trong xanh, chảy giữa vùng núi đá, có rừng với một thảm thực vật phong phú tạo nên cảnh đẹp thơ mộng như bức tranh thuỷ mặc đầy quyến rũ du khách. Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng còn tồn tại một khu rừng nhiệt đới nguyên sinh ít bị tác động với độ che phủ trên 95% và tính đa dạng sinh học cao. Theo số liệu điều tra bước đầu đã thống kê được 140 họ, 427 chi, 751 loài thực vật bậc cao, trong đó có 36 loài nguy cơ bị tuyệt chủng và được ghi trong *Sách Đỏ* của Việt Nam. Ngoài tài nguyên thực vật đa dạng, kết quả điều tra đã thống kê được trong rừng Phong Nha – Kẻ Bàng có 32 bộ, 98 họ, 256 giống, 381 loài của 4 lớp động vật có xương sống ở trên cạn. Trong đó có 65 loài quý hiếm trong *Sách Đỏ* của Việt Nam, 23 loài được xếp vào danh sách bảo vệ toàn cầu. So với các khu bảo tồn và vườn quốc gia khác ở Việt Nam thì độ phong phú của các loài động vật ở Phong Nha – Kẻ Bàng còn khá cao. Các loài quý hiếm như Voọc má trắng có số lượng cao nhất trong nước.

Phong Nha – Kẻ Bàng có hàng chục đỉnh núi cao trên 1000m, hiểm trở, chưa từng có vết chân người, là các điểm hấp dẫn thể thao leo núi và thám hiểm. Điển hình là các đỉnh Corilata cao 1128m, Copreu cao 1213m, xen kẽ giữa các đỉnh trên 1000m là những thung lũng bằng phẳng và các đỉnh núi từ 800m đến 1000m phù hợp cho du lịch sinh thái và leo núi như ngọn Phu sinh 965m, Mama 835m. Đặc biệt đỉnh Mã Tắc cao 721m, có một mặt bằng rộng 70ha.

Khu Phong Nha – Kẻ Bàng còn ghi dấu nhiều di tích lịch sử quý giá. Trước hết phải kể đến di tích căn cứ kháng chiến chống Pháp của vua Hàm Nghi cuối thế kỷ XIX tại núi Ma–rai. Trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, những địa danh như bến phà Xuân Sơn, đường mòn Hồ Chí Minh, đường 20 Quyết Thắng đã đi vào huyền thoại.

Trong những năm qua, khu du lịch Phong Nha – Kẻ Bàng đã trở

thành khu du lịch yêu thích của du khách. Số lượng khách đến tham quan Phong Nha – Kẻ Bàng ngày càng đông. Hiện nay tỉnh Quảng Bình đang tiếp tục nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch, mở thêm các tuyến du lịch sinh thái tạo nhiều sản phẩm du lịch, gắn việc tham quan du lịch với các di tích lịch sử của đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại để Phong Nha – Kẻ Bàng thực sự là một trong những khu du lịch trọng điểm của cả nước.

(Theo Thành Phương, *Báo Đường sắt Việt Nam,* số 109, 2003)

B. VĂN BẢN TỰ SỰ(*)

Đề 11

Tóm tắt truyện *Lão Hạc* của Nam Cao bằng một bản ngắn gọn nhưng phản ánh được một cách trung thành nội dung chính của tác phẩm.

Đoạn văn tham khảo

BÀI LÀM

Lão Hạc rất nghèo, sống cô độc, chỉ có con chó Vàng làm bạn. Anh con trai lão vì nghèo không lấy được vợ, đã phẫn chí bỏ làng đi xa, làm phu đồn điền cao su mãi tận trong Nam. Lão Hạc ở nhà chờ con về và làm thuê để sống. Dù đói, lão quyết không bán đi mảnh vườn và không ăn vào tiền dành dụm do "bòn vườn"; lão giữ cả cho con trai. Nhưng sau một trận ốm dai dẳng, lão không còn sức đi làm thuê nữa. Thế là lão Hạc lặng lẽ đi đến một quyết định quan trọng. Sau khi dằn lòng bán "cậu Vàng" thân thiết, lão đến nhờ cậy ông giáo cho lão gửi ba sào vườn của đứa con trai và gửi ông giáo ba mươi đồng bạc để nhờ hàng xóm lo cho sau khi lão chết... Từ đó, lão ăn uống kham khổ, bạ gì ăn nấy, sức khoẻ ngày càng giảm sút. Rồi một hôm lão xin Binh Tư một ít bả chó... Rồi lão chết – cái chết thật dữ dội: lão vật vã trên giường đến hai giờ đồng hồ rồi mới chết. Lão đã chết để giữ lại trọn vẹn ba sào vườn cho đứa con trai chứ không chịu bán đi một sào...

(Bài làm của Trương Anh Tuấn, thành phố Cần Thơ)

(*) Trong phần này, chúng tôi có sử dụng một số bài trong cuốn ***Những bài làm văn chọn lọc 8.***

Đề 12

Tóm tắt truyện ngắn "Cô bé bán diêm" của An-déc-xen.

Đoạn văn tham khảo

BÀI LÀM

Sắp đến giao thừa. Cửa sổ mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và trong phố sực nức mùi ngỗng quay. Nhưng ngoài đường thì rét dữ dội và tuyết rơi phủ kín mặt đất. Một em bé gái nhà nghèo, mồ côi mẹ, bị bố sai đi bán diêm. Suốt cả ngày cuối năm, em chẳng bán được bao diêm nào, bụng đói, cật rét, giờ đây vẫn lang thang trên đường... Em ngồi nép trong một góc tường, giữa hai ngôi nhà, thu đôi chân vào người, nhưng mỗi lúc em càng thấy rét buốt hơn. Lúc này đôi bàn tay em đã cứng đờ ra. Em muốn sưởi và em đánh liều quẹt một que diêm. Diêm cháy sáng lên và một lò sưởi ấm áp hiện ra trước mắt em. Nhưng khi que diêm tắt thì lò sưởi cũng biến mất. Em liền quẹt que diêm thứ hai thì một bàn ăn sang trọng hiện ra và em thấy một con ngỗng quay nhảy ra khỏi đĩa, đang tiến về phía em. Que diêm vụt tắt và bàn ăn cũng không còn. Em quẹt que diêm thứ ba. Một cây thông Nô-en hiện ra lộng lẫy với hàng ngàn ngọn nến sáng rực, lấp lánh trên cành lá xanh tươi. Em với đôi tay về phía cây... nhưng diêm tắt. Đến que diêm thứ tư quẹt lên thì em nhìn thấy rõ ràng bà em đang mỉm cười với em. Muốn giữ mãi hình ảnh của người bà thân yêu, em quẹt tất cả những que diêm còn lại trong bao. Và em thấy cả hai bà cháu bay vụt lên cao, cao mãi, và họ đã về chầu Thượng đế. Em bé đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa, nhưng em đã ra đi trong những mộng tưởng kì diệu của tuổi thơ trong trắng nhất.

(Bài làm của Hoàng Lê Mai Anh,

Thành phố Hồ Chí Minh)

Đề 13

Ngày đầu tiên đi học thường lưu giữ trong lòng em những kỷ niệm khó quên. Em hãy kể lại những kỷ niệm trong ngày đầu tiên đi học của mình.

BÀI LÀM

Năm nay tôi học lớp 9. Tám năm đã trôi qua, vậy mà cái ngày đầu tiên đi học vẫn sống mãi trong lòng tôi như những kỷ niệm không thể nào quên. Mỗi lúc nhớ lại, tôi lại bồi hồi xúc động, tưởng như ngày khai trường vào lớp Một năm xưa đang hiện ra trước mắt...

Hôm ấy trời thu trong sáng. Bầu trời cao trong xanh. Từng đám mây trắng xốp nhẹ như bông lơ lửng trôi. Gió thổi nhẹ. Mẹ tôi đưa tôi đến trường vào lớp Một. Tôi mặc bộ quần áo mới, đeo trên lưng chiếc cặp đựng sách vở và bút, thước kẻ. Những thứ này mẹ tôi đã mua cho tôi tối hôm qua tại cửa hàng sách. Trên đường, nhiều bà mẹ cũng đưa con đến trường. Có những bạn gái mặc áo hoa và váy đẹp, trên đầu gài "nơ" xinh xắn nhưng lại khóc, không chịu đi, cứ nép vào người mẹ. Nhìn cảnh ấy, tôi cảm thấy tự hào và ưỡn ngực bước đi những bước dài bên mẹ.

Đến trường, cái gì cũng lạ. Lần đầu tiên tôi mới biết thế nào là trường học. Sân trường đông vui nhộn nhịp, đỏ rực màu cờ và băng khẩu hiệu chào mừng ngày khai giảng. Trên hành lang, các thầy cô đi lại hối hả, chuẩn bị cho lễ khai giảng sắp bắt đầu. Các anh chị lớp trên mặc đồng phục, quàng khăn đỏ đang chạy nhảy vui chơi xung quanh những gốc phượng già giờ đây chỉ còn những tán lá màu xanh. Tôi nhìn và ước gì mình cũng mau lớn để được chơi đùa cùng các anh chị. Nhưng tôi không dám và vẫn nắm chặt bàn tay của mẹ. Mẹ mỉm cười với tôi:

– Sang năm con cũng lớn như các anh chị thôi. Cố mà học cho giỏi con ạ.

Bỗng một hồi trống vang lên giòn giã thúc giục. Học sinh lớp nào vào lớp ấy nhanh chóng, trật tự, xếp hàng nghiêm chỉnh. Chỉ còn lại những đứa học sinh lớp một chúng tôi trên sân trường, đứa nào cũng bíu chặt lấy mẹ, lo sợ không biết làm gì. Nhưng từ loa phóng thanh, một giọng nói ấm áp của cô hiệu trưởng đã vang lên: "Các vị phụ huynh cho các em lớp Một mới vào xếp hàng ở khu vực giữa để bắt đầu làm lễ khai giảng". Mẹ tôi nhìn tôi âu yếm:

– Thế là con đã thành cậu học sinh lớp Một rồi. Hãy mạnh dạn lên, cùng các bạn xếp hàng vào lớp.

Nhìn thấy nhiều bạn đã chạy đến xếp hàng nhưng tôi vẫn chưa muốn rời bàn tay ấm áp của mẹ. Tôi cảm thấy một điều mới lạ, kì diệu đang đến với mình trong cái giây phút thiêng liêng từ thế giới của gia đình tôi đang bước sang thế giới của nhà trường – một thế giới đầy âm thanh, màu sắc vui tươi rộn rã. Rút tay khỏi bàn tay mẹ, tôi chạy đến hoà cùng các bạn, những bạn nhỏ lần đầu tiên tôi mới gặp trong ngày khai trường mà như đã quen biết từ lâu. Sau ba hồi trống khai giảng, cô hiệu trưởng tươi cười chào đón chúng tôi – lứa học sinh lớp Một mới của trường –, ân cần dặn dò những điều cần thiết và trao chúng tôi cho cô giáo chủ nhiệm. Từ giờ phút ấy, tôi cảm thấy một điều thật rõ ràng: Tôi đã là một học sinh lớp Một.

(Bài làm của một học sinh Hà Tây,
trong *Những bài làm văn mẫu lớp 8,* sđd)

Đề 14

Kể lại một kỉ niệm mà em nhớ nhất về cô giáo cũ của mình.

Bài làm

KỈ NIỆM VỀ CÔ GIÁO CŨ

Tôi cầm trên tay tấm hình chụp toàn lớp cũ của mình hồi còn học lớp dưới. Tất cả bọn tôi lúc đó, đứa nào đứa nấy trông thật ngộ nghĩnh, thật buồn cười. Trong ảnh, cô giáo chủ nhiệm để tay lên vai tôi. Cô cười hiền hậu. Cô như người mẹ hiền của tất cả chúng tôi. Tự nhiên, những kỉ niệm cũ về cô giáo lại trỗi dậy trong tôi bồi hồi, xúc động.

Cô giáo tôi có thói quen là cứ đến cuối học kì, hoặc cuối năm học lại đề nghị chúng tôi viết vào một tờ giấy nhỏ những ý nghĩ và nhận xét của mình về cô. Việc làm ấy chúng tôi làm khá đều đặn vì cô làm chủ nhiệm lớp tôi đã ba năm. Thường lũ học trò chúng tôi không hiểu hết ý định của cô giáo, mặt khác lại sợ cô nên chúng tôi đứa nào cũng viết toàn những lời đẹp đẽ về cô giáo mình.

Lần ấy, chúng tôi lại được cô giáo cho viết những lời nhận xét như thường lệ. Tôi tranh thủ viết ngay trong giờ Địa. Tôi nghĩ mãi, cuối cùng đã mạnh dạn viết:

"Em không buồn vì điểm 1 cô cho, mà em buồn vì em không học bài nên để cô giận. Mẹ em ốm nặng quá, em phải thức suốt đêm chăm sóc

mẹ. Em đã tự hứa sáng mai sẽ dậy sớm để học, nhưng mệt quá lại ngủ quên. Cô ơi, nếu cô biết mẹ em ốm nặng thế nào thì chắc cô không cho em điểm 1 đâu..."

Viết rồi, tôi ngồi thẫn thờ xem có nên gửi hay không. Bỗng một giọng nói làm tôi giật mình:

– Em viết gì thế? Đưa đây cô xem nào.

Thầy giáo dạy Địa cầm tờ giấy lên và đọc. Mặt thầy đỏ bừng. Thầy nói:

– Lát nữa lên văn phòng gặp cô chủ nhiệm!

Đến giờ ra chơi tôi theo thầy lên văn phòng. Gặp cô chủ nhiệm, thầy nói:

– Chị xem học sinh của chị nói xấu chị đây này. Học trò như vậy thì thật là khó dạy.

Thầy đưa tờ giấy của tôi cho cô xem. Nước mắt tôi cứ trào ra. Cô giáo chủ nhiệm cầm tờ giấy đọc chăm chú. Sau đó cô bước lại bên tôi, nhìn thẳng vào mắt tôi. Tôi òa lên khóc nức nở. Cô nói:

– Có gì đâu em, đừng khóc, các bạn cười cho đấy.

Chiều đó, cô đến thăm mẹ thôi. Cô và tôi bắc bếp nấu cháo cho mẹ. Cô như có điều gì vui lắm. Thỉnh thoảng cô lại vuốt tóc tôi. Khi cô về, tôi tiễn cô ra cổng. Cô nắm tay tôi rồi nói:

– Cô cảm ơn, mai em học bài đi, cô sẽ kiểm tra lại, em nhé!

Tôi nhìn theo hút cái bóng mảnh mai, hiền hậu của cô đang khuất dần sau bụi tre, lòng đầy xúc động.

Kỉ niệm mà tôi nhớ nhất về cô giáo của mình là như thế đấy.

(Theo *Cô ơi, nếu cô có biết..., Những bài làm văn tự sự và miêu tả 6*, NXB Giáo dục, 2005)

Đề 15

Kể về một lần em mắc khuyết điểm khiến thầy, cô giáo buồn.

BÀI LÀM

Tiết sinh hoạt hôm ấy, cô giáo chủ nhiệm cho lớp chúng em thảo luận về một vấn đề trong học tập.

"Thế nào là giúp đỡ bạn trong học tập? Em đã giúp đỡ bạn trong học tập ra sao?"

Vấn đề thật thiết thực, bổ ích và lí thú. Cả lớp đã thảo luận, tranh luận rất sôi nổi và cô giáo đã tổng kết lại thành những nguyên tắc, thái độ và cách thức giúp đỡ bạn trong học tập.

Khác với mọi khi, buổi sinh hoạt này, Nam ngồi im không nói. Cậu ta như thu mình lại trong góc lớp, cúi đầu xuống, không dám nhìn ai và càng tránh ánh mắt của cô giáo chủ nhiệm. Có điều gì khiến Nam lo lắng bồn chồn, thấp thỏm không yên? Và đúng như vậy, cuối buổi sinh hoạt, cô giáo chủ nhiệm nói:

– Các em về chuẩn bị cho bài học tuần sau. Riêng em Nam ở lại gặp cô.

Nam giật thót người, mặt nóng bừng rồi tái dần. Trời lạnh mà mồ hôi rịn ra ướt cả áo. À, thì ra cô đã biết mọi việc rồi. Cứ tưởng là... Thôi thì đành thú nhận trước cô để mong cô tha thứ, giúp đỡ như tấm lòng một người mẹ.

Cả lớp về hết, chỉ còn Nam và cô giáo. Em ngước nhìn cô. Nét mặt cô vẫn hiền từ, dịu dàng nhưng thoáng đượm buồn khi em nhìn thấy đôi lông mày cô khẽ nhíu lại trên khuôn mặt đăm chiêu, suy nghĩ. Cô nhẹ nhàng:

– Sao hôm nay cô không thấy em phát biểu gì cả? Thế em có đồng ý với ý kiến của các bạn về lời tổng kết của cô về thái độ và cách thức giúp đỡ bạn không?

Nam lí nhí:

– Thưa cô, có ạ.

Cô giáo lại ân cần hỏi tiếp:

– Thế em đã làm gì để giúp đỡ bạn trong học tập, nhất là môn Toán, khi em là *"cây Toán"* của lớp, được các bạn tín nhiệm và thầy dạy Toán ngợi khen?

Nam đỏ bừng mặt, lúng túng:

– Thưa cô, em chưa giúp đỡ được gì cho các bạn cả...

Cô nhìn Nam, không nói, cũng không hỏi nữa, chỉ khẽ thở dài. Miệng cô mím lại nhưng mắt cô thì hình như ươn ướt. Em thấy khuôn mặt cô lúc này giống như khuôn mặt mẹ em những lúc em có lỗi, em không nghe lời mẹ. Phải chăng cô đang buồn vì mình? Khuôn mặt cô vẫn hiền từ, cô không hề mắng mỏ Nam, nhưng chính điều này lại càng khiến em sợ và hối hận... Nam cúi đầu xuống bàn, không dám nhìn cô nữa, nhưng tiếng nói dịu dàng của cô lại vang lên bên tai:

– Nam ạ, cô rất tiếc cho em...

Không chờ cô nói hết, Nam đã bật đứng dậy, vòng tay trước cô. Nó thu hết nghị lực để nói lên một câu nói đứt quãng, lắp bắp không thành lời:

– Thưa cô... thưa cô... em có lỗi... em xin cô... tha lỗi cho em. Em đã giúp đỡ bạn... không đúng trong khi... làm bài kiểm tra. Tội của em... rất lớn... em xấu hổ lắm!... Mong cô... và các bạn... tha tội cho em! Em... em... xin hứa với cô...

Cô giáo nhẹ nhàng đặt bàn tay lên vai Nam, bảo em ngồi xuống:

– Cô biết cả rồi! Thấy giáo dạy Toán cũng đã phát hiện ra khi chấm bài, thấy bài của em và của bạn Thuý giống nhau như hai giọt nước. Lẽ ra cả hai bài đều được điểm 10, nhưng thầy đã cho cả hai bài điểm 0 vì một bài chép của bạn và một bài để cho bạn chép. Cả lớp cũng đang xì xào bàn tán về chuyện này. Đa số các bạn đều không đồng tình đối với việc làm của hai em. Riêng bọn con gái thì *"lên án"* em gay gắt. Cô chỉ tiếc cho em là học giỏi thế mà lại không biết cách giúp đỡ cho bạn mình, trái lại, *"cách giúp đỡ"* của em chỉ càng làm cho bạn ỷ lại, nên ngày càng kém hơn.

Nam gục đầu xuống bàn. Bên tai nó, tiếng cô nghiêm khắc mà dịu hiền:

– *Hội đồng Giáo dục* nhà trường đã quyết định xoá tên em trong danh sách *Đội tuyển Toán* thi học sinh giỏi cấp thành phố sắp tới, cũng chỉ vì việc ấy. Chắc em buồn lắm! Còn riêng cô, cô đau xót và thật tiếc cho em...

Nam oà khóc nấc lên. Ân hận! Nghẹn ngào! Hình như tất cả đối với nó đã muộn, đã sụp đổ hết!? Cô giáo im lặng, ôm lấy đôi vai rung rung của cậu bé, khe khẽ vuốt tóc nó... Nó xấu hổ vô cùng!

Bài học nhỏ nhớ đời ấy, đến nay Nam vẫn chưa thể nào quên...

(Bài làm của một học sinh Nghệ An, sđd*)*

Đề 16

Kể về một kỷ niệm với người bạn tuổi thơ khiến em xúc động và nhớ mãi.

BÀI LÀM

Một tối chủ nhật cuối tháng chạp – tháng củ mật, anh trai tôi gọi tôi lại bảo:

– Này Bồng, tối nay anh có việc bận đột xuất lên sân bay đón chị Bông về phép. Vậy chú có thể giúp anh canh vườn một đêm không?

– Rất sẵn lòng, với điều kiện anh phải giải hộ em bài toán (*) cô giáo vừa giao.

– Xong ngay! Nhưng nhớ tỉnh ngủ, cảnh giác cao độ. Cữ này là lắm trộm đạo tới thăm đấy. Chú ý mấy luống hoa hồng, nhất là khóm hồng bạch. Đã mất sáu bông đẹp nhất rồi, chỉ còn độc bông to nhất ấy thôi! Mất nữa, khéo *dông* cả năm chứ bỡn!

Chưa dứt câu, anh đã biến khỏi nhà. Tôi lẳng lặng ra góc vườn, giấu mình bên gốc hoàng lan.

Đêm đã khuya, rét ngọt, gió hiu hiu. Lạnh thấm qua khe cổ áo len, buốt nhoi nhói. Bỗng tôi giật nẩy mình vì phát hiện một chiếc bóng thấp, nhỏ vừa trèo qua dãy tường rào, lách qua mấy luống cải ngồng cao vóng rồi dừng lại trước khóm hồng bạch giữa vườn. Bông hoa trắng tròn xoe duy nhất khẽ đu đưa trên cành cao nhất. Hương thơm nhè nhẹ toả lan. Bóng nhỏ ấy hình như là một bé gái chừng hơn mười tuổi. Nó kiễng chân, nhìn trước, nhìn sau rồi thì thào khấn rất trang nghiêm:

– Trăm lạy Nữ thần Hồng Bạch... Xin Người...

Nó trịnh trọng nâng cái kéo nhỏ sát cành hoa...

Bỗng:

– Đứng im!

Tôi quát lớn và lập tức nhảy tới. Tiếng quát vang trong đêm, giữa khu vườn vắng, chính tôi nghe cũng thấy sợ choáng cả người.

Phụp! Chiếc kéo rời khỏi bàn tay bé nhỏ, rơi xuống đất. Cái bóng sụp xuống, run rẩy, ú ớ:

– Mẹ ơi! Ma!... Ma!...

Lát sau, bé mới từ từ đứng lên, dụi mắt. Tôi đã sừng sững đứng trước mặt, tay lăm lăm cây gậy tre đực cứng như sắt. Tôi bắt đầu tra hỏi bằng giọng khá quyền uy:

– Tại sao dám ăn trộm hoa?

– Mẹ em... mẹ em... dạ...

Bé gái ngập ngừng, lúng túng.

– Trả lời cho đúng! Ai xui mày ăn trộm hoa hồng bạch hả?

Bé gái vẫn run rẩy trước tôi – một cậu bé trai cũng trạc tuổi nó. Có lẽ vì bị bắt quả tang, vì sợ, vì rét. Trên người nó chỉ phong phanh một chiếc áo mỏng.

– Đã ăn... à... lấy mấy lần rồi?

– Sáu lần ạ!

– A! Thì ra kẻ trộm mấy lần trước cũng là mày? Nhưng lấy làm gì mà nhiều thế?

– Về làm... làm thuốc cho mẹ!

Tôi ngạc nhiên, hỏi lại:

– Làm thuốc mà những sáu lần? Kể cụ thể xem nào? Đây không thèm đánh đâu mà sợ!

– Mẹ em sốt, ho, bật máu tươi. Người rạc như mắm. Tiêm, uống đủ loại thuốc đều không đỡ. Mà nhà hết cả tiền rồi. Bố bỏ mẹ con em, đi biệt từ lâu. Mẹ nghỉ mất sức từ năm, sáu năm nay...

Bé nấc nghẹn, kể tiếp:

– Em thương mẹ em lắm, nhưng chỉ biết nhìn mẹ mà khóc. Có người bảo: Đi lấy bảy bông hồng bạch về làm thuốc là có thể chữa khỏi bệnh cho mẹ. Thế là em liều...

Trong tôi, giảm hẳn cơn bực, giận mà bắt đầu ái ngại cho nó:

– Sao *ấy* không hỏi xin đàng hoàng? *Đây* không biết, tưởng trộm thật, vụt cho một gậy thì có khổ không?

– Em ngại... Em sợ...

Tôi cúi nhặt chiếc kéo, tách nhẹ một nhát, cắt ngọt bông hồng bạch duy nhất còn lại trong vườn, trịnh trọng trao cho cô bé:

– Mình tặng bạn bông hồng này... Chúc mẹ bạn mau lành bệnh!

Định đưa tay ra đỡ, bỗng hai tay cô bé lại buông thõng, như bất lực. Cô bé thút thít:

– Không! Không được đâu! Người mách thuốc dặn đi dặn lại, rằng muốn đuổi được cái ho, cái sốt, hoa hồng bạch nhất thiết phải là hoa đi ăn trộm. Thế là mẹ em không thể khỏi được nữa rồi! Hu! Hu!

Cô bé thổn thức, uể oải bỏ về. Tôi ngơ ngác nhìn theo, xoay xoay bông hồng, rồi thả rơi xuống đất. Như chợt nhớ ra điều gì, tôi gọi với:

– Này! Bạn ấy ơi!

Tôi bước nhanh vào nhà, nhưng tay lại ra hiệu về phía góc vườn. Tôi vừa ngáp vừa bước vào sau cửa:

– Chà! Ngủ tiếp thôi!

Nhẹn như một chú mèo, cô bé bước nhanh tới góc vườn, thoáng chốc lại bươn bả quay ra, trong tay đã cầm chặt bông hồng trắng.

– A! Trộm! Trộm!

Tôi quát khẽ, lách ra cửa, từ từ đuổi theo, vung gậy vun vút vào không khí. Cô bé vụt chạy, cuống quýt trèo qua tường, buông mình nhảy vội xuống đánh huỵch. Tôi đến sát tường, nghển cổ nhìn, thấy cô nhổm dậy, cà nhắc, thập thõm cố chạy đi. Tiếng rên đứt đoạn, xa dần...

Tôi nhìn theo, mắt nhoà mờ... Một lúc sau lững thững đi vào, lại giường, nằm trằn trọc hồi lâu... Ngày mai, mình sẽ đến thăm bạn ấy, tôi tự nhủ...

Nhưng chết rồi! Chưa kịp hỏi tên, hỏi nhà ở đâu thì biết làm sao?! Tôi chỉ còn biết thở dài, trách mình vô ý...

Đêm đã khuya lắm...

*Viết lại theo truyện ngắn **"Bông hồng thứ bảy"** của Điền Ngọc Phách.*

*(**Tài hoa trẻ**, Giải thưởng truyện ngắn và thơ tứ tuyệt, 7 – 1998)*

Đề 17

Kể về một việc em đã làm khiến bố mẹ vui lòng.

BÀI LÀM

Tôi là học sinh lớp 9A Trường Lê Ngọc Hân – quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Gia đình tôi ở phố Kim Ngưu, cách trường gần 3 cây số, tôi thường đi học bằng ô tô buýt rất an toàn và tiện lợi.

Chiều hôm ấy, tôi đang chờ ô tô để về nhà thì thấy một bà cụ già cũng đến điểm đỗ chờ xe. Bà đi một mình, lại xách một làn nhựa khá nặng. Tôi vội chạy lại, xách làn cho bà và đưa bà đến ngồi ở ghế trong nhà chờ. Nhìn những nếp nhăn trên gương mặt với đôi mắt đã mờ, cái miệng móm mém và mái tóc bạc phơ, tôi thấy bà giống bà nội tôi quá. Chỉ khác là lưng bà đã còng, còn bà nội tôi thì lưng vẫn thẳng. Vậy mà bà nội tôi chỉ ở nhà với cháu, còn bà thì vẫn phải đi lại một mình trên đường. Không biết bà đi đâu khi đã gần tối? Tôi liền hỏi bà:

– Bà ơi! Trời sắp tối rồi bà còn đi đâu? Mà bà xách làn gì nặng thế?

Bà cụ cười móm mém:

– Bà đi thăm cháu nội. Con dâu bà vừa sinh cháu sáng nay. Nhà bà neo người không có ai nên bà đành đi một mình vậy. Bố nó là bộ đội Trường Sa, hai ba năm mới được về thăm nhà một lần. Đến lúc về, có khi con đã biết chạy rồi...

Tôi nhìn vào chiếc làn thấy lỉnh kỉnh bao nhiêu thứ: quần áo trẻ con, tã lót, hộp sữa, bình sữa, thức ăn, giấy vệ sinh, lại cả một phích nước... Lại nhìn tấm lưng còng và đôi chân gầy yếu, bước đi đã run run của bà, tôi thấy ái ngại, thương bà quá... Bỗng một ý nghĩ thoáng qua, tôi vội hỏi bà:

– Bà ơi! Thế cô sinh em ở bệnh viện nào ạ?

– Ở Bệnh viện Thanh Nhàn, cháu ạ.

– Ôi, bệnh viện ấy gần nhà cháu. Để cháu đưa bà đến tận chỗ cô nằm.

– Thế thì bà cám ơn cháu nhiều lắm. Bà không phải hỏi thăm đường nữa...

Ô tô buýt đến. Tôi xách làn, đưa bà lên xe vào chỗ ngồi, mua vé cho bà, rồi ngồi cạnh bà. Bà khen tôi nhanh nhẩu như cháu gái của bà ở tận trong quê. Đến điểm đỗ gần bệnh viện, tôi lại xách làn đưa bà xuống và dẫn bà vào bệnh viện, đến tận giường nằm của con dâu và cháu nội bà. Nhìn bà ngồi trên giường, bế đứa cháu nội trên tay và cười móm mém, tôi cảm thấy vui sướng vì đã làm được một việc nhỏ giúp bà trong lúc khó khăn. Khi chào bà ra về, bà còn nhắc mãi câu: "Cháu gái của bà tốt quá! Bố mẹ cháu có đứa con ngoan quá!..."

Ra đến cổng bệnh viện, hai mươi phút sau mới có chuyến ô tô buýt chạy ngược lại phía nhà tôi. Trời đã tối. Thành phố đã lên đèn. Đến bến đỗ vào ngõ nhà tôi, vừa xuống xe, cái Thục Phương, em gái tôi đã chạy ngay đến, thì thầm vẻ quan trọng:

– Chị Minh Phương! Sao chị về muộn thế? Mẹ bắt em ra tìm chị. Bố mẹ và cả bà nội nữa, đều cuống lên, lo chị bị "mẹ mìn" lừa bắt lên bán ở biên giới. Chị liệu về mà xin lỗi bố mẹ đi. Cả nhà chưa ai ăn cơm cả, đang chờ chị về đấy...

Tôi toát hết mồ hôi. Thôi chết rồi, mẹ đã dặn có việc gì về muộn phải gọi điện báo cho nhà biết. Hôm nay, đưa bà cụ lên xe đến bệnh viện, tôi quên khuấy mất điều đó. Chạy vội về nhà, tôi len lét bước vào xin lỗi bố mẹ và bà nội, cất cặp sách rồi ngồi vào bàn ăn. Trong bữa ăn, tôi đã kể cho cả nhà biết lí do về muộn của mình. Nghe xong, bố mẹ tôi không chỉ ngạc nhiên mà còn rất vui lòng khi thấy đứa con của mình đã biết làm một việc tốt.

(Bài làm của Nguyễn Thảo Minh Phương, học sinh Hà Nội)

Đề 18

Hãy tưởng tượng mình là chị Dậu và kể lại cảnh *Tức nước vỡ bờ* (trong *Tắt đèn*) theo ngôi thứ nhất.

BÀI LÀM

...Tôi đã phải rứt ruột đem bán đứa con gái đầu lòng cùng với một ổ chó mà vẫn không đủ tiền nộp sưu cho chồng và cả chú Hợi đã chết từ năm ngoái! Chồng tôi vẫn bị giam cầm, đánh đập tàn nhẫn ở ngoài đình. Mãi đến đêm hôm qua người ta mới cõng chồng tôi về rũ rượi như một xác chết. May sao, nhờ bà con xung quanh xúm đến cứu giúp, anh ấy mới tỉnh. Lại được bà lão hàng xóm cho bát gạo, tôi mới nấu bát cháo để anh húp cho lại sức.

Chồng tôi cố ngồi dậy bưng bát cháo, chưa kịp đưa lên miệng thì ông cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song, tay thước và dây thừng. Thật kinh hoàng! Ông cai lệ gõ đầu roi xuống đất, thét bắt chồng tôi phải nộp ngay tiền sưu. Hoảng quá, chồng tôi vội để bát cháo xuống phản và lăn đùng ra đó, không nói được câu gì. Ông người nhà lí trưởng lại còn mỉa mai và mắng vào mặt tôi những lời cay độc.

Trong tình cảnh ấy, tôi chỉ còn biết cúi đầu van xin hai ông làm phúc nói với ông lí trưởng cho tôi được khất. Và mặc dù ông cai lệ đã quát mắng thậm tệ, tôi vẫn thiết tha xin ông trông lại. Chồng tôi đang đau ốm thế kia, làm sao tôi không tha thiết van xin cho được?

Nhưng rồi, đùng đùng, ông cai lệ giật phắt cái thừng trong tay người nhà lí trưởng và chạy sầm sập đến để trói chồng tôi. Tôi xám mặt, hết cả hồn, vội đặt con xuống đất, chạy lại đỡ lấy tay ông ta xin tha cho chồng. *"–Tha này! Tha này!"*, vừa nói ông ta vừa bịch luôn vào ngực tôi mấy bịch rồi lại sấn đến để trói chồng tôi. Lúc đó, tức quá không thể chịu được, tôi liều mạng cự lại:

– Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ!

Ông ta lại tát vào mặt tôi rồi nhảy vào cạnh chồng tôi. Lúc này không còn là lúc để cúi đầu van xin nữa, và một sức mạnh từ đâu đã trào lên khiến tôi nghiến hai hàm răng trước kẻ đại diện cho cường quyền:

– Mày trói ngay chồng bà đi, bà cho mày xem!

Rồi tôi túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Hắn ngã chỏng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng tôi. Thấy vậy, ông người

nhà lí trưởng sấn sổ bước đến giơ gậy chực đánh tôi. Tôi liền nắm ngay được gậy của hắn, túm tóc hắn, lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu được vì sao lúc ấy tôi lại có đủ sức mạnh để đánh ngã cả hai tên ác ôn tàn nhẫn ấy? Đến mức chồng tôi sợ quá phải ngăn tôi "U nó không được thế!", nhưng tôi đã trả lời: "Thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được..."

(Bài làm của học sinh quận Cầu Giấy, Hà Nội, sđd*)*

Đề 19

Hãy đóng vai nhân vật Xiu kể lại quá trình hồi phục trở về với cuộc sống của Giôn–xi (trong *Chiếc lá cuối cùng*).

BÀI LÀM

...Bệnh tình của Giôn–xi ngày càng nặng. Tôi và cụ Bơ–men hết sức lo lắng tìm mọi cách để động viên, cố giữ cô ấy lại với cuộc sống. Bởi Giôn–xi đã suy sụp tinh thần và đang nghĩ đến cái chết của mình từng ngày, từng giờ như số phận mong manh của chiếc lá thường xuân cuối cùng trong mưa tuyết dữ dội nơi cửa sổ cô nằm.

Sáng hôm ấy, tôi vừa tỉnh dậy thì thấy Giôn–xi đang thẫn thờ nhìn tấm mành che kín cửa sổ và thều thào ra lệnh:

– Kéo nó lên, em muốn nhìn.

Tôi lo lắng kéo tấm mành lên. Nhưng, ô kìa! Sau một đêm mưa tuyết dữ dội, vẫn còn một chiếc lá thường xuân bám trên bức tường gạch. Chiếc lá cuối cùng vẫn chưa rụng.

Giôn–xi nói với tôi: "Em cứ tưởng là nhất định trong đêm qua nó đã rụng. Em nghe thấy gió thổi. Hôm nay nó sẽ rụng thôi và cùng lúc đó thì em sẽ chết".

Tôi hốt hoảng cúi xuống sát gối Giôn–xi, nói như van xin: "Em thân yêu, em hãy nghĩ đến chị. Chị sẽ làm gì đây nếu không còn em nữa?".

Giôn–xi không trả lời. Cô đang nghĩ đến cái chết sắp đến đưa cô đi.

Ngày hôm đó trôi qua và ngay cả trong ánh hoàng hôn, tôi và Giôn–xi vẫn trông thấy chiếc lá thường xuân đơn độc níu vào cái cuống của nó trên tường. Rồi đêm buông xuống và gió bấc lại ào ào, mưa tuyết vẫn

dập mạnh vào cửa sổ nơi Giôn–xi nằm. Tôi thầm nghĩ không biết số phận của chiếc lá và cô bạn thân yêu sẽ ra sao đây?...

Hôm sau, khi trời vừa hửng sáng thì Giôn–xi lại ra lệnh kéo mành lên. Thật tàn nhẫn nhưng... thật lạ quá! Tôi không tin vào mắt mình nữa! Chiếc lá thường xuân vẫn còn đó!?

Tôi thấy Giôn–xi nằm nhìn chiếc lá hồi lâu. Rồi Giôn–xi gọi tôi khi tôi đang quấy món cháo gà trên lò hơi đốt và nói với tôi những câu rất lạ:

– Em thật là một con bé hư, có phải không chị Xiu thân yêu? Có một cái gì đó đã làm cho chiếc lá cuối cùng vẫn còn đó để cho em thấy rằng mình đã tệ như thế nào. Muốn chết là một tội.

Cô nói líu ríu với tôi như một đứa em gái nhỏ làm nũng chị:

– Giờ thì chị có thể cho em xin tí cháo và chút sữa pha ít rượu vang đỏ và – khoan – chị hãy đưa cho em chiếc gương tay trước đã, rồi xếp mấy chiếc gối lại quanh em, để em ngồi dậy xem chị nấu nướng.

Sau đó một tiếng đồng hồ, Giôn–xi nói với tôi trong ánh mắt tươi vui chưa từng có:

– Chị Xiu thân yêu ơi, một ngày nào đó em hi vọng sẽ được vẽ vịnh Na–plơ.

Buổi chiều bác sĩ tới khám bệnh cho Giôn–xi. Khi tiễn ông ra về, ông cho biết bệnh tình của Giôn–xi đã giảm "được năm phần mười rồi"; và hôm sau, ông nói với tôi: "Cô ấy khỏi nguy hiểm rồi, chị đã thắng". Tôi biết có công của tôi, công của bác sĩ, nhưng cái sức mạnh chủ yếu đã kéo Giôn–xi để giữ cô lại với cuộc sống chính là chiếc lá thường xuân cuối cùng đã không rụng xuống sau hai đêm mưa tuyết dữ dội, sau hai lần Giôn–xi ra lệnh kéo mành lên. Không phải chiếc lá thật mà là *chiếc lá cuối cùng* do cụ Bơ–men vẽ – một kiệt tác cụ để lại trước khi qua đời để cứu sống cô, mà sau đó tôi mới biết và đã kể lại cho Giôn–xi nghe...

(Bài làm của Nguyễn Hương Giang, thành phố Huế)

C. VĂN BẢN NGHỊ LUẬN

I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

Đề 20

Bàn luận về câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".

BÀI LÀM

Nhân dân ta có một kho tàng văn học quí giá với những trang thơ hào hùng, với những trang tiểu thuyết hấp dẫn, đặc biệt là những câu tục ngữ ngắn gọn, súc tích, chứa đựng biết bao kinh nghiệm sống của con người. Câu tục ngữ: "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" là lời khuyên chân thành của ông cha ta đối với các thế hệ con cháu ngày hôm nay và mai sau.

Chúng ta nên hiểu câu tục ngữ như thế nào cho đúng?

Câu tục ngữ ngắn gọn nhưng chứa đựng một ý nghĩa thật sâu sắc. "Đi một ngày đàng" là đi sâu, đi sát thực tế đời sống, mở rộng phạm vi tiếp xúc, mở rộng mối giao lưu với mọi người. "Học một sàng khôn" là học được những điều hay lẽ phải, những cái đúng mà trước kia mình chưa thể biết được. Câu tục ngữ khuyên con người chúng ta phải mở rộng quan hệ giao tiếp với mọi người trong xã hội. Chỉ có điều đó mới giúp chúng ta tích luỹ, lĩnh hội được nhiều kiến thức bổ ích. Câu tục ngữ là một nhận định rất đúng đắn. Những điều hay lẽ phải nằm ở nhiều nơi nhưng tập trung nhất là ở trong sách vở và cuộc sống thực tế. Chúng ta phải tiếp xúc với nhiều người, tìm ở họ những cái "khôn" khác nhau để tích luỹ vốn sống riêng cho mình. Và khi lăn lộn trong xã hội, ta phải vận dụng những kiến thức khác nhau mà mình học được cho phù hợp với hoàn cảnh gặp phải. Chính vì thế mà kiến thức sẽ trở nên vững vàng và được khắc sâu hơn. Chúng ta luôn thấy rằng những con người va chạm nhiều với mọi người, với cuộc sống thì vốn sống của họ sẽ trở nên dồi dào. Họ là những con người khôn ngoan, lanh lợi. Ông cha ta cũng đã có lời khuyên thật cụ thể cho con cháu đời sau:

Đi cho biết đó biết đây
Ở nhà với mẹ biết ngày nào khôn.

(Tục ngữ)

Muốn cho con cháu mình trở nên khôn ngoan lanh lợi, hiểu biết rộng rãi, ông cha ta xưa đã sớm đưa con cháu mình vào trường đời, để va chạm với cuộc sống. Chỉ có ở đó, con người mới được củng cố, khắc sâu hơn về những trí thức sống. Có người đã nói: "Cuộc sống là trường đại học đầu tiên của con người". Ngày nay ở các nhà trường cũng mở rộng giao tiếp xã hội để giáo dục học sinh, để học sinh không những chỉ nắm vững được kiến thức trong sách vở mà còn có hiểu biết về thực tế, về cuộc sống, làm cho vốn sống của học sinh trở nên phong phú hơn, sâu sắc hơn. Học đi đôi với hành. Đó là phương pháp giáo dục có hiệu quả nhất. Việc thực hành, đi đó đi đây đã làm cho kiến thức mà học sinh tiếp nhận được trên sách vở trở nên sâu sắc hơn.

Em đã từng được đọc, được học những lời thơ phơi phới niềm vui tự hào của Tố Hữu khi ca ngợi về vẻ đẹp của quê hương đất nước:

Đẹp vô cùng Tổ quốc ta ơi
Rừng cọ đồi chè đồng xanh ngào ngạt
Nắng chói sông Lô hò ô tiếng hát
Chuyến phà rào rạt bến nước Bình Ca.

Vừa qua trường em tổ chức tham quan dòng sông Lô, bến nước Bình Ca, em mới thấy hết được vẻ đẹp của một vùng quê giàu có, trù phú. Cuộc tham quan đã làm cho em hiểu thêm về những vần thơ của Tố Hữu, đã làm cho em càng thấu hiểu hơn vẻ đẹp của quê hương đất nước Việt Nam.

Việc đi đó đi đây đã giúp cho con người có tầm hiểu biết rộng lớn. Trong khi đất nước đang chìm đắm trong màn đêm nô lệ tăm tối, Hồ Chủ tịch đã đi khắp nơi trên thế giới, đến nước Pháp, đến châu Phi... để học hỏi những kinh nghiệm làm cách mạng về áp dụng vào tình hình của đất nước mình. Và cuối cùng, Bác đã gặp được con đường cách mạng của Lê-nin.

Ngày nay, đất nước ta đã lựa chọn những học sinh ưu tú đưa ra nước ngoài, học hỏi những kinh nghiệm, những tiến bộ khoa học kỹ thuật về làm giàu, làm đẹp cho đất nước mình.

Câu tục ngữ này bao hàm một lời khuyên có ý nghĩa rất đặc sắc. Nó khuyên chúng ta hãy đi sâu vào thực tế cuộc sống, mở rộng quan hệ với mọi người làm cho cái "túi khôn" của mình được đầy đặn hơn, để những kiến thức mà mình học được khắc sâu hơn. Như vậy thực tế cuộc sống có tác dụng rất to lớn, rất chủ yếu trong việc giáo dục con người. Tất nhiên cuộc sống đó phải là một cuộc sống lành mạnh, phải là con đường sáng.

Dân gian cũng có câu "Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng". Con người rất dễ bị sa đoạ, hư hỏng nếu như xác định lầm con đường mình định đi.

Trong cuộc sống, chúng ta thấy không ít những trường hợp "đi một ngày đàng" mà không học được "một sàng khôn", trái lại còn bị tha hoá hư hỏng. Tại sao vậy? Có thể con đường mà họ chọn đi không sáng, có thể do bản thân họ không chịu học hỏi, họ đi với mục đích chơi bời thoả thích hoặc làm một việc gì đó mà không chuyên tâm vào việc học tập rèn luyện cho chính bản thân. Có học sinh được đưa ra nước ngoài để học tập nhưng học sinh ấy chỉ vì hám lợi trước mắt mà sa vào làm ăn buôn bán bất chính, huỷ hoại danh dự của bản thân, của đất nước. Chính vì vậy mà chúng ta phải luôn tỉnh táo để chọn cho mình con đường đi trong sáng đúng đắn nhất, trong quá trình "học khôn".

Câu tục ngữ là bài học thiết thực cho mọi người trong việc rèn luyện tu dưỡng. Vừa phải học hỏi trong thực tế, vừa phải học trong sách vở, hai cái đó bổ sung hỗ trợ đắc lực cho nhau, tạo cho con người có kiến thức vững vàng trong cuộc sống. Tuy nhiên phải biết chọn con đường sáng mà đi, phải chịu khó học hỏi khi đi trên con đường đó.

Mãi mãi câu tục ngữ "Đi một ngày đàng, học một sàng khôn" vẫn là một bài học bổ ích cho tất cả mọi người.

Phạm Thị Thuý – Trường THCS Tống Văn Trân

Đề 21

Bàn luận câu ca dao về truyền thống văn hoá của người kinh đô Thăng Long xưa:

"Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An".

BÀI LÀM

Ngày nay, trong thanh niên đang hình thành lối sống ăn chơi đua đòi. Họ chạy theo những thị hiếu nhất thời, những màu sắc loè loẹt lạ mắt của nếp sống xô bồ mà lầm tưởng là hiện đại. Họ quên đi những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Họ thường đánh giá con người bằng vẻ bề ngoài mà không nghĩ đến phẩm chất tâm hồn bên trong. Để nhắc nhở cháu con biết sống đẹp, các bậc cao niên ở Thủ đô ta thường hay nói tới câu ca dao xưa với vẻ đẹp rất đáng tự hào.

"Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An"

Nói rằng "chẳng thơm", nói rằng "không thanh lịch" chỉ là cách nói phủ định để khẳng định một nét đẹp của người Thăng Long – Hà Nội: nét thanh lịch.

Hoa nhài là một loài hoa giản dị, mộc mạc, với sắc trắng ngần. Nó không lộng lẫy kiêu sa như hoa hồng, và cũng không rực rỡ như hoa phong lan. Nhưng sắc trắng của hoa mới thanh cao làm sao. Trắng là màu sắc bên ngoài, đồng thời cũng gợi ra sự trong trắng bên trong: sự kín đáo, dịu dàng của hương thơm. Hương hoa nhài không sực nức nồng nàn mà chỉ thoang thoảng, nhưng lâu bền.

Còn Tràng An, vốn là kinh đô của mười hai vương triều phong kiến Trung Quốc. Là đất kinh kì nhiều đời vua nhất Trung Quốc, nên Tràng An là nơi tụ hội kết tinh của những nét đẹp văn hoá cả nước, rồi sau trở thành bản sắc truyền thống của Tràng An, không đâu sánh bằng. Lâu dần Tràng An trở thành biểu tượng của nét đẹp kinh kì, được sử dụng như một danh từ chung, đồng nghĩa với kinh kì, kinh đô nói chung của cả nước, vùng lân cận Trung Quốc như nước ta. Bởi vậy, cụm từ "người Tràng An" trong câu ca có nghĩa là người kinh đô, người Thăng Long. Người kinh đô Thăng Long có lối sống rất tao nhã, thanh cao, cử chỉ rất văn minh, lịch sự. Lối sống đó đã trở thành bản sắc, dù có đi xuôi đi ngược, vào Nam ra Bắc, bản sắc đó cũng không thay đổi. Dù ở đâu người ta vẫn có thể nhận ra người Hà Nội, cũng như người ta nhận ra hương nhài giữa "rừng hương".

Ở đất kinh kì này, phụ nữ thì trang phục thanh nhã, dáng đi nhẹ nhàng, ăn nói dịu dàng, lời lẽ giản dị mà lịch sự, nổi tiếng cả nước về vẻ xinh tươi, đoan trang, dịu hiền mà vẫn lanh lợi, tinh anh. Đàn ông thì thông minh, nhạy bén trong giao tiếp, lịch sự với những người khác phái và cũng có một sự ưa nhìn không kém.

Ngày nay, tiếp thu nhiều luồng ánh sáng văn minh trên thế giới, người Hà Nội đích thực vừa vẫn thanh lịch vừa thông minh, sắc sảo hơn.

Nhưng trong quá trình "mở cửa" cũng không ít những văn hoá đồi truy du nhập vào Thủ đô ta, làm xuất hiện không ít những lối sống kém văn hoá, xoá đi nét đẹp của con người kinh thành.

Vậy, để gìn giữ những truyền thống tốt đẹp mà ông cha ta để lại, mỗi chúng ta phải làm gì?

Điều này tuỳ thuộc vào bản thân mỗi người, tuỳ thuộc vào sự cố gắng để trở thành người Tràng An thanh lịch. Trong gia đình, chúng ta cần kính trọng người trên, nhường nhịn kẻ dưới. Trong quan hệ với hàng xóm, láng giềng, mỗi người đều cần tôn trọng lẫn nhau, cần cư xử đúng mực, ăn nói hành động lịch sự, nhã nhặn. Có việc gì xích mích xảy ra cũng phải bình tĩnh giải quyết, không nên cãi cọ, chửi bới, ẩu đả. Ra ngoài thì ăn mặc sao cho đúng đắn. Đi làm, đi học thì nên mặc theo quy định của cơ quan, nhà trường. Ngày nghỉ, đi chơi, đi dự lễ hội hoặc theo lễ phục dân tộc, hoặc theo y phục mới cũng cần lựa chọn thích hợp với dáng người, với lứa tuổi... tránh đua đòi. Ăn chơi theo mẫu mốt không thích hợp thực ra cũng không đẹp.

Tóm lại, chúng ta – thế hệ con cháu cần phải giữ gìn nét thanh lịch của ông cha để lại và hơn thế nữa là những truyền thống, phong tục tốt đẹp, không để chúng phôi pha dần theo ngày tháng. Chúng ta cần cố gắng tự rèn luyện để đất nước có thể tự hào với truyền thống mà qua chặng đường lịch sử dài vẫn giữ được và lấy đó làm cơ sở để xây dựng một xã hội tươi đẹp, hạnh phúc có thể sánh vai với các cường quốc năm châu.

Đào Lan Hương, lớp 8 A1, khoá 1996 – 1997

Trường THCS Nguyễn Trường Tộ

Đề 22

Suy nghĩ của em về một nếp sống đẹp của nhân dân ta: trồng cây ngày Tết, qua lời kêu gọi trồng cây của Bác Hồ:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

BÀI LÀM

Cứ mỗi độ Tết đến, xuân về thì chúng ta lại tham gia vào Hội Trồng cây, một phong tục tập quán mới, được mọi người dân hưởng ứng hào hứng không kém gì những lễ hội xuân khác. Tết trồng cây là ngày hội chung của toàn dân, từ Bắc đến Nam, từ xuôi đến ngược, đâu đâu cũng háo hức chuẩn bị tham gia kế hoạch trồng cây theo đúng lời dặn của Bác Hồ kính yêu của chúng ta:

Mùa xuân là Tết trồng cây

Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.

Vậy Tết Trồng cây có ý nghĩa như thế nào đối với chúng ta mà mọi người lại hăng hái tham gia đến vậy?

Trước hết, ta có thể thấy rằng Tết Trồng cây đã thành là một phong tục mới trong ngày Tết cổ truyền của dân tộc ta. Song song với những phong tục cổ xưa để lại như: hội đền Hùng, đền Gióng, hội Đống Đa hay hội Xuống đồng đầu xuân của nhà nông... thì Tết Trồng cây là một ngày hội mới, gắn liền với xã hội mới do Bác Hồ khởi xướng vào mùa xuân năm 1959. Qua báo chí, đài phát thanh, truyền hình, ta được biết rằng khi Bác Hồ còn sống, năm nào mùa xuân đến, Người cũng đi trồng cây cùng với nhân dân. Từ đó, Tết Trồng cây đã trở thành một phong tục không thể thiếu trong những ngày đầu xuân của dân ta. Nay Bác Hồ đã đi xa, nhưng những cây đa Bác trồng ở công viên Lê-nin, ở Đông Anh (Hà Nội), ở Vật Lại (Hà Tây)... vẫn xanh tươi, toả bóng mát. Chúng ta trồng cây vừa để góp thêm màu xanh cho đất nước theo lời kêu gọi của Bác, vừa là để tưởng nhớ Bác, vị lãnh tụ vĩ đại, người Cha già dân tộc, là để làm cho lời dạy bảo quí báu của Người trở nên bất diệt.

Tết Trồng cây đầu năm có ý nghĩa hết sức to lớn. Nó đã tạo nên sự quan tâm gắn bó của mỗi người đối với thiên nhiên, môi trường và xã hội chung quanh chúng ta; làm cho chúng ta hiểu rằng nếu cứ khai thác sử dụng cây cối, thiên nhiên tràn lan, thì tức là chúng ta đã tự huỷ hoại đi chiếc ô màu xanh của chính mình và của toàn xã hội. Qua đây ta có thể thấy rằng Tết Trồng cây đã như muốn nhắc nhủ chúng ta rằng: phải biết bảo vệ, giữ gìn và làm giàu thêm cho thiên nhiên. Nó còn giống như một con người tàng hình nắm tay mọi người lại, cùng chan hoà trong một hoạt động vì lợi ích chung của xã hội. Và Tết Trồng cây đã góp phần không nhỏ làm giàu đẹp thêm cho đất nước, cho cuộc sống của mỗi con người. Nếu mỗi người chỉ cần trồng một cây thôi thì màu xanh của cây cối sẽ phủ khắp mọi nơi từ vùng đất trống đồi núi trọc hay những vùng ven biển đang bị cát lấn. Cây sẽ giúp cho con người lấy lại màu xanh ở vùng đồi trọc, cây sẽ mọc lên và giúp ta giữ lại đất màu, chống xói mòn. Những chiếc lá bé nhỏ của chúng tưởng chừng không làm được gì, nhưng khi trên cành xanh, nó sẽ là một nhà máy hoá chất tí xíu và không ngừng hút các-bon, khí có hại cho sự sống của con người, và điều chế ô-xi, cung cấp cho sự sống của con người; khi rụng xuống, nó tự phân thân, hoà vào đất, làm cho đất màu mỡ thêm. Cây xanh còn làm được nhiệm vụ là cản những dòng nước lũ từ trên núi đổ xuống, ngăn được những đợt sóng biển từ xa đổ vào, điều hoà mực nước các con sông, ngăn không cho chúng gây nên những cơn lũ lụt bất

thường làm thiệt hại bao nhiêu tiền của.

Cây cối còn cung cấp cho chúng ta một nguồn tài nguyên phong phú để phát triển ngành công nghiệp gỗ, sản xuất ra những đồ vật hữu dụng trong ngôi nhà của chúng ta, và còn là mặt hàng xuất khẩu có giá trị trên thị trường thế giới.

Vào những ngày hè nắng chói chang, ai đã là người che nắng cho chúng ta dọc theo các đường phố? Vâng, đó là những hàng cây xanh, những người bạn của chúng ta. Chúng đã vươn mình lên cao, hứng chịu cái nắng gay gắt, cháy bỏng của mặt trời mùa hạ, để đem lại cho chúng ta những đoạn đường râm mát, rợp tiếng ve ngân. Thật thú vị biết bao khi chúng ta được đứng dưới một khung cảnh rợp mát màu xanh cây lá, làm cho chúng ta tưởng tượng như mình đang lạc vào xứ tiên. Cây cối gọi chim chóc về làm tổ, gọi những ca sĩ hoạ mi về ca hát líu lo, xua tan đi mọi sự mệt nhọc sau một ngày làm việc căng thẳng.

Qua những lợi ích của việc trồng cây như vậy, em càng thấy được trách nhiệm của mình đối với việc tham gia trồng cây. Em ước mong sao mỗi người chúng ta hãy tự trồng lấy một cây xanh cho riêng mình và thường xuyên chăm sóc, bảo vệ nó chu đáo, góp phần làm cho thành phố xanh, đất nước xanh.

Tóm lại, ta thấy rằng Tết Trồng cây là việc làm nhiều ý nghĩa, là một phong tục Hội xuân mới tốt đẹp, đang trở thành một thuần phong mĩ tục trong xã hội nước ta. Năm qua đi, Tết lại đến, thắp nén hương thơm tưởng nhớ Bác Hồ, ta trồng một cây xanh nhớ Bác, và càng thấm thía hơn lời dạy của Bác: trồng cây để cho "đất nước càng ngày càng xuân".

Đào Quỳnh Anh, lớp 8A1, khoá 1996– 1997

Trường THCS Nguyễn Trường Tộ

Đề 23

Vì sao phải bảo vệ môi trường?

Bài tham khảo

VÌ SAO PHẢI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Ngày nay việc bảo vệ môi trường đã trở thành nhận thức chung của mọi người. Nhưng vì sao lại phải bảo vệ môi trường? Bảo vệ môi trường như thế nào? Để trả lời những vấn đề này có lẽ phải bắt đầu từ chính vấn đề môi trường.

Sau Đại chiến thế giới thứ hai, sức sản xuất xã hội tăng vọt. Mọi việc sử dụng rộng rãi các loại máy móc đã tạo ra một lượng lớn của cải cho loài người, nhưng một lượng khổng lồ các chất phế thải công nghiệp cũng đã gây nên ô nhiễm môi trường rất nghiêm trọng. Một lượng lớn các chất độc hóa học sau khi thải vào môi trường đã khuếch tán, chuyển dời, tích lũy và chuyển hóa làm cho môi trường không ngừng xấu đi, uy hiếp nghiêm trọng đến sự sống của loài người và các sinh vật khác.

Năm 1962, nhà nữ sinh vật học Ra–sen Ca–xơn người Mĩ đã xuất bản tác phẩm *Mùa xuân lặng lẽ*. Cuốn sách miêu tả tỉ mỉ sự phá hoại sinh thái do lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật gây nên: "Những bệnh tật kì dị không lường được đã giết chết hàng loạt chim muông, làm cho bò cừu lâm bệnh đột tử. Trẻ em đang chơi đùa bỗng nhiên ngã quỵ, sau mấy giờ chết ngay không chữa nổi... Trên mặt đất chỉ còn sót lại một vài con chim lẻ loi thoi thóp... Đó là một mùa xuân không có sự sống". Quyển sách này đã gây chấn động dư luận trên toàn thế giới. Người ta bỗng kinh ngạc phát hiện ra: trong một thời gian ngắn chỉ mấy chục năm mà sự phát triển công nghiệp đã mang lại cho nhân loại một môi trường độc hại. Hơn nữa, môi trường bị ô nhiễm đã gây nên sự tổn thương toàn diện, lâu dài và nghiêm trọng. Loài người bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Do đó, khởi đầu từ thập kỉ 60, ở những nước công nghiệp phát triển đã dấy lên "phong trào bảo vệ môi trường', yêu cầu Chính phủ phải có biện pháp để giải quyết vấn đề ô nhiễm.

Bài học nhân loại không bảo vệ tốt môi trường thực ra đã có từ xưa. Ở thời cổ đại, những vùng kinh tế tương đối phát triển như Hi Lạp, Trung Cận Đông, v.v... vì việc khai hoang và tưới nước không hợp lí nên

đã gây ra những vùng không có cây cỏ. Ở Trung Quốc thời kì cổ đại, lưu vực sông Hoàng Hà là vùng đất tốt nhưng do chặt phá rừng bừa bãi, đất bị xói mòn nghiêm trọng nên nạn lũ lụt và hạn hán xảy ra liên miên, đất đai ngày càng cằn cỗi. Ý thức bảo vệ môi trường cũng không phải ngày nay mới có. Trung Quốc thời kì cổ đại đã có tư tưởng bảo vệ môi trường rất đơn sơ như câu nói "Không tát cạn mà chỉ bắt cá, không đốt rừng mà chỉ săn bắn". Ngày nay bảo vệ môi trường không những phải làm cho môi trường tránh bị ô nhiễm, mà còn phải kế thừa tư tưởng bảo vệ môi trường trước đây, tức là khai thác tài nguyên một cách hợp lí để bảo đảm có thể tiếp tục khai thác mãi. Chúng ta cần hiểu rằng: Vấn đề then chốt để giải quyết ô nhiễm môi trường là bảo vệ môi trường. Bảo vệ môi trường chính là để bảo vệ chúng ta.

(Theo sách *Khoa học môi trường*, La Tổ Đức chủ biên, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội, 2001)

Đề 24

Nêu ý kiến của em về vấn đề tai nạn giao thông ở nước ta.

Đoạn văn tham khảo

[...] Trong lĩnh vực tai nạn giao thông, Thần Chết là một kẻ mù lòa, không hề phân biệt người tốt và kẻ xấu khi đưa ngang lưỡi hái vào mạng sống của ai đó. Nhất là khi Thần Chết đồng hành cùng những "sát thủ" trên đường phố.

Thần Chết trao lưỡi hái cho những trai tráng đi xe máy hung hăng đánh võng lạng lách, vượt ẩu trên đường phố. Những kẻ hoặc không biết luật hoặc không thèm biết đến luật giao thông. Những kẻ đầu óc trống rỗng không còn gì để tự tin và tự hào ngoài việc "khủng bố" người đi đường bằng những cú vượt phải, tạt qua sát sạt trên đầu xe người đi đường khác, gây ớn lạnh sống lưng và lấy nỗi khủng khiếp của kẻ khác làm khoái cảm,...

Rõ ràng, ngoài những hạn chế khách quan thì ý thức còn hết sức non kém của một số người dân Việt Nam khi tham gia giao thông đang là nguyên nhân quan trọng cướp đi sinh mạng của nhiều người.

Tiếc thay, đó hầu hết lại là những trai tráng. Theo thống kê của

UNICEF năm 2004, hầu hết các ca tử vong ở tuổi 15–19 đều là người đi xe máy! Đó là sự tổn thương quá lớn cho lực lượng lao động của đất nước. Lực lượng ấy lẽ ra phải bắt đầu gánh lấy trách nhiệm công dân và gia đình, làm ra của cải và đem lại sự phồn vinh cho gia đình và xã hội.

Nếu chúng ta muốn có hạnh phúc và gặt hái được nhiều qua hội nhập, nếu chúng ta tự hào rằng Việt Nam mến khách, thì mỗi người hãy tự điều chỉnh mình, trước hết là tự cứu mình và cứu người, đem sự an toàn ra đãi mình và đãi khách bằng sự cẩn trọng khi tham gia giao thông.

Chúng ta cần một chương trình truyền thông hiệu quả hơn để "những lưỡi hái tử thần" không còn nghênh ngang trên đường phố !

(*Theo* Võ Thị Hảo, báo điện tử *Vietnamnet,* ngày 12–12–2006)

II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Đề 25

Bàn luận về câu tục ngữ "Có công mài sắt có ngày nên kim".

BÀI LÀM

Tục ngữ là trí khôn muôn đời của nhân dân. Mỗi câu tục ngữ là một bài học lớn. Một trong những bài học ấy được đúc kết trong câu tục ngữ hàm súc: "Có công mài sắt có ngày nên kim".

Câu tục ngữ đã nêu lên một chân lí lớn bằng những hình ảnh tượng trưng đầy sức thuyết phục. Sắt là một thứ kim loại cứng thế nhưng mài mãi cũng sẽ thành cây kim nhỏ. Đó là một sự kiên trì, cố gắng phi thường. Từ một thỏi sắt to trở thành cái kim nhỏ phải tốn bao công sức, mồ hôi mới có được. Mới nghĩ đến ta đã thấy run sợ, ngại ngùng. Chẳng ai hơi đâu ngồi kì công mài sắt thành kim như thế. Công việc này tưởng như khó khăn không thể làm nổi. Thế mà vẫn có người không quản gian lao, không sá công phu, vẫn gắng sức làm cho kỳ được. Cho nên cây kim dù rất nhỏ bé, không đáng gì nhưng nó là thành quả của biết bao sự cố gắng, kiên trì nhẫn nại. Nghĩa đen của câu tục ngữ chỉ là việc mài sắt thành kim, nhưng nếu suy ra nghĩa bóng thì thật là rộng. Đó là một lời khuyên, một bài học mà ông cha ta đã đúc kết từ ngàn đời truyền lại cho con cháu hôm nay và mai sau. Đó là lời răn dạy: Có sự kiên trì nhẫn nại và quyết tâm lớn thì việc gì cũng làm xong cho dù việc đó rất

khó khăn, tưởng như không thể hoàn thành được.

Bác Hồ từng dạy:

"Không có việc gì khó
Chỉ sợ lòng không bền
Đào núi và lấp biển
Quyết chí ắt làm nên"

cũng là trên tinh thần như thế.

Qua lời Bác dạy ta càng hiểu thêm về sức mạnh của lòng kiên trì, bền bỉ. Có quyết tâm lớn thì việc gì cũng làm được, cho dù đó là việc "đào núi và lấp biển".

Trong cuộc sống của chúng ta có biết bao tấm gương tiêu biểu đã "mài sắt" để có ngày "nên kim". Tấm gương ấy không đâu xa lạ, đó chính là Bác Hồ – Người Cha của dân tộc. Đất nước ta được hoà bình tự do như ngày hôm nay chính là một phần nhờ vào lòng kiên trì "bền gan vững chí" của Bác. Khi còn là chàng thanh niên trẻ tuổi, Bác đã từ biệt mọi người ra đi tìm đường cứu nước. Ở nơi đất khách quê người, Bác đã làm mọi việc để kiếm sống: làm phụ bếp trên tàu, làm người cào tuyết giữa mùa đông giá lạnh ở châu Âu...

Có nhớ chăng hỡi gió rét thành Ba-lê
Một viên gạch hồng Bác chống lại cả một mùa băng giá
Và sương mù thành Luân Đôn ngươi có nhớ
Giọt mồ hôi Người nhỏ giữa đêm khuya.

(Chế Lan Viên)

Biết bao nhiêu vất vả và cực nhọc, Bác chẳng sờn lòng. Bác kiên trì đi đến tất cả các nước, các dân tộc trên thế giới để tìm hiểu con đường giải phóng dân tộc của họ. Cuối cùng, sự kiên nhẫn của Bác đã được đền đáp xứng đáng. Người đã tìm thấy con đường đi cho dân tộc thoát khỏi cảnh nô lệ lầm than.

Tấm gương Bác Hồ chói sáng và rực rỡ, trước hết là ở chỗ "có công mài sắt có ngày nên kim".

Gần gũi với chúng ta không ít những tấm gương sáng đáng khâm phục. Nhà thơ Nguyễn Khuyến nổi tiếng là "Nhà thơ của làng cảnh Việt Nam". Những sáng tác của ông là kết quả của một sự rèn luyện không

ngừng, không biết mệt mỏi "lao tâm khổ tứ". Thiên tài không thể một sáng một chiều mà thành công được. Một nhà văn phương Tây đã khẳng định: "Thiên tài là một sự kiên nhẫn lâu dài". Quả đúng như vậy. Để trở thành một nhà thơ lớn, Nguyễn Khuyến đã trải qua cuộc sống nghèo khổ, túng thiếu. Theo giai thoại: Ông nhà nghèo, mỗi buổi sớm đến trường phải mang theo một cái giậm để sau buổi bình văn đi bắt cá. Quê ông vốn là đồng chiêm trũng nên cá rất nhiều. Có những buổi sớm mùa đông giá lạnh, thầy đồ vẫn thấy anh học trò nghèo lam lũ dưới ao sâu. Tối về nhà, không có đèn, anh học trò nghèo Nguyễn Khuyến đã theo cách người xưa bắt đom đóm nhốt vào vỏ trứng hoặc tận dụng ánh trăng để đọc sách. Tài năng của Nguyễn Khuyến không chỉ là ở trí thông minh mà còn là sự kiên trì, lòng quyết tâm cao.

Một tấm gương nữa rất gần gũi với chúng ta đó là anh Nguyễn Ngọc Kí. Anh bị liệt cả hai tay nhưng mong ước đến trường vẫn luôn thôi thúc anh. Thế là anh bắt đầu tập viết bằng chân. Những nét chữ đầu tiên thật là khó nhưng anh không chịu nản lòng và bây giờ anh đã trở thành một nhà giáo ưu tú, được các em học sinh yêu quý, kính trọng. Anh còn là một cây bút quen thuộc với chúng ta.

Trong lao động, tấm gương của nhà bác học Lương Định Của đúng là một bằng chứng hùng hồn. Để lai tạo một giống lúa mới có năng suất cao, có khả năng chống rầy tốt, ông phải làm việc vô cùng vất vả, khó nhọc. Hàng ngày, từ tờ mờ đất, ông đã ra ruộng lội bì bõm nghiên cứu, thử nghiệm đến tối mịt mới về. Qua vài vụ lúa, một giống lúa mới được tạo thành. Chính sự kiên nhẫn bền bỉ của ông đã đem no ấm đến cho đời. Rồi Mai An Tiêm, rõ ràng nhờ chăm chỉ, kiên trì đã làm chủ cuộc sống nơi đảo hoang không một bóng người.

Trên thế giới, không ai là không biết nhà bác học người Pháp Pi–e Quy–ri và Ma–ri Quy–ri. Họ đã kì công trong bốn năm trời lọc đi lọc lại tám tấn bã quặng để tìm ra một phần mười gam chất phóng xạ Ra–di–um. Thế mới biết, muốn tìm ra một nguyên tố hoá học cũng đòi hỏi sự bền bỉ, kiên trì mãnh liệt.

Không chỉ học tập những con người nổi tiếng mà những tấm gương của những người lao động xung quanh mình cũng rất đáng tuyên dương. Ở huyện em, mọi người đều yêu quí chị Lan. Chị bị liệt tay phải và một chân. Tuy phải viết bằng tay trái và đi lại khó khăn song chị là học sinh giỏi toàn diện, vừa rồi hai tác phẩm chị viết đã được xuất bản gây tiếng vang lớn. Em nghĩ phải chăng chị cũng là tấm gương của lòng

kiên trì đáng cho chúng ta học tập.

Qua các tấm gương trên, em thấy mình còn phải cố gắng nhiều, trước hết là lòng kiên trì nhẫn nại, không quản khó khăn vất vả để trở thành người công dân tốt. Đó là bước mở đầu của nhân cách con người. Là một đứa con trong gia đình, em phải học tập tốt để xứng đáng với lòng tin yêu của cha mẹ. Là một công dân của đất nước, em phải cố gắng tu dưỡng nhiều để trở thành chủ nhân của tương lai.

Lời khuyên răn của ông cha luôn đúng đắn, thiết thực. Nó sẽ có ý nghĩa lớn hơn khi ta thực hiện tốt lời dạy đó.

Lê Thị Huệ – Lớp 8 Thọ Xuân– Thanh Hóa

Đề 26

Bàn luận về câu tục ngữ:

Đất rắn trồng cây khẳng khiu,

Những người thô tục nói điều phàm phu.

BÀI LÀM

Từ ngàn xưa, ông cha ta đã rất quan tâm đến lời ăn tiếng nói. Bởi vì nó là biểu hiện nét đẹp của con người. Đã không ít những câu chuyện kể cho con cháu nghe, cha ông ta dùng những biểu tượng rất đẹp, rất quý để tượng trưng cho những lời nói đẹp, và những cái ghê tởm để tượng trưng cho những lời nói xấu xa. Cô bé nọ dịu dàng, nết na, giàu lòng thương người, được tiên ban phép lạ: mỗi một lời cô nói ra là nở thành hoa, sa thành ngọc. Còn ả nọ bụng dạ nanh ác, tiên phạt: hễ mở miệng nói mỗi tiếng là mỗi biến thành cóc nhái, rắn rết! Để răn dạy mọi người, các tác giả dân gian còn nói bằng câu tục ngữ:

Đất rắn trồng cây khẳng khiu

Những người thô tục nói điều phàm phu.

Ca dao, tục ngữ xưa thật giàu hình ảnh và hữu ý! Mỗi câu đọc lên nghe sao bình dị mà vẫn sâu sắc, như câu tục ngữ trên đây chẳng hạn. Mở đầu bằng một hình ảnh sự vật rất giản dị "đất" và "cây", người xưa đã xây dựng nên một mối quan hệ nhân quả thật sâu sắc: "Đất rắn" và "cây khẳng khiu". Có người nói điều này thật bình thường, tất nhiên cây mọc trên đất không tốt sẽ khẳng khiu và trơ trụi là phải thôi. Nhưng cái hữu ý mà nghệ sĩ dân gian gửi tới chúng ta chính là: bản chất của

đất không cần kiểm tra hay xét lọc gì mà chỉ cần nhìn những bụi cây ngọn cỏ ở trên đó ta có thể thấy được đất tốt hay không tốt. Cũng như ở câu sau: *"Những người thô tục nói điều phàm phu"*. Bằng cách so sánh ngầm: những con người "thô tục" cũng như "đất rắn" đã bộc lộ ngay bản chất, cái bản chất dù có giấu kín tới cỡ nào, nhưng "thô tục" tất dẫn đến phàm phu. Tục ngữ, ca dao xưa vốn ý nhị mà sâu sắc, nên điều mà các tác giả xưa muốn nói không phải là cái sự vật mà chính là cái ý nghĩa bóng bẩy mà tác giả gửi gắm trong sự vật ấy. Những bản chất xấu hay tốt đều bộc lộ qua hành động, suy nghĩ và lời nói.

Thật vậy, điều mà câu tục ngữ gửi gắm đến chúng ta thật hợp lí và phải lẽ! Cái mối quan hệ nhân quả giữa cái bản chất ẩn giấu kín với biểu hiện ra bên ngoài là thống nhất. Bởi vậy muốn hay, muốn tốt không thể lo che đậy bản chất mà phải cải tạo cái bản chất đi. Ví như đất khô cằn kia được cải tạo thành đất màu mỡ thì cây sẽ tươi tốt. Con người cũng vậy, phải làm thay đổi tính chất thô tục trong con người đi thì mới có thể làm cho anh ta nói ra được những điều thanh lịch. Suy rộng ra thì có làm cho con người ta thay đổi bản chất xấu xa trở thành con người lương thiện thì người ta mới suy nghĩ, hành động, nói năng tốt đẹp.

Song việc đó không đơn giản. Bởi vì bản chất là cái đã ăn sâu vào sự vật, vào con người không thể một vài tác động, trong một thời gian ngắn mà làm thay đổi được. Ngay như những vũng đất khô cằn, bạc màu, con người muốn cải tạo cũng phải biết bao biện pháp khoa học, tác động vào đất hàng mấy năm, có khi hàng chục năm trời, đất mới trở nên màu mỡ được; huống chi là con người. Khi ta đem những điều hay lẽ phải để cải tạo bản chất con người, thì bên cạnh con người đó vẫn có không biết bao nhiêu điều xấu cũng tác động vào anh ta. Cái tốt chiến thắng cái xấu, hay ngược lại, còn do sự nỗ lực hay sự buông thả của bản thân người đó. Đó là cuộc đấu tranh bền bỉ, liên tục giữa hai thế lực nên không thể một sớm một chiều mà thay đổi một con người thô tục thành con người thanh lịch được.

Mặt khác, câu tục ngữ cũng muốn nêu lên một quy luật trong tự nhiên để nói lên một quy luật trong xã hội. Đất, môi trường sống của cây, mà khô cứng thì cây gầy khẳng khiu, không tươi tốt. Xã hội, môi trường sống của con người, mà xấu xa thì cũng không thể tạo ra được những con người tốt lên, có nếp sống tốt nảy nở và phát triển. Đồng thời từng con người tốt lên, có nếp sống văn minh lịch sự sẽ hợp lại thành xã hội ngày càng văn minh hơn.

Gia đình là tế bào của xã hội. Ở đó con người sinh ra là đã tiếp thu sự giáo dục của các thế hệ lớn hơn, một sự giáo dục bằng tình thương và trong tình thương. Đứa trẻ ngay từ bé có được lời nói lễ phép, thanh lịch; cư xử khôn khéo, văn minh; nếu tất cả người lớn trong gia đình đều có nếp sống văn minh đó.

Lớn hơn một chút, đến nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường phổ thông, đại học... ở đâu cũng là môi trường trong sạch lành mạnh, thì đứa trẻ ấy sẽ có một bản chất lành mạnh, trong sáng, sẽ trở thành một công dân tốt, và một thành viên tốt trong gia đình. Và cứ thế phát triển đến các thế hệ tiếp theo.

Nhân dân lao động xưa kia, tác giả của các câu tục ngữ quí giá như câu trên đây, do hoàn cảnh, có thể là những người thất học, hoặc ít học. Nhưng không vì thế mà họ không lưu giữ những truyền thống văn hoá đẹp. Chính vì thế họ đã gửi gắm vào những câu tục ngữ, ca dao dễ nhớ, dễ thuộc những phương châm xử thế văn minh giàu bản sắc dân tộc để lưu truyền mãi mãi. Ngày nay, xã hội chúng ta, trình độ dân trí ngày càng cao, thì nếp sống văn minh càng phải được nâng cao. Trong phong trào xã hội "xã hội văn minh, gia đình văn hoá mới" chúng ta không thể không nhớ lời cảnh tỉnh của câu tục ngữ trên đây.

Phan Quỳnh Hoa, lớp 8A1, khoá 1996 – 1997

Trường THCS Đống Đa

Đề 27

Em có suy nghĩ gì về câu ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

BÀI LÀM

Tôi sinh ra, lớn lên và trưởng thành được như bây giờ là nhờ có bàn tay chăm sóc và tình yêu thương ấp ủ của ba mẹ. Ba mẹ tôi đã phải trải qua bao gian truân để nuôi dưỡng tôi thành người, ba mẹ tôi đã giành cho tôi một tình thương lớn lao, vô bờ bến. Thấu hiểu được công ơn cha mẹ, tôi càng cảm thấy mình phải có bổn phận làm con sao cho xứng với công lao

trời biển ấy và càng cảm thấy thấm thía hơn khi được đọc bài ca dao:

Công cha như núi Thái Sơn,
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.
Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.

Âm điệu của bài ca dao thật ngọt ngào, lời lẽ nhẹ nhàng, thiết tha mà hàm súc, thật nhiều ý nghĩa, đã ca ngợi công ơn cha mẹ đối với con cái và nhắc nhở những người con làm tròn bổn phận của mình. Ở đây, hình tượng ngọn núi Thái Sơn sừng sững, nước trong nguồn mát lành đã được ông cha ta đưa vào câu ca dao với những liên tưởng hết sức sâu xa.

Núi Thái Sơn là núi cao nhất, đồ sộ nhất, vững chãi nhất ở Trung Quốc, cũng như tình cha mạnh mẽ, vững chắc. Chính Người đã dạy dỗ, hướng cho ta về lẽ phải và truyền thêm cho ta sức mạnh để bay vào cuộc sống. Và thông qua hình tượng nước trong nguồn, dòng nước tinh khiết nhất, mát lành nhất, dạt dào mãi chẳng bao giờ cạn, ta cũng cảm nhận rõ được tình yêu của mẹ mới thật ngọt ngào, vô tận và trong lành biết bao nhiêu. Từ những hình ảnh cụ thể ấy mà ta có thể thấy được ý nghĩa trừu tượng về công cha nghĩa mẹ. Công ơn đó, ân nghĩa đó to lớn sâu nặng xiết bao; chính vì vậy mà chỉ có những hình tượng to lớn bất diệt của thiên nhiên kì vĩ mới sánh bằng. Vì thế mà người xưa mới khuyên nhủ chúng ta phải làm tròn chữ hiếu, để bù đắp phần nào nỗi cực nhọc, cay đắng của cha mẹ đã phải trải qua vì ta.

Vậy thì vì sao công cha lại như núi Thái Sơn; vì sao nghĩa mẹ lại như nước trong nguồn. Bởi vì cha mẹ là người đã sinh thành ra ta, nuôi dưỡng chúng ta, chẳng quản vô vàn vất vả. Mẹ bay đến đời ta với tình yêu dịu dàng, ngọt mát qua những lời ru nuôi lớn ta trong giấc ngủ, qua làn gió mát đêm hè từ bàn tay Người, từ hơi ấm mẫu tử sưởi ấm ta trong đêm đông giá lạnh. Còn cha bay đến với đời ta cũng bằng tình thương mãnh liệt, đã ấp ủ trong đôi tay vững chắc của Người. Cha dạy ta điều hay, lẽ phải, uốn nắn khuyết điểm cho ta, hướng cho ta đứng dậy trong mỗi lần vấp ngã.

Non xanh bao tuổi mà già,
Bởi vì sương tuyết hoá ra bạc màu.

Cả đời cha mẹ lăn lội với sương gió vất vả cay đắng để nuôi ta ăn học, để gây dựng cho tương lai của chúng ta sau này. Có ai nghĩ đến chăng, từ bát cơm dẻo thơm hay manh áo ta được hưởng, những vật tưởng chừng quá bình thường trong cuộc sống hàng ngày, cha mẹ ta đã

phải lao động "đổ mồ hôi, sôi nước mắt" mới làm ra được. Song cha mẹ ta không bao giờ tính toán, kể lể về những khổ cực mình đã trải qua. Những khi gặp trở ngại khó khăn, những người con lại tìm về với cha mẹ bởi cha mẹ là những chỗ dựa vững chắc nhất, tin cậy nhất của ta, họ luôn giang tay mở rộng tình thương đối với các con. Cả cha và mẹ cùng bên nhau sống trọn đời vì con, tạo lập niềm tin tưởng và nền móng vững chắc cho con bước vào ngưỡng cửa cuộc đời. Cha mẹ đã hi sinh cho con tất cả, bởi thế đứa con nào, kể cả khi đã trưởng thành, đều trở nên nhỏ bé trước cha mẹ. Ôi, tình mẫu tử phụ tử mới bao la và thiết tha làm sao!

Và nếu như ta đã thấu hiểu công lao cha mẹ cao cả đến nhường ấy thì sao còn chút gì ngần ngại khi nhắc tới bổn phận làm con của mình, bởi hiếu thảo không chỉ là đáp lại tấm lòng cha mẹ mà còn là đạo lí của người làm con, là nét đẹp của mọi người. Vậy chúng ta phải làm thế nào cho thật xứng đáng? Trước hết chúng ta phải luôn nhớ tới và trân trọng những công lao của cha mẹ, phải biết ngoan ngoãn vâng theo những điều hay lẽ phải cha mẹ dạy bảo, tránh làm phiền lòng cha mẹ. Ta còn phải biết chăm sóc, hỏi han ân cần, quan tâm đến cha mẹ thường xuyên. Hàng ngày, tuỳ theo khả năng, chúng ta cố gắng làm các việc trong nhà như dọn dẹp nhà cửa, đi chợ, thổi cơm, rửa bát, giặt giũ... để cha mẹ sau giờ làm việc về tới nhà được nghỉ ngơi trong cảnh nhà cửa sạch sẽ, ăn bát cơm dẻo canh ngọt. Có được những đứa con ngoan ngoãn như vậy thì cha mẹ nào chẳng cảm thấy ấm lòng sau bao nỗi vất vả.

Trải qua bao thế kỷ, lời khuyên nhủ của câu ca dao vẫn còn nguyên giá trị giáo huấn quí báu của nó. Bởi xã hội dù tiến lên đến đâu thì con người, ai ai cũng phải có cha mẹ, và chúng ta ngày càng phải phát huy truyền thống ngàn xưa ấy. Và bài ca dao vẫn sẽ mãi mãi còn như khẳng định sự trường tồn của vẻ đẹp ấy.

Nguyễn Thị Phương Minh – Lớp 8B1

Khoá 1996 – 1997, Trường Nguyễn Trường Tộ

Đề 28

Suy nghĩ của em về lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đoàn kết là sức mạnh vô địch".

BÀI LÀM

Tại Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lần thứ nhất tổ chức ở Hà Nội tháng 4 năm 1955, Bác Hồ có nói: *"Đoàn kết là sức mạnh vô địch"*. Câu nói tuy ngắn gọn, dễ hiểu, chính xác, nhưng là một chân lí tồn tại muôn đời.

Theo em, đoàn kết là tập hợp các phần tử lẻ tẻ hoặc các bộ phận thành một khối thống nhất. Song thống nhất không có nghĩa là không đấu tranh với những biểu hiện sai trái của mỗi thành viên. Ví như ở lớp, ở trường chúng ta đoàn kết chính là yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, cùng hướng tới mục tiêu phấn đấu tốt, đồng thời biết góp ý, phê phán những khuyết điểm của bạn để bạn tiến bộ. Đoàn kết được thể hiện bằng động cơ, mục đích đúng đắn vì lợi ích tập thể phù hợp với sự phát triển chung của xã hội. Nếu tập hợp lại chỉ vì lợi ích nhỏ hẹp của tập thể mà đi ngược lại sự phát triển chung của xã hội thì đó là tư tưởng cục bộ, là chủ nghĩa cá nhân.

Nhưng tại sao đoàn kết là một sức mạnh vô địch? Có lẽ vì đoàn kết sẽ tạo điều kiện cho mỗi cá nhân phát huy khả năng tiềm tàng của mình, tạo nên một sức mạnh tổng hợp, vĩ đại, không ai địch nổi. Trước hết, đoàn kết làm tăng số lượng của cải, vật chất của con người. Có đoàn kết con người mới có sức lao động, có đủ khả năng để xây dựng những công trình lớn. Nhà máy Thuỷ điện Hoà Bình là một chứng minh rõ nhất. Dưới sự giúp đỡ của những chuyên gia Liên Xô (cũ), những công nhân Việt Nam và cả những công nhân Liên Xô (cũ) cùng chung sức, đồng lòng xây dựng nên nhà máy, mang đến ánh sáng kì kiệu của điện cho nhiều nơi trên đất nước chúng ta. Cũng như vậy, sự đoàn kết các dân tộc trên đất nước Việt Nam đã khiến chúng ta thời nào cũng đương đầu và chiến thắng những lực lượng xâm lược to lớn hơn, được trang bị vũ khí và phương tiện hiện đại hơn.

Đoàn kết còn làm tăng sức mạnh trí tuệ. Chính sự đoàn kết trong nghiên cứu khoa học là nguồn gốc của biết bao thành tựu kỹ thuật. Nhóm kiến trúc sư trẻ do Kiến trúc sư Hoàng Thúc Hào làm nhóm

trưởng đã được giải thưởng thế giới năm 1994 về quy hoạch đổi mới làng gốm Bát Tràng. Trong một lần phỏng vấn, nhóm trưởng Hoàng Phúc Hào có nói: "Một trong những nguyên nhân thành công cơ bản là sự thương yêu đoàn kết của toàn nhóm". Quả thật không sai.

Muốn đoàn kết được các dân tộc trong một nước thì các dân tộc không phân biệt là dân tộc lớn hay dân tộc nhỏ đều phải tôn trọng, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau. Nhà nước cần phải ưu tiên tiền của, cơ sở vật chất kỹ thuật cho các dân tộc vùng xa vùng sâu để họ phát triển kinh tế, văn hoá, tiến kịp với các dân tộc vùng xuôi. Các dân tộc vùng xuôi cũng cần góp sức xây dựng miền núi, các dân tộc sống trên cùng một nước phải hoà nhập với nhau để xây dựng đất nước vững mạnh. Nhưng một đất nước dù lớn mạnh đến đâu, sống trên cùng hành tinh này cũng không thể tách rời nhân loại mà phát triển phồn vinh mãi mãi được. Các nước cứ tranh chấp nhau liên miên thì Trái Đất này cũng chẳng có hoà bình hạnh phúc. Cho nên các nước cũng phải đoàn kết với nhau.

Hiểu được câu nói của Bác Hồ, học sinh chúng ta cần phải áp dụng, rèn luyện thường xuyên. Riêng em, em thấy mình phải luôn có ý thức rèn luyện tinh thần đoàn kết trong công việc của lớp, của trường, cùng nhau xây dựng một tập thể vững mạnh. Trong cuộc sống ở gia đình, phường xóm cũng vậy, phải luôn luôn có ý thức đoàn kết đúng đắn.

Tuy Bác Hồ nói câu nói này vào năm 1955 nhưng tới nay, nó vẫn còn giá trị hiện thực sâu sắc: Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội chúng ta phải luôn nhớ thực hiện lời Bác Hồ dạy.

Ôi ước gì, tất cả các nước trên toàn thế giới biết đoàn kết lại với nhau như năm ngón tay trên một bàn tay thì Trái Đất này sẽ tươi đẹp biết bao, yên vui, hạnh phúc biết bao!

Bài làm của Lê Thuý Hạnh,

lớp 8A1, Trường Nam Thành Công, năm học 94 – 95.

Đề 29

Bàn luận về câu tục ngữ: "Uống nước nhớ nguồn".

BÀI LÀM

Kho tàng văn hoá Việt Nam ta vô cùng phong phú, đa dạng và có giá trị to lớn. Đi vào kho tàng văn hoá dân tộc, chúng ta có thể tìm thấy một trang sử hào hùng, một câu chuyện li kì, một câu ca dao, tục ngữ ngắn gọn mà mang nhiều ý nghĩa. Những câu tục ngữ, ca dao đó được đúc rút từ cuộc sống lao động bình thường hàng ngày. Nó ngắn gọn nhưng chứa đựng những chân lí sáng ngời, những phẩm chất cao quí, lưu truyền trong nhân dân ta từ đời này qua đời khác, từ thế hệ này sang thế hệ khác. Câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" đã biểu hiện sinh động lòng biết ơn đối với người đã mang lại cho ta hạnh phúc. Câu tục ngữ được chúng ta nhớ đến không chỉ vì nó ngắn gọn dễ thuộc, dễ nhớ mà vì nó chứa đựng một ý nghĩa giáo dục sâu sắc. Vậy ta phải hiểu câu tục ngữ ấy như thế nào cho đúng?

Trong cuộc sống hàng ngày, nước rất cần cho sự sống, không những cho con người mà còn cho tất cả sinh vật tồn tại trên Trái Đất này. Có nước thì mới có những bãi mía nương dâu, những mùa màng bội thu trên khắp các miền quê. Cuộc sống của con người vui vẻ hơn, hạnh phúc hơn cũng là nhờ những dòng nước đó, mỗi chúng ta phải biết nhớ đến nguồn – nơi đã sinh ra nước và đưa nước đi mọi nơi. Đó là nghĩa đen, còn nghĩa bóng của câu tục ngữ là gì? "Nước" ở đây không chỉ là những dòng nước chảy ra từ nguồn mà còn là những thành quả chúng ta được hưởng. Và khi được hưởng những thành quả ấy, chúng ta phải biết ơn những người đã tạo ra. "Uống nước" phải "nhớ nguồn". Đó cũng chính là tâm niệm, khát vọng muôn đời của con người Việt Nam sống ân nghĩa, thuỷ chung. Có thể nói lời nhắc nhủ của ông cha ta gửi trong câu tục ngữ là rất đúng đắn và chính đáng. Chúng ta phải nhớ ơn những người đã làm nên thành quả cho chúng ta hưởng. Ta được như ngày hôm nay, trước hết phải kể đến công lao to lớn như trời bể của cha mẹ:

Công cha như núi Thái Sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

"Công cha", "nghĩa mẹ" được so sánh với tất cả những gì cao cả, mênh mang nhất. Cha mẹ đã mang nặng đẻ đau sinh ra ta, nuôi nấng, dạy dỗ ta dành tất cả tình thương yêu cho chúng ta, hi sinh tất cả vì chúng ta.

Tất cả những điều cha mẹ dành cho ta, ta lấy gì đền đáp cho được? Câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" đã nhắc nhở chúng ta phải biết ơn và kính yêu, hiếu thảo với cha mẹ, sống sao cho xứng đáng với công lao và tấm lòng của cha mẹ, ông bà. Ta lớn khôn, hiểu biết như ngày hôm nay là nhờ công lao dạy bảo của những người thầy, người cô đã không quản khó khăn dạy dỗ ta nên người. Ta được sống trong một đất nước hoà bình, tự do này là nhờ những người đã không tiếc công sức, xương máu của mình, hi sinh cho dân tộc, cho nhân dân. Chính câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" này đã giúp chúng ta hiểu được những công lao to lớn của các thế hệ ông cha, tỏ lòng biết ơn và kính trọng ông cha cùng các thế hệ đi trước.

Đất nước ta ngày nay có phong trào đền ơn đáp nghĩa những người có công với Tổ quốc. Chúng ta đã có những việc làm như: tặng và truy tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, tặng nhà tình nghĩa, nhận chăm sóc những người già neo đơn, qui tụ mộ liệt sĩ... Chúng ta, những người được hưởng những thành quả to lớn đang nhớ về "nguồn" và tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với những người xả thân vì đất nước, hi sinh bản thân mình cho nhân dân. Hiện tại, được sống bình yên, hạnh phúc như thế này, chúng ta phải biết ơn những chiến sĩ công an, những anh bộ đội ngày đêm đang canh giữ biên cương, bảo vệ biển trời Tổ quốc thân yêu.

Tuy nhiên, trong xã hội ta ngày nay, cũng có một số người vô ơn, không biết kính trọng những người đã làm nên những thành quả cho mình được hưởng, có những kẻ chỉ biết thu vén cho lợi ích cá nhân, những kẻ đó thật đáng lên án và phê phán. Câu tục ngữ "Uống nước nhớ nguồn" là một bài học sâu sắc, bổ ích cho mỗi chúng ta, là một lời khuyên chân thành nhắc chúng ta phải sống có đạo đức, biết hy sinh, cống hiến cho đất nước, dân tộc, để xã hội ta ngày càng văn minh, tiến bộ, gia đình ta ấm no, hạnh phúc. Câu tục ngữ còn giúp chúng ta biết cách cư xử với cha mẹ, thầy cô và tất cả mọi người.

Với tất cả những giá trị to lớn ấy, câu tục ngữ không chỉ được mọi người biết đến mà còn sống mãi với tất cả mọi người hôm nay và mai sau.

Hoàng Như Thái – Trường THCS Nam Ninh– Nam Định

Đề 30

Suy nghĩ của em về câu tục ngữ:

"Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau".

BÀI LÀM

Trong xã hội, con người luôn luôn phải dùng ngôn ngữ để giao tiếp với nhau. Vậy muốn việc giao tiếp, ứng xử đạt kết quả tốt, lời nói phải khéo léo, tế nhị. Từ xa xưa, ông cha ta đã khuyên:

Lời nói chẳng mất tiền mua
Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau

Lời nói là một phương tiện mà ai ai cũng có thể sử dụng trong giao tiếp, từ một đứa bé lên năm tới một người cao tuổi, từ một người giàu có danh giá đến những người nghèo khổ, cơ cực. Trong cuộc sống, đó là một công cụ tốt nhất để thể hiện mình và để đạt được mục đích mình mong muốn. Xã hội loài người là một xã hội có tổ chức, có văn hoá, mỗi người đều phải "lựa lời", phải chọn lời hay, ý đẹp để giao tiếp và ứng xử. Khi ta sử dụng những lời hay, ý đẹp, lại lựa lời, chọn những lời nói khéo léo, tế nhị thì người nghe vừa lòng, dễ dàng tiếp thu ý kiến của ta, ta thể hiện được mình là một con người văn minh, lịch sự làm cho người khác phải cảm phục và kính trọng. Nếu ai ai cũng "lựa lời" mà nói thì quan hệ giữa người với người trong xã hội sẽ trở nên thật tốt đẹp. Vì vậy, câu ca dao là một lời khuyên tốt, rất đúng đắn và có ý nghĩa hết sức tích cực. Thực hiện tốt lời khuyên này, ta sẽ luôn thành công trong cuộc đời, trong sự nghiệp. Tuy rằng "Lời nói chẳng mất tiền mua" nhưng thực ra nó là vô giá. Không có gì có thể rút lại được lời ta vừa nói, nên "trước khi nói phải uốn lưỡi bảy lần", phải đắn đo chọn lựa lời mình định nói. Một lời nói có thể làm hại người khác nhưng cũng có thể làm cho người khác sung sướng. Lời nói không phải bỏ tiền ra mua, vì ai ai cũng có thể có được, nhưng phải nói thế nào để lời nói trở nên đắt giá mới là việc khó, bắt buộc ta phải bỏ nhiều công sức suy nghĩ, trau chuốt.

Trong xã hội không phải ai cũng hiểu và làm theo được câu ca dao này. Có những người vì nghĩ rằng lời nói quá "rẻ", dễ sử dụng mà đã coi thường việc "lựa lời" trước khi nói. Trong giao tiếp, họ dùng những lời lẽ thô tục, thiếu thiện chí mà không biết rằng tác hại của nó sẽ rất lớn.

Họ tự đánh mất đi nếp sống văn minh, coi thường đạo đức xã hội. Lời nói đối với họ là một cái gì đó rất tầm thường, rẻ mạt. Có người lại bộp chộp, không suy nghĩ trước khi nói, quên mất những câu căn dặn của ông cha:

Một lời nói quan tiền thúng thóc
Một lời nói dùi đục cẳng tay.

Lại có những người ăn nói không đúng chỗ, nói năng với người trên như nói với bạn bè mình. Những người như thế sẽ không bao giờ có thể đạt được mục đích của mình, vì người nghe sẽ khó tiếp thu, để lại những ấn tượng không đẹp cho người nghe.

Lời nói không đắt nhưng chính thành quả của lời nói tạo ra mới là đắt giá. Mặc dù không tốn kém, không mất tiền mua nhưng nếu biết sử dụng lời nói hợp lí, bất cứ điều gì cũng có thể diễn ra như mong muốn.

Tuy nhiên, "lựa lời mà nói" không có nghĩa là ... xuê xoa, bỏ hết những lời phê phán, góp ý của mình khi thấy người khác sai trái. Ông cha ta đã dạy "Thuốc đắng dã tật, sự thật mất lòng". Cho dù có làm "mất lòng bạn" bằng những lời góp ý thì đến một lúc nào đó, bạn sẽ hiểu và yêu quí ta bởi những lời góp ý đó chỉ để cho bạn tốt hơn lên.

Trong quan hệ bạn bè, ruột thịt, cũng không vì "lựa lời mà nói" mà tỏ thái độ nhún nhường, sợ sệt, "chín bỏ làm mười", dẫn đến nói những lời không đúng sự thật.

Đọc và hiểu câu ca dao này, ta phải có được thái độ chân thành, thẳng thắn. Lời nói đẹp là sợi dây vô hình giúp cho con người xích lại gần nhau. Người nào càng biết "lựa lời mà nói" thì người ấy sẽ càng có nhiều bạn tốt.

Cũng khuyên người ta trong việc ăn nói, ứng xử, ca dao có câu:

Thổi quyển phải biết chuyển hơi
Khuyên người nói phải lựa lời khôn ngoan.

Đọc lại những bài ca dao về ứng xử trong kho tàng ca dao tục ngữ Việt Nam, ta thấy dù ca dao thể hiện bằng nhiều hình thức nhưng đều có chung một nội dung, là phải biết "lựa lời mà nói". Lời nói "rẻ" mà không hề rẻ một chút nào.

Câu ca dao là một lời khuyên bổ ích, giúp con người hoàn thiện và giúp xã hội văn minh hơn nên mỗi chúng ta đều phải luôn ghi nhớ và thực hiện tốt lời khuyên này. Làm như vậy là ta đã tự học tập, tu dưỡng phẩm chất đạo đức, tự tôn trọng mình và tôn trọng người khác.

Nguyễn Thanh Thuý
Trường PTCS Lương Thế Vinh

Đề 31

Trong thư gửi thanh niên và nhi đồng cả nước nhân dịp Tết năm 1946, Bác Hồ viết: *"Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời bắt đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội"*. Hãy nêu suy nghĩ của mình về câu nói trên.

BÀI LÀM

Mùa đông giá rét, cây cối trơ cành sẽ qua đi, nhường bước cho mùa xuân với sức sống mãnh liệt, làm biến đổi cả đất trời như có phép mầu nhiệm trở về. Và đến lúc xuân cũng sẽ qua, mùa hạ nồng nàn nóng cháy đến.... Cũng như qui luật của thiên nhiên, con người sinh ra, lớn lên và già đi rồi một ngày kia trở về cõi vĩnh hằng. Xuân của thiên nhiên qua đi trở lại, còn tuổi trẻ của đời người chỉ có một lần. Tuổi trẻ là tuổi đẹp nhất, khoẻ nhất, tươi sáng nhất của con người, vì thế tuổi trẻ thật quí giá. Hơn nữa, tuổi trẻ còn là mùa xuân, niềm tin và hy vọng của cả xã hội và đất nước. Chính vì vậy, trong thư gửi thanh niên và nhi đồng cả nước xuân 1946, Tết mở đầu cho một nước Việt Nam độc lập, Bác Hồ viết: "Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Một đời bắt đầu từ tuổi trẻ. Tuổi trẻ là mùa xuân của xã hội". Câu nói ngắn gọn nhưng đẹp như một lời thơ, ca ngợi tuổi trẻ của xã hội, đất nước.

Một sớm kia, thức dậy, nghe thấy tiếng chim hót trong veo, cành mận ngoài vườn rung rinh hoa trắng dưới làn mưa bụi đang bay, ta chợt thốt lên: "Ôi mùa xuân!". Mùa xuân, xét theo thời gian là mùa mở đầu cho một năm. Xuân về trăm hoa đua nở, khí hậu ấm áp, cây cối đâm chồi... Vì vậy mùa xuân gợi lên trong ta ý niệm về sức sống, hy vọng, niềm vui và hạnh phúc.

Riêng đối với dân tộc Việt Nam, xuân còn gợi lại những chiến công oanh liệt của cha ông, khơi dậy trong lòng niềm tự hào sâu sắc. Làm sao ta quên được mùa xuân năm 1077, Lý Thường Kiệt đánh tan bốn vạn quân Tống xâm lược, mùa xuân năm 1428 Lê Lợi đưa đất nước thoát khỏi sự đô hộ của giặc Minh. Chúng ta hãy cùng hoà mình vào không khí hào hùng, tưng bừng xuân 1789, người anh hùng áo vải Quang Trung đại phá hơn hai mươi vạn quân Thanh. Ta hãy cùng sống lại xuân 1975 với niềm sung sướng, tự hào, mùa xuân đó đã chấm dứt ách nô lệ, chấm dứt những ngày dài chìm trong máu lửa chiến tranh, mở ra một nước Việt Nam thống nhất, độc lập vẹn toàn. Đất nước Việt Nam là một dải nối liền Bắc, Trung, Nam. Mùa xuân ấy đã góp phần tạo ra bước ngoặt cho lịch sử nước nhà.

"Tuổi trẻ" của đời người dường như cũng đồng nghĩa với mùa xuân của thiên nhiên, cũng gợi lên ý niệm về sức sống, niềm vui, tương lai và hạnh phúc tràn đầy. Ở tuổi hai mươi đầy nhiệt huyết, lòng hăm hở vui sướng bước vào đời, dù biết mình đang bị tù đày, có thể sẽ chết, Tố Hữu vẫn say sưa khẳng định:

"Hai mươi tuổi, tim đang dào dạt máu
Hai mươi tuổi, hồn quay trong gió bão
Gân đang săn và thớ thịt căng da
Đời mặn nồng hứa hẹn biết bao hoa".

Tuổi trẻ là tuổi phát triển rực rỡ nhất về thể chất, tài năng, tâm hồn và trí tuệ, "bao giờ cũng muốn vươn lên cái đẹp nhất, hay nhất, tiên tiến nhất, cao thượng nhất" (Lê Duẩn). Tuổi trẻ là tuổi hăng hái, sôi nổi, giàu nhiệt tình, giàu chí tiến thủ, có thể vượt qua khó khăn gian khổ để đạt tới mục đích và ước mơ. Bác kính yêu của chúng ta, từ ngày còn rất trẻ đã ôm ấp trong lòng một hoài bão và ước vọng lớn lao: tìm đường cứu nước. Chàng trai Nguyễn Tất Thành đã vượt qua biển cả, gió rét thành Pa-ri, Luân Đôn để cuối cùng tìm được con đường cách mạng, con đường của Mác-Lê-nin, giải phóng dân tộc Việt Nam thân yêu. Và bao nhiêu thanh niên đang cố gắng vươn lên, bằng lòng quyết tâm và nghị lực mãnh liệt, vượt qua thực tại khó khăn của đất nước, tự tạo cho mình tương lai tươi sáng, góp phần xây dựng quê hương.

Tuổi trẻ của mỗi người cùng góp lại sẽ tạo thành mùa xuân của xã hội. Thế hệ trẻ luôn là sức sống, niềm hy vọng và tương lai của Tổ quốc. Ngược dòng thời gian, ta nhớ đến tuổi trẻ quật khởi của cậu bé làng Gióng đã đánh tan giặc Ân, từ thuở vua Hùng dựng nước. Tuổi trẻ Đinh Bộ Lĩnh với ngọn cờ lau dẹp tan mười hai sứ quân, đem lại hoà bình, thống nhất cho đất nước. Tuổi trẻ trung dũng của Trần Quốc Toản với lá cờ thêu sáu chữ vàng làm cho giặc Nguyên Mông kinh hồn bạt vía. Tuổi trẻ Kim Đồng, của ngọn đuốc sáng Lê Văn Tám, của người con gái đất đỏ Võ Thị Sáu đã làm cho giặc phải nghiêng mình kính phục. Tuổi trẻ của bao anh hùng liệt sĩ đã đổ xương máu, tô thắm lá cờ Việt Nam... Sức mạnh của thanh niên là sức mạnh của dân tộc, tạo nên xã hội mới, cuộc sống mới và trang sử mới.

Ngày nay, tuổi trẻ có sự đóng góp rất lớn là lực lượng đi đầu trong công cuộc xây dựng đất nước giàu mạnh, xã hội văn minh. Thanh niên hôm nay, là những người rất xứng đáng với cha anh đi trước. Những người lính trẻ nơi hải đảo xa xôi, đang ngày đêm canh giữ biển trời đất mẹ Việt Nam, trái tim họ vẫn ngân vang những bản tình ca, dệt nên

những bản nhạc tuyệt vời và chính cuộc đời họ là những bài ca mùa xuân đất nước. Chúng ta tự hào biết bao về tuổi trẻ Việt Nam!

Đất nước, xã hội đặt niềm tin vào thanh niên; Vậy thanh niên phải làm gì để xứng đáng với niềm tin ấy? Bạn nghĩ cần phải làm gì thật to lớn ư? Không đâu, bạn hãy làm tốt những công việc bình thường, hãy cố gắng học tập và tu dưỡng đạo đức không ngừng. Trong học tập và lao động, bạn hãy tìm ra những sáng tạo mới giúp ích cho xã hội, hoàn thành sứ mệnh to lớn mà Tổ quốc giao cho.

Thanh niên hôm nay hãy luôn sống có mục đích cao cả, sống có ý nghĩa, lí tưởng, lí tưởng vì dân, vì nước, lí tưởng cách mạng, quan tâm và yêu thương mọi người. Lí tưởng ấy phải ở suy nghĩ, lời nói và những hành động cụ thể. Đó là lí tưởng mà ta phải cố gắng vươn theo. Nếu không có lí tưởng, mục đích, ta sẽ trở thành con thuyền không bến, con sóng bạc giữa biển khơi, chiếc lá xanh chẳng có nhựa sống, hay con chim cất tiếng hót lạnh lùng, con ngựa chạy không người cầm cương, chẳng biết sẽ về đâu.

Chúng ta buồn biết bao khi tuổi trẻ đang góp sức tạo thành mùa xuân của xã hội thì có một số thanh niên tự huỷ diệt mùa xuân của mình. Chúng ta cần phải nghiêm khắc phê phán những con người đã để tuổi trẻ của mình bên góc phố, lề đường, trong các quán cà phê, bữa tiệc ồn ào hay trong các thú vui vô bổ, tầm thường. Và thật tiếc, còn rất nhiều thanh niên chưa có niềm tin vào bản thân mình, chưa biết vươn lên trong cuộc sống, chưa chọn cho mình lí tưởng cao đẹp để theo đuổi, phấn đấu. Chính họ đã để ngày xuân của mình khô héo, tàn lụi hay để nó trôi đi và cứ mòn mỏi dần. Tuổi xuân của họ lãng phí có nghĩa là mùa xuân của xã hội đã bớt tươi thắm, rực rỡ một phần. Thật đáng thất vọng biết bao! Tuổi trẻ là tuổi của hành động và cống hiến, vậy mà họ lại dùng nó để hưởng thụ và đòi hỏi.

Nửa thế kỷ đã trôi qua, hôm nay đọc lại, ta vẫn thấy lời Bác chân thành và đúng đắn. Bác nhắc nhở chúng ta phải biết tự rèn luyện, phấn đấu, vươn lên không ngừng để có tương lai tốt đẹp. Bằng tài năng, ý chí, nghị lực của bản thân, chúng ta phải biết sống có mục đích và lí tưởng cao đẹp, để tuổi trẻ của chúng ta thực sự là "mùa xuân của xã hội".

Nguyễn Khánh Thiện

Trường PTCS chuyên Duy Tiên – Hà Nam

Đề 32

Dân tộc ta có truyền thống tôn sư trọng đạo. Em hiểu gì về truyền thống đó và cho biết trong cuộc sống hiện nay truyền thống đó được kế thừa và phát huy như thế nào?

BÀI LÀM

Dân tộc ta có truyền thống tôn sư trọng đạo. Đó là một truyền thống tốt đẹp của một dân tộc văn hiến và hiếu học. Từ xa xưa đã có câu ca:

Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Hoặc thâm thúy hơn, ông cha ta cũng từng nhắc con cháu: *Nhất tự vi sư, bán tự vi sư* (Một chữ là thầy, nửa chữ cũng là thầy).

Tôn sư là đề cao, tôn vinh, coi trọng người thầy. Vì sao vậy? Người thầy đã dạy chữ, dạy kiến thức cho ta, đem đến cho ta những hiểu biết để ta sống tốt hơn, có ích hơn. Người thầy lại dạy ta đạo lí, nhân cách để ta biết làm người trong xã hội. Vai trò của người thầy là hết sức quan trọng, không thể thiếu đối với bất cứ một quốc gia, dân tộc nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu". Thế thì sao lại không tôn vinh, đề cao người thầy? Đây là tôn vinh một con người đã góp phần đem lại lợi ích cho cả một dân tộc. Sự tôn vinh này xuất phát từ chức năng cao quý và trách nhiệm lớn lao của người thầy.

Trọng đạo là gì? Trong kết cấu hai vế cân đối *tôn sư / trọng đạo*, nếu *tôn sư* là tôn vinh người thầy thì *trọng đạo* là coi trọng nghề dạy học. *Đạo* ở đây là đạo làm thầy, là nghề dạy học. Nghề dạy học là nghề đáng được coi trọng vì sản phẩm nó đào tạo ra chính là con người, như ai đó đã nói: "Trong các nghề thì nghề dạy học là nghề cao quý nhất". Nhân dân ta "trọng đạo" chính là trọng cái nghề "trồng người" cao quý ấy, cũng như họ đã tôn vinh người thầy là những "kỹ sư tâm hồn".

Tôn sư trọng đạo hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc. Trước hết, đó là sự suy nghĩ, nhìn nhận đúng đắn và tiến bộ của nhân dân ta về một nghề đáng được coi trọng và một con người đáng được tôn vinh. Nó chứng tỏ dân tộc ta là một dân tộc văn hiến và tôn vinh người thầy là bằng chứng hùng hồn của một dân tộc hiếu học. Nhưng ý nghĩa sâu xa của *tôn sư trọng đạo* chính là nó gắn bó mật thiết với *sự nghiệp trồng người* để nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội phát triển tốt đẹp. Xưa, ông cha ta đã nói "hiền tài là

nguyên khí của quốc gia"; Nay, ta lại khẳng định "giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu" – những điều đó không thể không liên quan đến truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc ta. Tôn sư trọng đạo đã trở thành một đạo lí, một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta chính là như thế. Nó là sức mạnh tinh thần, tình cảm lớn lao và bền vững của dân tộc để góp phần xây dựng nên một nước Việt Nam văn hiến và giàu mạnh.

Truyền thống tốt đẹp đó đã được nhân dân ta kế thừa và phát huy trong cuộc sống hiện nay. Trên khắp đất nước, ở đâu cũng vậy, từ thành thị đến nông thôn, miền xuôi đến miền ngược, người dân Việt Nam đều yêu quý, tôn trọng ông thầy, đều dành cho thầy những tình cảm ưu ái nhất, đặc biệt là lòng biết ơn sâu sắc thầy đã dạy con cái họ nên người. Trong hoàn cảnh nước nhà còn nghèo, đời sống thầy giáo còn nhiều khó khăn, họ đã tận tình giúp đỡ thầy một cách chân thành và cảm động. Các dân tộc vùng cao đã coi các thầy giáo, cô giáo miền xuôi lên dạy học như người con của quê hương mình. Người thầy được tôn vinh thì nghề dạy học cũng được coi trọng. Không phải ngẫu nhiên mà giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu, và ngày 20–11 hằng năm đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân để tôn vinh người thầy và nghề dạy học cao quý. Hình ảnh cha mẹ học sinh tặng hoa các thầy, cô giáo trong ngày 20–11, và cả những cán bộ cấp cao của Đảng và Nhà nước đến thăm thầy giáo cũ đã nói lên sâu sắc truyền thống và đạo lí cao đẹp đó. Từ một đạo lí truyền thống của dân tộc, *tôn sư trọng đạo* đã mang một ý nghĩa cách mạng mới trong thời đại ngày nay gắn liền với tư tưởng "trồng người" của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó không chỉ là đạo lí, tình cảm mà còn là tinh thần, sức mạnh, hành động cách mạng để đưa đất nước đi lên ngày càng giàu mạnh, văn minh. Đó là nét mới của truyền thống tôn sư trọng đạo trong cuộc sống hiện nay của nhân dân ta.

Bước sang thế kỉ XXI, cuộc sống có nhiều đổi mới kéo theo sự đổi mới của giáo dục, của vai trò người thầy và nghề dạy học. Trên cơ sở kế thừa, giữ gìn những mặt tốt đẹp của truyền thống, chúng ta cần biết phát huy và vận dụng đạo lí *tôn sư trọng đạo* một cách sáng tạo, phù hợp với thực tiễn cách mạng mới để đạt kết quả tốt đẹp nhất.

*(Bài làm của em **Mai Thanh Thủy**, học sinh Trường THPT Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa)*

III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ

Đề 33

Cảm nhận của em về tâm trạng Thuý Kiều trong đoạn trích *"Kiều ở lầu Ngưng Bích"*.

BÀI LÀM 1

Người ta cho rằng *Truyện Kiều* không phải là một cuốn tiểu thuyết tài tử giai nhân khuôn sáo như *Kim Vân Kiều truyện*, mà chính là một cuốn tiểu thuyết tâm lí vĩ đại của văn học Việt Nam. Thật vậy, với ngòi bút tài hoa của mình, Nguyễn Du đã nhào nặn nên những thế giới tâm linh nhân vật cực kì sống động, đã chinh phục trái tim triệu triệu người đọc suốt gần 200 năm nay. Nói đến nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật của Nguyễn Du, người ta tất sẽ nhớ ngay tới đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích*. Đây là một trích đoạn thuộc vào hàng hay nhất trong *Truyện Kiều,* diễn tả tâm trạng của Kiều trong những tháng ngày ở lầu Ngưng Bích của mụ Tú Bà.

Quãng thời gian Kiều ở lầu Ngưng Bích là khoảng tĩnh lặng giữa hai cơn giông tố của đời nàng. Nhưng trong tâm hồn nàng lại không tĩnh lặng, lúc nào lòng nàng cũng đang diễn ra bão tố dữ dội, ngổn ngang trăm mối tơ vò không sao nguôi ngoai được.

Lầu Ngưng Bích – đúng như cái tên thơ mộng của nó – là một nơi phong cảnh tuyệt đẹp. Nếu nhìn bằng con mắt hội hoạ thì đây quả là một chốn thần tiên: Bốn bề thoáng đãng mênh mông, xa xa có núi non, có con đường đất đỏ uốn lượn, cồn cát vàng trải dưới nắng và màu xanh biếc đọng khắp nơi khi mùa xuân ngự trị. Nhất là những ngày nắng đẹp, những đêm trăng sáng thì phong cảnh càng thêm hữu tình. Thế nhưng cảnh đẹp với ai, chứ với Kiều thì không. Bao cảnh đẹp của lầu Ngưng Bích đều vô nghĩa khi nó là chiếc lồng son khoá kín đời Kiều. Qua đôi mắt nặng trĩu tâm trạng buồn đau của Kiều, thiên nhiên cũng trở nên buồn thảm, đồng điệu với lòng nàng.

Bằng cái nhìn hờ hững chán chường, Kiều chỉ thấy dáng núi xa như một vết mờ tít tắp. Cái huyền diệu của đêm trăng chỉ làm nàng cảm thấy vũ trụ bao la quá mà mình sao nhỏ nhoi quá, để cho nỗi cô đơn lại tăng lên gấp bội:

Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung.

Đọc câu thơ này, tôi chạnh nhớ tới buổi hẹn hò của Kim – Kiều dưới trăng đêm nào:

Góp lời phong nguyện, nặng nguyền non sông.

Khi xưa hẹn núi thề sông, có vầng trăng làm chứng. Thế mà nay, non xa trăng gần, khoảng cách vời vợi khó mà hàn gắn được, cũng như lòng Kiều đang chia đôi vì bao nỗi đau thương.

Ban đêm với trăng và núi đã buồn như vậy, ban ngày nàng cũng chẳng vui gì hơn. Những *cát vàng cồn nọ*, những *bụi hồng dặm kia*, với những từ để trỏ "nọ", "kia" gợi lên nỗi tê tái của sự xẻ chia rời rã bao trùm lên phong cảnh bốn bề bát ngát. Vũ trụ thì vô hạn, mà đời người thì hữu hạn. Trong mắt Kiều, vũ trụ chỉ toàn là bụi bặm dơ bẩn muốn nhuốm đen chút lòng trinh bạch của nàng.

Bởi cảnh như thế nên tình càng "bẽ bàng". Bẽ bàng là buồn, là chán, là thẹn, là nỗi buồn đè nặng hết ngày này qua ngày khác; để đến nỗi Kiều chỉ biết buồn với mây sớm những lúc tan giấc mơ, trở lại với hiện thực và khóc với đèn khuya trong những đêm dài không ngủ được. Bởi vậy mà:

Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng

Nàng tự đối thoại với lòng mình trong cô đơn vì thương nhớ. Trước hết, nàng nhớ tới Kim Trọng:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Tại sao Nguyễn Du lại để Kiều nghĩ đến người yêu trước cha mẹ mặc dù nàng là người con chí hiếu, xem hiếu nặng hơn tình? Điều này có lẽ là vì: Công lao cha mẹ Kiều đã đền đáp một phần rồi, nhưng còn nợ tình với chàng Kim là nàng không bao giờ trả được nữa! Nhớ lại những lời đã từng thề thốt:

– Dẫu thay mái tóc, dám rời lòng tơ
– Đã nguyền hai chữ đồng tâm
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai,

Nàng lại càng đau đớn nghĩ đến "Thề hoa chưa ráo chén vàng" thì đã phải "Lỗi thề thôi đã phũ phàng với hoa". Và nhất là đã phải phụ chàng để rồi thất thân với một gã con buôn đê tiện như Mã Giám Sinh thì sao khỏi xót xa, tủi hổ, sao không cảm thấy có lỗi nặng với người mình yêu?

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng". "Tưởng" là mơ tưởng, là nhớ, là thương. Bao nhiêu nỗi xót xa gửi vào chữ "tưởng" ấy. Và bây giờ, sau khi đã lỗi thề với Kim Trọng, nàng chỉ còn dám nhớ tới Kim Trọng với một chữ "người". "Người" chứ không phải là "Kim lang", "tình quân" hay "chàng". Bao thiên lí cách ngăn trong chữ "người" đó.

Thương người yêu đã vậy, nàng lại thương mình:

Bên trời góc bể bơ vơ,
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.

Với cha mẹ, mặc dầu đã bán mình chuộc cha, nàng vẫn chưa xem đó là đã làm tròn đạo con:

Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ.
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc Tử đã vừa người ôm.

Chính trong hoàn cảnh lưu lạc quê người của nàng ta mới thấy hết tấm lòng chí hiếu của người con gái ấy. Nàng biết sẽ còn bao cơn "cát dập sóng vùi" nhưng vẫn chỉ canh cánh lo cho cha mẹ thiếu người đỡ đần phụng dưỡng vì hai em còn "sân hoè đôi chút thơ ngây". Bốn câu mà dùng tới bốn điển tích "người tựa cửa", "quạt nồng ấp lạnh", "sân Lai", 'gốc Tử", Nguyễn Du đã làm cho nỗi nhớ của Kiều đậm phần trang trọng, thiết tha và có chiều sâu nhưng cũng không kém phần chân thực.

Tình đã là nửa mảnh lòng của Kiều, mà cảnh cũng là nửa mảnh lòng nữa. Nhìn vào đâu nàng cũng thấy nỗi buồn phủ dâng. Giữa cái mênh mông của biển trời hoàng hôn, nàng chỉ còn đủ sức để thấy một cánh buồm lẻ loi:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Như một con người bất hạnh dạt vào cô đảo, nàng cứ mỏi mòn chờ một con thuyền đến cứu vớt, mà thuyền chỉ thấp thoáng xa xa trên biển rồi mất hút ở đường chân trời chứ không bao giờ cập bến. Thà rằng không nhìn thấy gì còn hơn loé lên tia hi vọng rồi vụt tắt, thì sự dày vò của nỗi thất vọng thật khủng khiếp. Càng chờ càng lún sâu vào tuyệt vọng, lòng Kiều cứ dần dần chán chường nhàu nát theo ước mơ lụi tàn. Để rồi nàng chợt rùng mình:

Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Dòng đời như dòng nước cuốn xiết mà thân con gái như "hoa đã lìa cành' bị va đập vào bao con sóng cho đến tả tơi, rồi theo nước trôi đi vô định. Tim người đọc như nhói lên trước câu hỏi đau đáu của Kiều " biết là về đâu". Nước mênh mang buồn, cỏ cây cũng dầu dầu thảm:

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

Vẫn sắc xanh một màu trải tới chân trời nhưng bất động, ủ rũ chứ không rợn lên như sóng chạy toả đến tận chân trời trong tiết thanh minh nữa. Giữa cảnh chết lặng của trời đất thì vẫn có một âm thanh gầm gào quanh đây. Nhưng đó tiếng của sóng ngoài kia hay tiếng gầm gào của nỗi sợ dâng lên trong lòng nàng: Con sóng gầm của định mệnh lại sắp ập xuống thân phận lạc loài, mà cuộc đời là "một cung gió thảm mưa sầu".

Tám câu thơ chia làm bốn cặp, mỗi cặp diễn tả một nỗi buồn khác nhau, lặp đi lặp lại một kiểu cấu trúc cảnh – tình song song, với điệp ngữ "buồn trông" đằng đẵng như tiếng thở dài, cung nhịp thơ chậm, gợi buồn rười rượi bởi thanh bằng chiếm ưu thế. Nghệ thuật của đoạn thơ đã thực sự đóng một vai trò quan trọng góp phần làm nổi bật lên bức tranh tâm trạng của Kiều. Quả như Nguyễn Du đã viết:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?.

Hiện thực khách quan luôn uốn lượn theo tình điệu, cảm xúc chủ quan của con người, đồng điệu với tình người, nên qua đôi mắt tâm hồn tan nát của Kiều, cảnh vật tươi đẹp ở lầu Ngưng Bích nhuộm đẫm màu thảm sầu và không khí u uất. Ngược lại với cái tên "Ngưng Bích" (xanh biếc), đọc xong đoạn thơ, tôi chỉ thấy toàn một màu xám đen phủ khắp chân mây mặt biển trước lầu.

Đào Nguyên Phổ từng khen *Truyện Kiều*: "Nói tình thì vẽ được hình trạng hợp, li, cam, khổ, mà tình không rời cảnh. Tả cảnh thì bày hết thi vị tuyết, nguyệt, phong, hoa mà cảnh tự vướng tình, mực muốn múa mà bút muốn bay", quả nhiên không sai. "Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một đoạn trích mượn cảnh ngụ tình hay vào bậc nhất của *Truyện Kiều* cũng như của văn học trung đại Việt Nam, chứng tỏ được "Tay tiên gió táp mưa sa" của cụ Nguyễn Tiên Điền. *Truyện Kiều* có tới hơn 3000 câu, mà "Kiều ở lầu Ngưng Bích" chỉ có 22 câu – chiếm một phần rất nhỏ trong tác phẩm lừng danh ấy. Nhưng đằng sau 22 câu thơ ít ỏi đó không chỉ có một tài năng lớn mà trước hết là một trái tim lớn của nhà thơ dành cho nhân vật; cho con người và cuộc đời. Chính trái tim ấy đã hoà tan máu mình cho 3254 câu Kiều để rồi "khiến người cười, khiến người khóc, khiến người vui, khiến người buồn, khiến người giở đi giở lại ngàn lần, càng đọc thuộc lại càng không biết chán" (Đào Nguyễn Phổ – tựa *Đoạn trường tân thanh*). Và để mãi mãi người đọc còn khóc thương cho tấm lòng trinh bạch và tâm sự đau đớn của nàng Kiều.

Đặng Ngọc Phương, lớp 9, khoá 96 -97
Trường PTTH Hà Nội – Amstécđam

BÀI LÀM 2

Gia đình bất ngờ gặp tai biến, cha và em bị bắt, Kiều phải tự nguyện bán mình để cứu họ, nàng không thể ngờ rằng mình lại bị lọt vào tay bọn buôn thịt bán người. Nàng đã toan bề tự vẫn, nhưng Tú Bà cứu chữa kịp, đưa nàng ra lầu Ngưng Bích cùng với lời hứa hẹn ngon ngọt. Đến với đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích" ta sẽ thấm thía nỗi buồn nhớ, cô đơn lo âu của Kiều trong những ngày tháng nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

"Kiều ở lầu Ngưng Bích" là một bức tranh tâm tình đầy xúc động từ nỗi buồn mênh mang vô tận đã lan toả, thấm đượm vào cảnh vật. Một mình Kiều sống trong cảnh cấm cung bơ vơ nơi quê người đất khách. Không gian vắng lặng, hoang sơ không một bóng người, chỉ có thiên nhiên làm bạn với Kiều:

"Vẻ non xa, tấm trăng gần ở chung
Bốn bề bát ngát xa trông
Cát vàng cồn nọ, bụi hồng dặm kia".

Ngày nàng ngắm núi xa, cảnh núi non xa mờ gợi lên nỗi buồn, niềm thương nhớ da diết với cha mẹ, người yêu. Đêm nàng ngắm vầng trăng và cảm thấy nó rất gần như ở chung với mình. Tuy chỉ là những câu thơ tả cảnh nhưng chúng ta cũng thấy hình ảnh Kiều cô đơn. Không gian thơ càng mở rộng bốn bề bát ngát thì hình ảnh Kiều càng trở nên bé nhỏ, côi cút bơ vơ. Nàng không có ai để cùng chia sẻ nỗi lo âu sợ hãi của người thiếu nữ lần đầu tiên xa nhà. Giữa nền thiên nhiên mênh mông rộng lớn, bát ngát ấy, một nỗi niềm choáng ngợp tâm hồn nàng là nỗi bẽ bàng. Đó là nỗi chán ngán cô đơn, chán cho cảnh ngộ của mình, thân phận mình xinh đẹp là thế, tài hoa là thế mà giờ đây chỉ còn biết làm bạn với mây buổi sớm, ngọn đèn đêm khuya:

"Bẽ bàng mây sớm đèn khuya
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng."

Cảnh ở đây gắn vào tình người, làm nên bức tranh tâm tình sinh động và bức tranh này được hình thành bằng tâm cảnh của Thuý Kiều, đó là bi kịch nội tâm.

Một mình cô đơn lẻ bóng trước lầu Ngưng Bích, trong lòng Kiều trào lên nỗi nhớ những người thân yêu. Nàng hướng tình cảm của mình tới Kim Trọng. Trong kí ức của nàng kỉ niệm của đêm thề nguyện đính ước dưới trăng vẫn còn đang nóng hổi, tươi rói:

"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng
Tin sương luống những rày trông mai chờ."

Giờ đây Kiều đang ngóng đợi hình bóng chàng Kim với nỗi sầu tư. Nguyễn Du đã miêu tả chính xác, qua từ "tưởng" đó là tưởng nhớ, tưởng tượng lại. Không những thế, sau tình cảm bồi hồi da diết nhớ đến Kim Trọng, trái tim Kiều lại thổn thức tình cảm của đứa con xa nhà nhớ về cha mẹ. Tự nguyện bán mình để lấy tiền chuộc cha, Kiều đã làm tròn chữ hiếu. Nhưng trong lòng người con gái hiếu thảo vẫn canh cánh một nỗi xót xa khi cha mẹ đã già mà không có mình bên cạnh để nâng giấc, chăm sóc. Nàng hình dung ra bóng dáng song thân đang mỏi lòng tựa cửa ngóng tin con và xót xa tự hỏi giờ đây ai là người đang thay mình quạt nồng, ấp lạnh:

"Xót người tựa cửa hôm mai
Quạt nồng ấp lạnh, những ai đó giờ."

Nhìn đâu Kiều cũng thấy buồn, đúng như Nguyễn Du đúc kết: "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu. Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Kiều dù đang bơ vơ nơi góc bể chân trời nhưng nàng không hề nghĩ tới mình, luôn lo lắng cho người khác. Dù trong cảnh ngộ nào Kiều cũng ngời sáng lên đức hi sinh tấm lòng vị tha, nhân hậu.

Qua ngòi bút thiên tài của Nguyễn Du, nỗi buồn của Kiều càng được tô đậm thêm qua mỗi lần điệp từ "buồn trông" được cất lên là mở ra một bức tranh thiên nhiên và bức tranh tâm trạng. Không gian bao la bát ngát nơi cửa bể vào lúc chiều tà, bóng xế dễ gợi lên trong lòng người nỗi nhớ thương. Nhìn cánh buồm thấp thoáng xa xa, trong lòng Kiều trào lên nỗi khát khao cùng cánh buồm về quê hương. Rồi trông cánh hoa mỏng manh trôi dạt trên dòng nước cuốn, nàng nghĩ tới thân phận lênh đênh của mình. Hình ảnh nội cỏ dầu dầu giữa một không gian chân mây, mặt đất gợi trong lòng nàng nỗi lo lắng cho một tương lai mờ mịt:

"Buồn trông cửa bể chiều hôm
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ dầu dầu
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh".

Âm thanh của tiếng sóng ầm ầm trong cảnh gió cuốn mặt duềnh là nỗi sợ hãi của Kiều trước bão tố cuộc đời đang chờ đón nàng phía trước. Nàng tưởng như mình đang ngồi giữa biển khơi, bốn bên sóng dữ gào thét, dội cả vào tâm hồn, vây bủa lấy nàng:

"Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi."

Bức tranh thiên nhiên ấy cũng là bức tranh tâm cảnh trong tâm hồn Kiều đầy lo âu, thấp thỏm, bất an.

Nguyễn Du quả là bậc thầy trong việc miêu tả nội tâm nhân vật và sử dụng các biện pháp tu từ rất độc đáo. Đó là một bức tranh tả cảnh ngụ tình thể hiện một đặc sắc trong bút pháp nhà thơ: cảnh và tình bao giờ cũng hoà quyện với nhau. Nhưng phải chăng đặc sắc nhất vẫn là tình của nhà thơ với nhân vật của mình, đối với con người và đối với cuộc đời, nói một cách khác, đó là giá trị nhân văn của đoạn trích, bắt nguồn từ tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du.

Qua đoạn trích "Kiều ở lầu Ngưng Bích", hẳn người đọc sẽ có suy nghĩ về nhân vật Kiều, một cô gái chung thuỷ với người yêu, hiếu thảo với cha mẹ. Và ta càng căm giận xã hội bất công, tàn bạo đã đày đọa những con người tài hoa như nàng phải sa vào kiếp sống tủi nhục ở chốn lầu xanh.

Lại Hoàng Anh – Lớp 9G
Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 34

Cảm nhận của em về *"Cảnh ngày xuân"* trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

BÀI LÀM

Nguyễn Du là một nghệ sĩ thiên tài. Không chỉ tả tình sâu sắc, mà ngòi bút của ông trong tả cảnh cũng rất tài hoa. Với đoạn trích "Cảnh ngày xuân", ông không những vẽ lên một bức tranh xuân trong sáng, tươi đẹp mà còn gợi lên không khí lễ hội rộn ràng và tưng bừng.

Đoạn thơ có kết cấu theo trình tự thời gian, rất phù hợp với diễn biến tâm trạng của con người trong cuộc du xuân: bốn câu đầu tả khung cảnh ngày xuân, tám câu tiếp tả cảnh lễ hội trong tiết thanh minh, sáu câu cuối là cảnh chị em Kiều ra về.

Mở đầu bài thơ, nhà thơ đã đem đến cho chúng ta một bức tranh thiên nhiên thật sống động, tươi đẹp mà đầy sức xuân.

"Ngày xuân con én đưa thoi
Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi."

Nhà thơ đã sử dụng rất thành công bút pháp nghệ thuật giữa gợi và tả. Hai câu đầu vừa nói thời gian, vừa gợi không gian mùa xuân. Ngày

xuân thấm thoát trôi mau đã qua tháng giêng, tháng hai, bước sang tháng ba. Câu đầu bài thơ tả cảnh ngày xuân có những cánh chim én bay đi bay lại rộn ràng giữa bầu trời trong xanh như con thoi đưa. Nếu như trong bài thơ "Mùa xuân chín", thi sĩ Hàn Mặc Tử nói:

"Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời"

thì Nguyễn Du lại nói khác: "Cỏ non xanh tận chân trời". Ở đây, nhà thơ muốn thể hiện sắc cỏ non xanh vừa mỡ màng, ngọt ngào trải rộng ra tới chân trời càng khẳng định sự ảnh hưởng sâu sắc của Nguyễn Du với thi sĩ Hàn Mặc Tử. Chỉ hai câu thơ:

"Cỏ non xanh tận chân trời
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa."

Nguyễn Du đã hoạ lên trong tâm trí người đọc bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp, giàu sức gợi tả. Chỉ bằng một vài nét chấm phá mà ngòi bút của Nguyễn Du đã tạo nên cái hồn của cỏ cây, hoa lá. Trong cái không gian cỏ xanh đến ngút mắt như vô cùng vô tận, màu xanh của cỏ non và xanh biếc của trời mây. Màu xanh trong êm đềm dường như là tuyệt đối xuất hiện những điểm trắng. Đó chính là một loài hoa trắng – hoa lê kiêu hãnh nổi bật trên cái màu xanh bao la của cỏ. Gam màu xanh của cỏ non trải rộng tới chân trời làm nền tôn lên vẻ đẹp của cành hoa lê trắng, tinh khiết càng làm rạng rỡ hơn vẻ đẹp hoa trong trẻo, tinh khôi. Tạo nên bức tranh xuân có hồn mà không bị tan loãng bởi không gian rộng lớn. Chính chữ "điểm" khiến cảnh vật trở nên sinh động hơn. Màu xanh của cỏ non, màu trắng của hoa làm cho màu sắc hài hoà đến mức tuyệt diệu. Tất cả đều gợi lên sự thanh khiết, mới mẻ của bức tranh xuân tươi thắm.

"Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang".

Bên cạnh vẻ đẹp của hoa, Nguyễn Du còn cảm nhận được sự mềm mại, uốn lượn, nhỏ nhắn của dòng nước. Dòng nước, cây cầu bị nhuốm bởi sắc vàng đỏ của ánh mặt trời buổi chiều tà. Nhưng chính nhờ cảnh người đi trẩy hội, tấp nập trong khói hương nghi ngút, đã tạo nên sự sinh động cho bức tranh. Nhịp thơ nhẹ nhàng, hình sắc thanh âm êm dịu, thanh thoát ngân vang của từng dòng thơ cũng làm cho chúng ta cảm nhận được vẻ trong lành, thanh khiết của mùa xuân.

Có thể nói đây là bức tranh xuân được dệt lên từ những màu sắc tinh tế, quí phái phối màu hài hoà giữa hai gam màu xanh và trắng; giữa màu vàng và màu đỏ tạo sự ấm áp mà không chói chang. Đường nét,

hình khối mà nhà thơ chọn tả đều thanh mảnh ở mọi góc nhìn. Cánh én chao liệng, người đi trẩy hội khiến bức tranh trở nên ấm áp; làm cho cảnh vật "nửa như thực, như mơ":

"Gần xa nô nức yến anh

Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân

Dập dìu tài tử giai nhân

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm."

Bốn câu thơ tiếp, Nguyễn Du tập trung miêu tả cảnh du xuân của chị em Kiều. Chị em Kiều hoà mình giữa dòng người tấp nập như chim yến anh để dự lễ tảo mộ ở vùng đồng quê. Chị em Kiều vừa đi, thong thả ngắm cảnh chốn đồng quê thanh bình rồi thả thoi tiền giấy bay trong gió. Sử dụng một loạt các từ ghép, từ láy là tính từ động từ như: gần xa, nô nức, tài tử, giai nhân, dập dìu, hình ảnh so sánh "ngựa xe như nước" "áo quần như nêm" Nguyễn Du đã miêu tả cuộc du xuân của chị em Kiều trong không khí lễ hội thật rộn ràng, tấp nập. Thông qua cuộc du xuân của chị em Kiều, Nguyễn Du đã khắc hoạ một nét truyền thống văn hoá xa xưa. Dù xuân đã muộn nhưng ta vẫn thấy cảnh xuân rộn ràng, nhộn nhịp những nam thanh, nữ tú, tài tử, giai nhân những đoàn người đông vui như chim én, chim oanh ríu rít, tưng bừng.

Đoạn trích "Cảnh ngày xuân" là một bức tranh xuân trong sáng và tươi đẹp, một bức tranh thi trung hữu hoạ". Thiên nhiên trong thơ của Nguyễn Du thật đẹp được tạo nên từ hồn thơ nhạy cảm và ngòi bút tài hoa của nhà đại thi hào dân tộc.

Nguyễn Quỳnh Anh

(Lớp 9G Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy –Hà Nội)

Đề 35

Suy nghĩ của em về đoạn trích *"Chị em Thuý Kiều"* trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

BÀI LÀM

Trong chương trình Văn học lớp 9, tác phẩm "Truyện Kiều" của Nguyễn Du là một tác phẩm khá tiêu biểu và trong đó đoạn trích "Chị em Thuý Kiều" là đoạn trích đem lại cho ta ấn tượng sâu sắc về cách miêu tả rất đặc sắc của tác giả.

Tác giả Nguyễn Du có cuộc đời gắn với giai đoạn lịch sử cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX. Đây là thời đại đầy biến động với nhiều đặc điểm nổi bật. Có lẽ chính vì vậy mà tác giả có thể viết lên được một tác phẩm đặc sắc – Đó chính là "Truyện Kiều", mang đầy đủ những nét đặc sắc trong việc miêu tả về cuộc sống đau khổ, gian nan của nhân vật chính là Thuý Kiều, đồng thời cũng thể hiện được sự tàn bạo, độc ác của chế độ phong kiến thời bấy giờ. Đoạn trích "Chị em Thuý Kiều" nằm ở phần đầu của tác phẩm có tên là: "Gặp gỡ và đính ước". Chủ yếu trong đoạn trích này tác giả muốn tả tài sắc của chị em Kiều.

Tác giả không bắt đầu bằng cách tả ngay vẻ đẹp riêng biệt của chị em Kiều mà ông tả chung về hai chị em trước để bước đầu hướng người đọc vào những nét đặc sắc của cả hai chị em Kiều:

"Đầu lòng hai ả tố nga

Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân

Mai cốt cách, tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ, mười phân vẹn mười".

Tác giả đã sử dụng những hình ảnh ước lệ đặc sắc để nói về vẻ đẹp tâm hồn cũng như vẻ đẹp bên ngoài của chị em Kiều. Sau khi nói chung về hai chị em, tác giả đã miêu tả vẻ đẹp của Vân trước. Tác giả tả vẻ bề ngoài trang trọng khác người của Vân là một vẻ đẹp của những con người quí phái. Sau đó, Nguyễn Du tả về đôi mắt, giọng nói, giọng cười của Vân, dường như, trước mắt chúng ta hiện lên hình ảnh dáng vẻ của một cô gái có sắc đẹp rất cụ thể, vẻ đẹp tuyệt vời của trời ban, vẻ đẹp hoà hợp với thiên nhiên mà ít ai có được. Đây chính là vẻ đẹp rất đoan trang, phúc hậu, êm đềm và dường như tác giả muốn gửi gắm qua vẻ

đẹp êm đềm ấy chính là sự dự báo tương lai của Vân cũng êm đềm, hạnh phúc như vậy. Nhưng điều khiến cho người đọc cảm thấy thật sự đặc sắc lại chính là cách miêu tả Thuý Kiều của tác giả. Nếu như tác giả tả Vân thông qua đôi mắt, tiếng cười và lời nói thì Kiều đã được tác giả vẽ lên bằng vẻ đẹp của đôi mắt, đây chính là biện pháp đặc tả được tác giả sử dụng nhằm hướng người đọc tới vẻ đẹp đắm say, ngây ngất lòng người của Kiều. Đôi mắt trong như nước hồ thu để gợi lên vẻ đẹp của đôi mắt trong trẻo, trong sáng tựa như nước mùa thu cũng giống như tâm hồn trong sáng đẹp đẽ của Kiều. Không chỉ có vậy mà Kiều còn có vẻ đẹp của mùa xuân:

"Làn thu thuỷ, nét xuân sơn"

Vẻ đẹp đó khiến cho thiên nhiên phải "hờn", phải "ghen". Điều đó chứng tỏ sắc đẹp của Kiều không hoà hợp với thiên nhiên, đây chính là sự dự báo trước về một cuộc sống éo le, trắc trở của Kiều sau này. Tác giả đã miêu tả sắc đẹp của Kiều trên nền là sắc đẹp của Vân khiến cho chúng ta càng cảm nhận rõ ràng hơn về sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành của Kiều. Nhưng Kiều không chỉ có sắc đẹp tuyệt trần mà tài năng cũng không kém gì sắc đẹp. Cầm, kì, thi, hoạ đều tuyệt vời. Tiếng đàn của Kiều không những ăn đứt Hồ Cầm một chương mà nó còn khiến người nghe cảm thấy não nhân. Và thông qua tiếng đàn của Kiều ta có thể nhận thấy Kiều là một cô gái rất nhân ái, đa sầu, đa cảm nên mới có thể gửi được lòng mình theo tiếng đàn. Thông qua hình ảnh:

"Phong lưu rất mực hồng quần
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê
Êm đềm trướng rủ màn che
Tường đông ong bướm đi về mặc ai."

Ta còn có thể cảm nhận thêm, Kiều còn là một cô gái có phẩm hạnh cao đẹp đã đến tuổi lấy chồng nhưng luôn biết giữ gìn khuôn phép. Nhìn lại tất cả, ta có thể nhận thấy một vẻ đẹp toàn mĩ, vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân, kết hợp tài tình giữa cả sắc và tài nhưng dường như lại dự báo một tương lai đầy bất trắc, "chữ tài liền với chữ tai một vần".

Trong đoạn trích này, tác giả đã sử dụng rất nhiều biện pháp nghệ thuật đặc sắc để miêu tả. Nghệ thuật ước lệ quen thuộc trong văn học cổ để đưa chúng ta vào thế giới với những điều đặc sắc. Không chỉ có vậy, tác giả còn sử dụng biện pháp miêu tả mang tính hình tượng tự cảm

nhận theo cách riêng của mình hoặc chọn tả các chi tiết đặc sắc cũng như tấm lòng ngưỡng mộ đối với con người cũng là một biện pháp nghệ thuật khá tiêu biểu được tác giả sử dụng trong đoạn trích.

Với ngòi bút miêu tả tinh tế, đặc sắc và chân thực, Nguyễn Du đã vẽ nên trước mắt chúng ta chân dung tuyệt vời của hai chị em Kiều.

Nguyễn Đức Việt

Lớp 9G – Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 36

Suy nghĩ của em về bức tranh tâm trạng của nhà thơ Tố Hữu qua bài thơ "*Khi con tu hú*".

BÀI LÀM

Sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh nước mất, dân làm nô lệ, cũng như bao thanh niên tri thức khác, Tố Hữu đã từng "Băn khoăn đứng giữa hai dòng nước" nhưng trong anh vẫn khát khao một lẽ yêu đời. Thế rồi ánh sáng lý tưởng Đảng đã đến với anh, soi rọi, nâng đỡ anh. Từ khi nguyện đi theo con đường của Đảng, Tố Hữu đã trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, chịu bao cực hình đầy đoạ trong các nhà tù của thực dân và trong một lần bị giam cầm tại nhà lao Thừa Phủ, Tố Hữu đã viết bài thơ "Khi con tu hú". Bài thơ là tâm trạng uất ức, niềm khao khát tự do cháy bỏng của người thanh niên cách mạng:

"Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng, càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không....
Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu"!

Sống trong tù, trong sự kìm hãm ngột ngạt, mất tự do, người tù yêu nước đang dỏng tai nghe một tiếng chim tu hú đằng xa:

Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đương chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng, càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không.

Ở đây, trong khổ thơ đầu, tác giả đã vẽ ra cho chúng ta bức tranh thiên nhiên làng quê, khi hè về. Đó là thời điểm những tiếng chim tu hú vang lên "Khi con tu hú gọi bầy". Tiếng chim đó đã dấy lên trong lòng người tù yêu nước một nỗi nhớ quê hương, nhớ từng sự thay đổi của làng quê mình. Mỗi khi hè về, trong lòng tác giả hình ảnh quê hương hiện lên thật đẹp, thật rực rỡ, ấm áp, yên vui, với màu vàng của lúa chín, màu đỏ của quả ngọt, của ngô, màu xanh của hoa lá, đất trời, tiếng ve ngân nga, tiếng sáo diều vi vu mềm mại. Phải chăng bức tranh quê hương vào hè đã in đậm trong tâm tưởng của nhà thơ thì nhà thơ mới có thể vẽ ra một bức tranh thiên nhiên đẹp, trong sáng, sống động đến vậy. Cả sáu câu thơ là một bức tranh làng quê Việt Nam, khi vào hè, trong nỗi nhớ của tác giả. Qua đó, ta thấy được tình yêu quê hương, đất nước của tác giả. Tình yêu quê hương đó đã được thể hiện qua nỗi nhớ thương da diết, niềm vui náo nức, xốn xang trong lòng người tù yêu nước khi tiếng chim tu hú gọi hè về. Nỗi nhớ đó đã tạo nên một tâm trạng dằn vặt, uất hận trong lòng nhà thơ.

Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng, hè ôi!
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu!

Hè đến gợi lên trong lòng tác giả một nỗi khát vọng, khát vọng được tự do, được trở về với đồng bào đồng chí, cùng nhau sát cánh đấu tranh giải phóng dân tộc. Nỗi niềm khát khao tự do đã tạo nên một cơn uất ức căm hờn, uất hận cái thực tại hè nóng, ngột ngạt mất tự do trong nhà tù. Ở đây với những từ ngữ gợi cảm "tan", "hận", "uất", tác giả đã thể hiện tâm trạng uất ức, căm giận của mình trong cảnh lao tù ngột ngạt. Và cuối bài thơ, lại một lần nữa, ta bắt gặp tiếng chim tu hú nhưng đó không phải là tiếng chim tu hú gọi hè mà tiếng chim đó lại còn thúc giục, trỗi dậy trong lòng nhà thơ một nỗi căm hờn, một niềm khát khao tự do cháy bỏng.

Tóm lại, toàn bài thơ là nỗi nhớ quê hương da diết, nỗi uất hận căm

hờn, niềm khao khát tự do cháy bỏng của tác giả, một người tù yêu nước, một thanh niên cách mạng. Chính những tâm trạng đó đã khẳng định tình yêu quê hương đất nước, niềm ham muốn cùng mọi người đấu tranh giải phóng dân tộc của nhà thơ.

Đinh Thị Oanh

Trường THCS chuyên Minh Khai

Đề 37

Nêu cảm nghĩ của em về đoạn thơ sau trong *"Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* của Phạm Tiến Duật:

"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái
Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha..."

BÀI LÀM

Những năm tháng gian khổ kháng chiến chống Mĩ đã được ghi lại rất rõ nét trong những trang thơ của Phạm Tiến Duật. Đặc biệt là hình ảnh người chiến sĩ lái xe quân sự trên tuyến đường Trường Sơn đã trở thành một hình tượng tuyệt đẹp trong bài thơ về tiểu đội xe không kính của nhà thơ:

"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái
Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha..."

Hai câu thơ đầu tiên tạc dựng trước mặt người đọc hình ảnh của những chiếc xe không kính đang nối đuôi nhau băng băng lướt đi trên con đường ra trận. Va những chiếc xe không kính ấy đã làm nổi bật hình ảnh trung tâm của bài thơ: người chiến sĩ lái xe. Hai câu thơ như một lời phân bua của người lái xe: *"Không có kính không phải vì xe không có kính..."* Điệp từ *"không"* được nhắc đến ba lần trong câu thơ càng tăng thêm ý nghĩa khẳng định cho câu thơ: chiếc xe ấy không có kính vì *"bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi"*. Câu thơ đã mở ra một hình ảnh độc đáo mà ta chỉ có thể bắt gặp trong chiến tranh. Ta thường gặp xe quân sự là những chiếc xe có kính cẩn thận, phủ đầy lá nguy trang để che mắt quân thù. Người chiến sĩ lái xe nói đến nguyên nhân *"không có kính"* rất bình thản và có phần vui tươi nữa, vì họ đang được lái trên những chiếc xe độc đáo ấy. Người đọc như cảm nhận được trong lời phân bua ấy một nụ cười hóm hỉnh, vui tươi xen lẫn tiếng cười sảng khoái. Ở hai câu thơ tiếp theo, tác giả đi vào miêu tả cụ thể hình ảnh người chiến sĩ lái xe quân sự.

Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng...

Thái độ của những người chiến sĩ ấy đã được bộc lộ rõ nét trong từ "ung dung". Ta có thể thấy cả một sự bình tĩnh, bình thản đến lạ lùng của những người lái xe, khi ngồi sau vô lăng.

Người đọc có cảm giác dường như không phải những chiếc xe ấy đang lao ra mặt trận với bao nguy hiểm kề bên mà nó đang trong một cuộc dạo chơi, trong một chuyến đi xa. Ở câu thơ tiếp theo với điệp từ "nhìn" nhà thơ đã tạo nên tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm bất khuất, không hề ngần ngại trước khó khăn, nguy hiểm của những người chiến sĩ. Không gian xung quanh họ được mở ra thật bao la rộng lớn "nhìn

đất, nhìn trời". Giữa một vùng trời đất mênh mông nổi bật hình ảnh đoàn xe trên đường ra trận và những người chiến sĩ say sưa, chiêm ngưỡng ngắm nhìn thiên nhiên nhưng cái đích của họ vẫn là "nhìn thẳng". Họ vẫn luôn hướng tâm tư, ánh mắt của mình vào con đường trước mắt để điều khiển xe ra trận được nhanh nhất. Điệp từ "nhìn" đã ngắt câu thơ làm ba ý rất rõ ràng, rành mạch, nhịp nhàng như những ánh mắt đầy quyết tâm của người chiến sĩ. Nhà thơ tiếp tục mở rộng tầm nhìn của họ:

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái.

Trong ánh mắt nhìn của người chiến sĩ hiện lên "gió", "con đường", "sao trời", "cánh chim". Thiên nhiên vây quanh đoàn xe và đã trở thành những con người thực sự. Hình ảnh tả thực trong câu thơ là gió thổi, ùa vào xe, thổi vào mắt người lái xe và đôi mắt phải hứng gió nhiều nhức xót. Hình ảnh những con đường hun hút đằng trước chiếc xe đang lao nhanh khiến cho tác giả tưởng con đường ấy đang chạy thẳng vào tim mình. Hai hình ảnh tả thực rất sống động. Dưới con mắt, ngòi bút của tác giả, làn gió như đang vỗ về, mơn man khiến cho đôi mắt của người chiến sĩ bớt đi cảm giác mỏi nhức. Câu thơ cuối cùng là hình ảnh so sánh rất giàu tính nghệ thuật, khiến hình ảnh những cánh chim bay là là cạnh chiếc xe trở nên lung linh, đẹp đẽ hẳn lên. Vì xe không có kính, nhìn bầu trời qua cửa xe, người lái tưởng như sao trời và những cánh chim đang sà thấp xuống bên cạnh mình "như sa", như ùa vào buồng lái...". Con đường ra trận bỗng trở nên thơ mộng và thú vị biết bao! Qua những hình ảnh thơ rất sống động và giàu tính nghệ thuật ấy, người đọc cảm thấy những người lái xe tuy phải một mình trên con đường ra trận nhưng họ không hề lẻ loi, cô đơn, bởi bên cạnh họ luôn có thiên nhiên. Thiên nhiên và con người hoà vào nhau, gắn bó thân thiết với nhau. Và dường như thiên nhiên đã trở thành người bạn tâm tình của người chiến sĩ trên suốt cuộc hành trình, để trò chuyện, chia sẻ, tâm sự với con người.

Ở khổ thơ thứ ba, tác giả tiếp tục xây dựng hình ảnh những người chiến sĩ lái xe.

Không có kính, ừ thì có bụi.
Bụi phun tóc trắng như người già

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha...

Đoạn thơ dựng lên hình ảnh những người lái xe quân sự quần áo lấm lem đất cát, sau những chặng đường bụi mịt mù, bụi phủ trắng cả áo quần. Biện pháp so sánh *"bụi phun tóc trắng như người già"* là hình ảnh tả thực. Nó không chỉ thể hiện được cái vất vả, mệt nhọc của những người chiến sĩ sau chặng đường gian lao, đầy nguy hiểm mà nó còn là một hình ảnh rất ngộ nghĩnh, sống động. Người đọc cảm thông nhưng cũng rất thích thú trước hình ảnh ấy. Ta không cảm thấy trong đoạn thơ có cái mệt nhọc, vất vả mà tràn đầy phấn khởi, vui tươi. Và những người lái xe hiện lên qua ngòi bút miêu tả của Phạm Tiến Duật đang *"phì phèo châm điếu thuốc, nhìn nhau mặt lấm cười ha ha..."* là những hình ảnh rất thực, rất sống và mang đậm chất lính, chất chiến sĩ. Cả đoạn thơ là một tiếng cười vui tươi, sảng khoái lạc quan của người lính trẻ.

Ba khổ thơ đã xây dựng thành công hình ảnh người chiến sĩ lái xe quân sự trên tuyến đường Trường Sơn. Họ là những người rất dũng cảm, chấp nhận mọi khó khăn, gian khổ, rất hóm hỉnh, vui tươi, đồng thời cũng rất mơ mộng, lãng mạn. Ngôn ngữ trong đoạn thơ tuy bình dị, mộc mạc mà rất trẻ trung, giàu cảm xúc. Giọng điệu thơ phong phú, khi sôi nổi, vui tươi, khi trầm lắng, thiết tha, rất phù hợp với tâm trạng, tình cảm của tác giả. Nhiều câu thơ rất gần với lời nói thường, đậm chất văn xuôi:

" Không có kính không phải vì xe không có kính"
"Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng"
"Không có kính, ừ thì có bụi"

đã khiến cho bài thơ trở nên dung dị, sâu sắc và cũng có phần thiết tha hơn. Tràn ngập trong đoạn thơ là tình cảm vui tươi của nhà thơ. Phạm Tiến Duật cũng là một người lính lái xe quân sự nên ông đã xây dựng thành công hình ảnh những người đồng chí của mình với những tình cảm rất chân thành, thể hiện rõ nét một hồn thơ vui tươi, giàu cảm xúc, đậm chất thi sĩ – chiến sĩ. Chất thơ và chất lính kết hợp hài hoà trong đoạn thơ, khiến cho nó không chỉ là một bài thơ riêng về người lính lái xe mà đã trở thành một bài ca về những con người:

Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước
Mà lòng phơi phới dậy tương lai."

(Tố Hữu)

Lê Thu Trang
Trường THCS Trần Đăng Ninh

Đề 38

Cảm nghĩ của em về tác phẩm "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật.

BÀI LÀM

Hình ảnh của người lính trong kháng chiến luôn là chủ đề của rất nhiều các nhà văn, với nhiều hình ảnh khác nhau về người lính. Và trong tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" ta được thấy rõ về hình ảnh của những người lính lái xe ở Trường Sơn với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu thông qua hình ảnh của những chiếc xe không kính.

Bài thơ ra đời trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đã thể hiện rất thành công về hình ảnh của người lính lái xe. Và vì tác giả là người am hiểu đời sống chiến tranh và có lối viết văn tả thực nên đã gây ấn tượng sâu sắc tới người đọc. Trong bài thơ, tác giả đã tạo nên những hình ảnh đặc biệt là những chiếc xe không kính, hình ảnh độc đáo đó đã để lại trong người đọc ấn tượng sâu sắc.

Trong bài thơ, tác giả đã vẽ nên một hình ảnh rất gần gũi và gắn bó với người lính, đó chính là những chiếc xe không kính. Những chiếc xe này không còn bình thường mà đặc biệt ở chỗ chúng là những chiếc xe không kính. Từ đó tác giả đã miêu tả rõ nét về hình dáng trần trụi méo mó của chúng:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ùa vào buồng lái...
...Không có kính, rồi xe không có đèn
Không có mui xe, thùng xe có xước."

Ở đây tác giả đã tả rất thực về những cái thiếu của chiếc xe nên đã tạo nên hình ảnh rất đặc biệt về chiếc xe không kính trần trụi, dị dạng và nó đã gây ấn tượng sâu sắc tới người đọc. Qua những sự thiếu thốn đó, tác giả còn muốn nói lên với chúng ta về sự ác liệt của chiến tranh.

"Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi."

Nhưng cuối cùng từ trong hình ảnh của chiếc xe không kính ta thấy hiện lên hình ảnh của người lính lái xe:

"Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim."

Có thể nói đây là một khám phá rất thú vị về người lính Trường Sơn. Người lính lái xe được so sánh như trái tim, và trái tim này chứa đầy nhiệt huyết, chứa đầy tinh thần chiến đấu. Những người lính lái xe đã điều khiển những chiếc xe thiếu nhiều thứ. Chứng tỏ họ là những con người rất dũng cảm, dám đón nhận những nguy hiểm từ chiếc xe đem lại và của chiến tranh:

"Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng...
...Bụi phun tóc trắng như người già...
...Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời."

Những khó khăn gian khổ đang thử thách người lính Trường Sơn nhưng họ đều vượt qua vì trong họ luôn có một tình yêu nước nồng nhiệt. Không chỉ thế, để vượt qua những khó khăn thì họ luôn lạc quan và rất tự tin:

"Ung dung buồng lái ta ngồi" *"Không có kính, ừ thì có bụi"*

"Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng" *"Không có kính, ừ thì ướt áo"*

Những câu trả lời của họ trước sự thiếu thốn về vật chất rất bình thường. Câu trả lời "ừ thì" thể hiện tinh thần lạc quan, luôn chấp nhận mọi khó khăn thử thách dù biết rằng chúng rất nguy hiểm. Nhưng không chỉ lạc quan mà dù trong kháng chiến luôn phải đối mặt với cái chết, họ vẫn là những người lính trẻ trung, rất vui nhộn:

– "Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha"
– "Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi."

Nguy hiểm luôn sát bên họ nhưng họ vẫn châm điếu thuốc, cười ha ha. Qua đó ta thấy họ là những người hiên ngang, thấy được sự sôi nổi của người lính trẻ. Điều cuối cùng trong bài mà tác giả đã nói đến là tình đồng đội gắn bó, thân thiết của họ:

"Những chiếc xe từ trong bom rơi
Đã về đây họp thành tiểu đội
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi
Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
...Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi, trời xanh thêm."

Không phải là những người thân nhưng họ lại là những người đồng đội cùng chiến đấu với nhau vì vậy họ cùng là một gia đình lớn. Và trong đại gia đình đó họ luôn gắn bó, thương yêu nhau.

Về nghệ thuật trong bài thơ, tác giả đã lấy chất liệu là hiện thực như xe không kính, không đèn... để thuyết phục người đọc. Ngoài ra tác giả còn chú trọng miêu tả hình ảnh đặc biệt của chiếc xe không kính rồi từ đó khắc hoạ hình ảnh người lính sôi nổi, trẻ trung ngang tàng và dũng cảm. Ngôn ngữ bài thơ khoẻ khoắn, trẻ trung, ngang tàng, rắn rỏi, nhưng vẫn lãng mạn. Giọng điệu theo lối thơ tự do nhưng lại gần với văn xuôi.

Qua tác phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" ta thấy được hình ảnh của người lính hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi, có ý chí.

Đinh Trung Sơn

(Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội)

Đề 39

Cảm nghĩ của em về bài thơ *"Đồng chí"* của Chính Hữu.

BÀI LÀM

Lịch sử nước ta là những trang vàng của những cuộc kháng chiến chống xâm lược nối tiếp nhau. Trong những quá trình đó, người chiến sĩ thực sự trở thành hình ảnh cao đẹp nhất:

"Anh vẫn hành quân
Trên đường ra chiến dịch"

Bởi thế, là nhà thơ quân đội, Chính Hữu đã viết nhiều về người lính và ông đã dành cho họ tình cảm ưu ái, trân trọng. Từ thực tế gian nan, máu lửa, với cảm xúc chân thành của một người trong cuộc, tác giả đã viết lên bài "Đồng chí". Đó là một trong những bài thơ hay về người chiến sĩ trong thi ca Việt Nam hiện đại. "Đồng chí" ra đời năm 1948; trải qua hơn "50 năm", bài thơ đã trở thành người bạn tâm tình của nhiều lớp người cầm súng chống Pháp và chống Mỹ.

Cuộc kháng chiến chống Pháp là nơi hội tụ của bao tấm lòng yêu nước, từ giã quê hương, hàng triệu nông dân tình nguyện gia nhập quân đội, chiến đấu cho một lí tưởng chung: *"Độc lập tự do của đất nước, của dân tộc"*. Trong cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh, những người chiến

sĩ đã gắn bó chặt chẽ với nhau. Một tình cảm mới mẻ đã nảy sinh và ngày càng trở nên sâu sắc, thiêng liêng, đó là tình đồng chí. Chính vì vậy, Chính Hữu đã ghi lại mối tình cao quí ấy qua bài thơ rất mộc mạc mà lại có sức rung cảm đến lạ thường.

"Quê hương anh nước mặn, đồng chua,
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
Anh với tôi đôi người xa lạ,
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau.
Súng bên súng đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!"

Đó là những lời trao gửi chân thành của hai người lính xa quê trong những giây phút ngắn ngủi khi nghỉ ngơi sau chặng hành quân đầy vất vả, sau một trận đánh ác liệt hay trong đêm rừng cùng nhau phục kích quân thù. Những câu chuyện tâm tình về quê hương, những miền quê khác nhau đều gợi lên một cuộc sống gieo neo cơ cực. Câu thành ngữ "nước mặn đồng chua" làm ta gợi nhớ tới đây là một vùng chiêm trũng. Quê hương anh như vậy, còn quê hương của tác giả thì cũng chẳng hơn gì.

"Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá"

Nhưng dẫu sao thì chúng đều chung một cái giống nhau đó là cái nghèo, con người sống lam lũ, vất vả, đổi bát mồ hôi lấy bát cơm. Bởi thế khi xa quê, họ nhớ quê đến quặn lòng. Họ là người nông dân nghèo khổ, quanh năm chân lấm tay bùn, bán mặt cho đất, bán lưng cho trời nhưng khi Tổ quốc cần thì họ sẵn sàng rời xa cái làng thân yêu, bước ra khỏi luỹ tre làng để cầm súng đi đánh giặc. Xa quê đi chiến đấu, họ rời xa nơi chôn rau cắt rốn với biết bao kỷ niệm quen thuộc. Nhưng vượt lên trên những nỗi khắc khổ đó, họ đến với nhau, cùng nhau vun đắp cho một tình đồng đội, tình đồng chí.

"Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau."

Trong một môi trường quân đội đầy kỉ luật, họ lại càng gắn bó máu thịt như một mái ấm tình người. Họ kề vai sát cánh bên nhau với một lí tưởng chung.

"Súng bên súng đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ."

Lúc này họ là tri kỉ, sống chết có nhau thì "Đồng chí" lại là tiếng gọi thiêng liêng, là tình cảm xuất phát từ đáy lòng họ. Từ xa lạ đến gần

gũi, cùng chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, sướng khổ có nhau, kề vai sát cánh chiến đấu.

Và khi đã hiểu nhau như vậy thì bây giờ, tác giả suy nghĩ về người đồng đội:

"Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính...
...Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay."

Rời nhà ra chiến trường, họ nhớ quê hương da diết, nhớ về giếng nước, gốc đa, nhớ ruộng nương, nhớ gian nhà, đó là những vật hết sức thân quen của làng quê Việt Nam. Trong câu thơ: "Gian nhà không mặc kệ gió lung lay", ta thấy xuất hiện từ "mặc kệ". Nó làm ta nhớ tới một câu thơ trong bài "Đất nước" của Nguyễn Đình Thi:

"Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy."

Tuy việc những người lính lại tất cả để ra trận đã được nhiều tác giả viết tới nhưng Chính Hữu vẫn cho ta thấy được sự hi sinh lớn lao của người chiến sĩ qua những câu thơ của mình. Từ "mặc kệ" hay "không ngoảnh lại" chẳng qua chỉ là cách nói khác nhau để biểu lộ một ý chí quyết tâm vượt lên những tình cảm đời thường để dùng lí trí chế ngự những tình cảm đó, phục vụ cho lợi ích chung của đất nước. Nhưng càng chế ngự thì nó lại càng trở nên da diết hơn, đến mức cảm thấy được từng cơn gió giật làm lung lay căn nhà thân thương. Tình cảm đó không thể đo đếm nổi.

Chính Hữu cũng đã sử dụng hình ảnh "giếng nước gốc đa". Chúng nhớ người ra lính và ở chiến trường; những người chiến sĩ cũng đang ngày đêm mong nhớ về chúng. Những người chiến sĩ có tâm hồn thật hồn nhiên, trong sáng, gắn chặt với cái "hồn lòng" nơi quê hương họ.

Tác giả nhớ về và kể lại cho ta thấy được những ngày đầu kháng chiến chống Pháp đầy khó nhọc, thiếu thốn mọi thứ cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Vượt lên trên những khó nhọc đó, anh bộ đội cụ Hồ vẫn vui vẻ, tin tưởng vào cuộc sống. Khác với mở bài "Anh với tôi đôi người xa lạ", bây giờ thì lại là "Thương nhau tay nắm lấy bàn tay". Xem

chừng có vẻ mâu thuẫn nhưng tác giả đã dùng chính sự mâu thuẫn này để nói lên và tô đậm thêm cho tình đồng chí thiêng liêng và cao cả. Đó chính là biểu tượng của sức mạnh đoàn kết, động viên, tiếp sức mạnh, ý chí cho nhau. Hai bàn tay ấy mà tách ra thì sẽ lẻ loi, yếu ớt nhưng khi đã nắm lại thì không sức mạnh nào địch nổi. Hơi ấm từ hai bàn tay đó đã tạo thêm sức truyền cảm cho bài thơ.

Dường như đến đây đã là đỉnh điểm của tình đồng chí nhưng với cảm hứng lãng mạn ở cuối bài, Chính Hữu đã dựng lên một hình ảnh tuyệt đẹp về người lính:

"Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo."

Ánh trăng lại được sử dụng làm hình ảnh biểu tượng cho người lính. Ta gặp hình ảnh trăng trong một bài thơ khác:

"Anh vẫn hành quân
Nẻo đường xa anh bước
Trăng non ló đỉnh rừng."

Ở bài thơ này, ánh trăng kết hợp với cây súng là một sáng tạo nghệ thuật đặc sắc của thi nhân. Ánh trăng của Chính Hữu là ánh trăng ấm cúng, chan chứa tình người, tình đồng chí. Giữa rừng đêm lạnh giá, có hai ngọn súng, hai con người kề vai sát bên nhau chờ giặc. Ánh trăng toả sáng rừng núi và chếch dần, chếch dần treo lơ lửng trên ngọn súng, làm nhân chứng cho một tình cảm thiêng liêng, cao cả. Hình ảnh đó mang chất lãng mạn, cảnh và tình hoà quyện với nhau. Tình đồng chí sưởi ấm lòng người chiến sĩ, súng và trăng – cả hai cùng tham gia chiến đấu.

"Đồng chí" là một bài thơ hay. Bằng ngôn ngữ nghệ thuật hàm súc chắt lọc, đầy sức gợi cảm, bài thơ đã cho ta cảm nhận được tình đồng chí đậm đà. Qua đó, bài thơ đã khắc hoạ hình ảnh người chiến sĩ hồi đầu kháng chiến với một tấm lòng cảm phục, mến thương sâu sắc của tác giả. Bài thơ sẽ mãi mãi lưu giữ trong ký ức của mọi người, nhất là lớp trẻ để "hiểu quá khứ, hành động cho hiện tại và tin tưởng vào tương lai".

Sơn Hà
(Học sinh lớp 9G, Trường THCS
Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội)

Bài tham khảo

Đồng chí của Chính Hữu – bài thơ rất quen mà lạ

Hồi nhỏ tôi đã nghe hết bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu. Bài thơ rất quen mà lạ, rồi thuộc, chưa bao giờ xem lại bài thơ, gần đây nhân một buổi trò chuyện với sinh viên Khoa Văn Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn tôi mới mở bài thơ ra xem. Mắt vừa chạm vào thơ, tôi đã thấy lạ. Thì ra lâu nay mình mới chỉ thưởng thức cái phần nhạc của thơ mà bỏ quên cái phần hình của nó.

Câu thơ hai chữ:

Đồng chí!

Gần như đứng giữa bài thơ, riết cái thân bài thơ thành một cái lưng ong. Nửa trên là một mảng quy nạp (như thế này là đồng chí), nửa dưới là một diễn dịch (đồng chí còn là như thế này nữa). Một kết cấu chính luận cho một bài thơ trữ tình, lạ.

Chủ đề đồng chí hiện lên trong từng cấu trúc ngôn ngữ, nghĩa là trong từng tế bào thơ. Tôi với anh khi thì được xếp dọc:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Khi thì xếp ngang:

Anh với tôi đôi người xa lạ

Khi thì điệp điệp (nét thẳng của ý chí và nét cong của tình cảm):

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

để đến đêm rét trùm chung một cái chăn thì nhập lại thành đồng chí.

Và cái chăn đắp lại thì tâm tư mở ra. Họ soi vào nhau, anh hiểu tôi, tôi hiểu đến nỗi lòng sâu kín của anh:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay.

Giải thích sao đây hai chữ: "mặc kệ"? Có gì giống với thái độ này không?

Người đi. Ừ nhỉ, người đi thực
Mẹ thà coi như chiếc lá bay
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say

(*Tống biệt hành* – Thâm Tâm)

Không! Nó đâu khinh bạc và phiêu dụ như thế. Ở ngoài mặt trận mà biết gió lay từng gốc cột của ngôi nhà mình thì không còn chữ nào để diễn tả tình cảm thiết tha gắn bó của họ đối với gia đình. Nhưng trước hết họ đã vì nghĩa lớn. Thái độ hiệp sĩ ấy gần với Hồng Nguyên, gần với Trần Mai Ninh... trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp, gần với Nguyễn Mỹ, gần với Trần Quang Long... trong kháng chiến chống Mỹ.

Họ hiểu nhau đến chiều sâu như thế và tựa vào nhau mà đi đến chiều cao này:

Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Chung nhau một cái chăn là một cặp đồng chí, nắm đôi bàn tay mà ấm cả đôi bàn chân là một cặp đồng chí, đêm nay, giữa rừng hoang sương muối.

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới.

Là một cặp đồng chí. Và lãng mạn thay, súng và trăng cũng là một cặp đồng chí.

Đầu súng trăng treo

Cặp đồng chí này nói về cặp đồng chí kia, nói được cái cụ thể và gợi đến cái vô cùng. Súng và trăng, gần và xa (Tôi với anh vốn người xa lạ, tự phương trời chẳng hẹn quen nhau); Súng và trăng, cứng rắn và dịu hiền; Súng và trăng, chiến sĩ và thi sĩ; Súng và trăng... là biểu hiện cao cả của tình đồng chí.

Sự kết hợp giữa yếu tố hiện thực roi rói với tính chất lãng mạn trong trẻo là màu sắc mới mẻ mà Chính Hữu đã sớm mang lại cho thơ.

Nguyễn Đức Quyền
Báo Văn nghệ số 30/1985

Bài tham khảo

Thêm một cách hiểu vẻ đẹp bài thơ "Đồng chí"

Trong những tác phẩm thơ ca Việt Nam hiện đại đưa vào giảng dạy ở trường phổ thông, ít có tác phẩm nào lại có thêm những lời giải thích, bàn luận trực tiếp của tác giả như bài thơ *Đồng chí*. Qua bài "Một vài kỉ niệm nhỏ về bài thơ *Đồng chí*" nhà thơ Chính Hữu đã chỉ rõ:

... "Trong bài thơ *Đồng chí,* tôi muốn nhấn mạnh đến tình đồng đội suốt cả cuộc chiến đấu chỉ có một chỗ dựa dường như là duy nhất để tồn

tại để chiến đấu là tình đồng chí, tình đồng đội. Đồng chí ở đây là tình đồng đội..."

.... "Tôi mong có được sự hàm súc, cô đọng của lời thơ, và hình ảnh thơ phải mang tính tạo hình"....

.... "Bài thơ có những hình ảnh cô đúc như *đầu súng trăng treo*. Tôi thấy có bạn phân tích hình ảnh *đầu súng* là tượng trưng cho người chiến sĩ đang bảo vệ quê hương và *vầng trăng* tượng trưng cho quê hương thanh bình. Tôi không nghĩ thế khi viết.... Vấn đề đối với tôi đơn giản hơn. Trong chiến dịch nhiều đêm có trăng. Đi phục kích giặc trong đêm trước mắt tôi chỉ có ba nhân vật: khẩu súng, vầng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật quyện với nhau tạo ra hình ảnh *đầu súng trăng treo.... Đầu súng trăng treo,* ngoài hình ảnh, bốn chữ này có nhịp điệu như nhịp lắc của một cái gì lơ lửng chông chênh trong sự bát ngát. Nó nói lên một cái lửng lơ ở xa chứ không phải là buộc chặt, suốt đêm vầng trăng từ bầu trời cao xuống thấp dần và có lúc như treo lơ lửng trên đầu mũi súng. Những đêm phục kích chờ giặc, vầng trăng đối với tôi như một người bạn: rừng hoang sương muối là khung cảnh thật v.v...

Dựa vào những gợi ý, chỉ dẫn của chính tác giả, chúng tôi xin được đề xuất một cách hiểu mới về vẻ đẹp bài thơ *Đồng chí* như sau:

Chúng tôi quan niệm: Muốn hiểu đúng về vẻ đẹp bài thơ *Đồng chí* nên xuất phát từ phương diện phân tích kết cấu nghệ thuật bài thơ và đây có lẽ là phương pháp tối ưu so với tất cả các phương pháp tiếp cận khác đối với bài thơ này.

Tìm hiểu kết cấu bề mặt – kết cấu hình thức (bố cục), chúng tôi thấy có thể chia bài thơ *Đồng chí* ra làm hai đoạn thơ.

Đoạn thứ nhất gồm 17 câu thơ, được tác giả trình bày bằng bút pháp tự sự và do vậy đã phản ánh khá chân thật cả một quá khứ quan hệ giữa hai nhân vật là "anh" và "tôi" – những người chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.

Cả "anh" và "tôi" vốn là những người nông dân cầm súng bởi sự giác ngộ cách mạng và nhiệt tình yêu nước. Cho nên ngay từ buổi đầu gặp gỡ giữa hai người đã có một niềm cảm thông hiểu biết lẫn nhau thật sự nồng thắm vô biên. Niềm cảm thông ấy không chỉ làm cho họ vượt lên những mặc cảm xa lạ về quê hương, về xứ sở và hoàn cảnh riêng tư để thống nhất cao độ vào một mục đích chung là đánh giặc cứu nước:

Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo, đất cày lên sỏi đá,

Anh với tôi hai người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Súng bên súng, đầu sát bên đầu
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ
Đồng chí!
Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính...

mà còn nẩy nở ở họ những biểu hiện tình cảm tượng thân tương ái để cùng nhau vượt qua những thiếu thốn vật chất trong sinh hoạt và sự đe doạ của bệnh tật hiểm nghèo:

...Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay...

Có thể nói niềm cảm thông hết sức xúc động ấy đã tạo nên vẻ đẹp có một nét đặc trưng của mối quan hệ "đồng chí" giữa "tôi" và "anh". Nó đã được hai người trân trọng giữ gìn bằng cả bề dày của thời gian và bằng những kỷ niệm sâu sắc ấm áp tình người.

Đoạn thứ hai của bài thơ *Đồng chí* chỉ có ba câu thơ. Nhưng do được nhà thơ thể hiện bằng bút pháp đặc tả nên nó đã khắc hoạ khá sinh động hình tượng người chiến sĩ trước giờ nổ súng tiêu diệt quân thù:

...Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.

Đoạn thơ cho ta thấy: Dù phải đối đầu với bao điều bất lợi của tự nhiên, ngoại cảnh và bao điều nguy hiểm của chiến sự sắp xảy ra, nhưng cả "anh" và "tôi" cũng như tất cả các chiến sĩ lúc bấy giờ vẫn bình tĩnh hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu với một quyết tâm vô cùng mạnh mẽ.

Nguyên nhân nào đã tạo nên ở những người chiến sĩ này một tư thế chiến đấu rất đỗi bất khuất, hào hùng như vậy? Phải chăng chính là niềm cảm thông hiểu biết lẫn nhau, là những biểu hiện tình cảm thương yêu trong mối quan hệ "đồng chí" mật thiết bấy lâu giữa "anh" và "tôi"

giữa những người đồng đội đã tạo nên thế đứng kiên cường của họ dưới chiến hào khi chuẩn bị bước vào trận đánh. Hơn thế nữa, chính sự gắn bó giữa "anh" và "tôi, giữa những người chiến sĩ chung một chiến hào thành khối đoàn kết vững chắc trên trận địa lúc này còn chắp cánh cho những cảm xúc trong tâm hồn lãng mạn của họ thăng hoa khi bắt gặp sự hài hoà kì diệu giữa vẻ đẹp thiên nhiên thơ mộng với vẻ đẹp hùng vĩ của thế trận tiến công.

Tìm hiểu kết cấu bên trong – kết cấu nội tại (mối quan hệ giữa hai đoạn thơ) chúng tôi thấy bài thơ *Đồng chí* có một mô hình cấu trúc thẩm mĩ chặt chẽ và biện chứng, có khả năng biểu đạt chủ đề tư tưởng bài thơ rất cao. Đọc bài thơ, chúng tôi thấy đoạn cuối là phần chính, còn đoạn đầu là phần phụ của bài thơ. Phần chính có tính chất tạo hình đậm nét, được tác giả thiết lập trên cơ sở của phần phụ. Và phần phụ là sự bổ sung, hoàn thiện hình tượng thơ được thể hiện trong phần chính. Vì vậy có thể nói vẻ đẹp tâm hồn chính là bước phát triển sinh động trong tình cảm của "anh" và "tôi", mà niềm cảm thông sâu sắc và sự gắn bó sắt son giữa hai người là nền tảng, là cơ sở vững chắc của sự phát triển đó.

Tập trung miêu tả tư thế kiên cường và tâm hồn lãng mạn của "anh" và "tôi"; của những người chiến sĩ trước giờ nổ súng tiêu diệt quân thù, Chính Hữu không chỉ tạo được một bức tượng đài bằng thơ về người chiến sĩ Vệ quốc quân thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp, mà còn mở ra một hướng thể hiện nghệ thuật thi ca viết về đề tài chiến tranh giữ nước rất mới mẻ. Chính hình tượng thơ *Đầu súng trăng treo* của Chính Hữu về sau đã được Phạm Tiến Duật tiếp tục sáng tác qua hình tượng *Vầng trăng quầng lửa* và đã được Tố Hữu nâng lên một tầm khái quát thi ca mới trong hình tượng *Việt Nam, máu và hoa*.

Trương Xuân Tiếu

Khoa Văn ĐHSP Vinh

(*Văn học và tuổi trẻ* tập 11 năm 1996)

Đề 40

Cảm nghĩ của em về bài thơ *"Viếng lăng Bác"* của Viễn Phương.

BÀI LÀM

Được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, bài thơ "Viếng lăng Bác" của Viễn Phương đã thể hiện niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ với Bác trong một lần vào lăng viếng Bác.

"Viếng lăng Bác" được viết trên một cảm hứng thơ cụ thể và xúc động. Bố cục bài thơ chặt chẽ, giọng điệu thơ khi nhanh khi chậm. Bài thơ mở đầu bằng câu thơ:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát."

Câu thơ gợi một không khí ấm áp gần gũi. Và tác giả đã tăng sự gần gũi đó không phải chỉ bởi những câu thơ bình dị mà còn là việc sử dụng hình ảnh cây tre. Gắn bó với làng quê Việt Nam, tre đã trở thành một hình ảnh quen thuộc của làng người Việt. Tác giả đặt lăng Bác trong màu xanh của xứ sở nơi mà ở đó có những con người anh dũng, kiên cường "Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng".

Hình ảnh ẩn dụ trong khổ thơ thứ hai cũng rất độc đáo. Viễn Phương đã dùng hình ảnh mặt trời trên lăng để nói đến Mặt Trời trong lăng là Bác. Cái trường tồn, vĩnh cửu của Mặt Trời đã được nhà thơ sử dụng để nói sự bất diệt, vĩ đại của Bác:

"Ngày ngày Mặt Trời đi qua trên lăng
Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ."

và đồng thời nó cũng thể hiện sự tôn kính của tác giả đối với Bác. Từ "rất đỏ" nói lên hình ảnh rực rỡ trái tim cách mạng của Bác.

Cùng với hình ảnh *Mặt Trời – trong lăng* là hình ảnh *tràng hoa – dòng người* đã diễn tả sâu sắc niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân ta đối với sự ra đi của Bác:

"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân".

Lý trí bảo rằng Bác sẽ luôn sống với non sông như bầu trời xanh kia mãi mãi, nhưng Viễn Phương không thể không đau nhói trước sự ra đi ấy:

"Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!."

Một chữ "nhói" mà nói lên được tấm lòng của đứa con ở miền Nam ra thăm lăng Bác – cũng là tấm lòng của miền Nam, của cả nước đối với Bác kính yêu.

Cảm xúc của tác giả lại dâng trào đến đỉnh điểm khi phải rời xa lăng Bác:

"Mai về miền Nam thương trào nước mắt"

Giọng thơ trầm lắng thể hiện sự lưu luyến của Viễn Phương: chân thành và xúc động. Bỗng giọng thơ trở lên dồn dập bởi điệp từ "muốn làm". Đó là tất cả ước nguyện của tác giả:

"Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

Những ước nguyện đó thật giản dị, mong muốn được mãi mãi gần gũi Bác, được mãi mãi đi theo lý tưởng của Người là tâm *niệm* không chỉ của riêng nhà thơ. Hình ảnh cây tre trung hiếu đã khép lại bài thơ, một kết nối vòng tròn rất hay. Tre là hình ảnh mở đầu và cũng là hình ảnh cuối cùng. Nó như khắc sâu phẩm chất người Việt Nam trung hiếu anh hùng.

Lời thơ tự do khi nhanh, khi chậm cùng nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp đã tạo nền cho mạch cảm xúc chân thành sâu sắc của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ là một sự đóng góp quí báu trong những bài thơ ngợi ca về Bác – vị Cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Lê Phương Dung
(Lớp 9G – Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội)

Bài tham khảo

Viếng lăng Bác – Bài thơ hay về Bác

Thành công của bài thơ trước hết là do hoàn cảnh của tác giả, anh đã xa cách Bác một khoảng không gian và thời gian khá lớn, khá xa; tuy tham gia cách mạng từ hồi kháng chiến chín năm, nhưng đã trải qua một thời gian dài hoạt động công khai hợp pháp trong nội thành, rồi lại hoạt động bí mật trong lòng địch hậu, nên anh chưa có điều kiện ra thăm Bác. Nhưng khi ở trong nhà giam Mỹ Ngụy, anh từng làm thơ chúc thọ Bác nhân ngày kỉ niệm sinh nhật Bác, khi hành quân cùng bộ đội giải phóng trên chiến trường đánh Mỹ, nghe tin Bác qua đời, anh đã làm thơ khóc Bác. Đến khi anh ra đến miền Bắc không còn mong thấy Bác, anh

đã dồn hết tình cảm thương nhớ Bác nén chặt bao nhiêu năm vào bài thơ *Viếng lăng Bác*, nhưng giờ đây không chỉ là tình cảm của riêng anh mà còn kết tinh tình cảm của hàng triệu chiến sĩ, đồng bào miền Nam chưa được gặp Bác bao giờ, ngày chiến thắng ra viếng lăng Bác. Câu thơ mở đầu giản dị như sự thật, như chính con người Bác:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Cái đầu tiên mà anh thấy là gì:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Cây tre là tượng trưng cho xứ sở Việt Nam – ông cha ta từ thời Thánh Gióng đã nhổ tre đằng ngà quật giặc Ân xâm lược, đồng bào miền Nam đã dùng gậy tầm vông chọi với đại bác – tượng trưng cho sự bất khuất của con người Việt Nam.

Ơi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

Trên cái nền đơn giản mà nghiêm trang đó, anh tả lăng Bác và những đoàn người nườm nượp đến viếng lăng với những hình ảnh cô đọng và giàu sức khái quát:

Ngày ngày Mặt Trời đi qua trên lăng

Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ

Mặt trời trên lăng là Mặt Trời của thiên nhiên, Mặt Trời trong lăng là trái tim của Bác, cách so sánh ở đây rất tự nhiên, nhuần nhuyễn, chỉ khác nhau một chữ *trên* và *trong*, cũng thấy được một đằng là cụ thể, một đằng là biểu tượng, nhưng ý nghĩa thì tương đồng: Bác là Vầng Mặt Trời soi sáng cho cách mạng và sưởi ấm trái tim mỗi con người chúng ta.

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng Bảy mươi chín mùa xuân

Ở đây tác giả dùng bút pháp song quan (hai cánh cửa): Hai chữ *ngày ngày* lặp lại hai lần cũng chỉ hai hiện trạng khác nhau: một thiên nhiên, một đời sống, nhưng ý nghĩa tương đồng: ngày ngày Mặt Trời đi qua trên lăng, và ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ, tình cảm đối với Bác cũng tự nhiên, gần gũi, như đất trời, như hơi thở, *dòng người* biến thành *tràng hoa* dâng Bảy mươi chín mùa xuân tuổi thọ Bác.

79 Mùa Xuân mang lại mùa xuân vĩnh viễn cho dân tộc. Con người là hoa của Đất. Hoa cũng tượng trưng Mùa Xuân của Đất trời, ý tứ ở đây bó kết lại với nhau như tràng hoa.

Thực tế thì như vậy nhưng tình cảm thì có điều không thể chấp nhận được Bác đã qua đời, dẫu sao có điều an ủi là:

Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng soi dịu hiền.

Cuộc đời Bác như mặt trời, giấc ngủ của Bác là vầng trăng tưởng chừng như trái ngược nhưng lại rất hài hoà: Giấc ngủ bình yên của một con người sau cả một đời đấu tranh cho dân tộc, cho nhân loại – lần đầu tiên được nghỉ ngơi – đẹp biết bao nhiêu. Ở đây lại diễn ra cái mâu thuẫn giữa lí trí và tình cảm giữa cái chung và cái riêng: Bác trở thành bất tử, hoà nhập vào với trời xanh, cái cao cả, vĩnh hằng, là điều đáng quý, đáng trọng, nhưng còn tình cảm riêng tư vẫn chưa khuây được nỗi nhớ thương, sự mất mát không gì bù đắp được, đây là điều đáng yêu, đáng mến của đời thường, của con người mang trái tim người:

Dẫu biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Cảm xúc thơ đã đi đến chỗ cao cả (sublime) trong cái giản dị, tiếp theo đó lại là cái giản dị như đoạn mở đầu, để kết thúc trọn vẹn bài thơ:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

Hoài Anh

Báo *Văn nghệ* số 35/1995

Đề 41

Cảm nghĩ của em về bài thơ "*Mùa xuân nho nhỏ*" của Thanh Hải.

BÀI LÀM

Thanh Hải là một nhà thơ được mọi người biết đến như một hiện tượng đặc biệt của thơ ca Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được nhiều âm thanh biến thái của cuộc đời, ngay cả những phút cận kề cái chết, Thanh Hải vẫn khát khao sống, làm việc, cống hiến cho cuộc đời. "*Mùa xuân nho nhỏ*" chứ không phải cái gì lớn lao ồn ã nhưng thật tinh túy, sâu ca, lắng đọng của Thanh Hải để lại cho đời trước lúc ra đi. Những vần thơ nhỏ nhẹ trầm bổng mà ý tứ lắng sâu lạ kì. Và không thể thiếu được ở làng thơ xuân nếu ta quên đi một "*Mùa xuân nho nhỏ*" của một nhà thơ tài hoa, mệnh bạc – Thanh Hải, thì quả là thiếu sót. Bài thơ ra đời vào những năm 80 của thế kỉ XX, được xem như một lời tâm niệm đáng trân trọng của nhà thơ để lại cho đời trước lúc đi xa.

Mở đầu bài thơ, Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hóa đất trời, sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áo của mùa xuân. Đất trời như rộng thêm ra, cao hơn được Thanh Hải phác họa bằng ba nét chấm phá. Một "dòng sông xanh", "bông hoa tím biếc", tiếng chim chiền chiện hót vang trời gợi ra một không gian cao rộng từ mặt đất đến bầu trời với những sắc màu tươi tắn, êm dịu, trong sáng, những âm thanh vang vọng, tha thiết. Những đường nét đó đã tạo thành một bức tranh mùa xuân đẹp, yên ả, thanh bình, rạo rực niềm vui và tràn trề sức sống.

Đối tượng được nhà thơ miêu tả sâu sắc là hình ảnh:

Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng

Đây là chi tiết tạo hình và sự chuyển đổi cảm giác tuyệt vời trong thơ ca. "Giọt long lanh" ấy chính là những giọt xuân, mùa xuân đẹp, kì diệu với những sắc màu long lanh. Tác giả đã đưa tay hứng cả mùa xuân đất trời rất đỗi nâng niu, trìu mến, trân trọng và có cảm giác từng giọt xuân lung linh, ấm áp, mát dịu đang thấm vào da thịt, vào lòng người. Tất cả đang được tắm gội trong hương sắc mùa xuân say sưa, ngây ngất, ngọt ngào.

Và cảm hứng nhà thơ chuyển dần từ mùa xuân cảnh sắc thiên nhiên đất trời tươi đẹp sang mùa xuân đất nước:

"Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như gối hả
Tất cả như xôn xao".

Từ mùa xuân đã được chuyển nghĩa theo cách hiểu thứ hai với hai nhiệm vụ sản xuất, chiến đấu, xây dựng và bảo vệ trong tư thế đi lên của đất nước.

Điệp từ "lộc" láy lại đầu câu có nhiều nghĩa khác nhau: "lộc" là chồi non, sức sống, mùa xuân; lộc là do con người mang đến cho mùa xuân đất nước trong chiến đấu, sản xuất. Con người đi đến đâu mang mùa xuân đến đó, mang chồi non, lộc biếc cho cuộc sống sinh sôi nảy nở.

Âm hưởng của câu thơ, nhịp thơ hối hả, khẩn trương kết hợp tả thực, tượng trưng liên tưởng từ quá khứ đến hiện tại, tương lai đất nước:

Đất nước bốn nghìn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.

Động từ "cứ" như một mệnh đề thẳng tiến khẳng định bước đi vững chãi, tự tin của dân tộc sau mỗi mùa xuân nhìn lại mình để tiếp tục vững bước đi lên.

Từ mùa xuân chung của đất nước và cách mạng, Thanh Hải ước nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ đóng góp vào cuộc đời chung.

Nếu nhịp điệu thơ ở những khổ thơ trên vừa hối hả, vừa khẩn trương, vừa tả thực, vừa tượng trưng hàm chứa nhiều ý nghĩa về mùa xuân của đất nước lớn lao, tự hào, thì mùa xuân ở khổ thơ:

"Ta làm con chim hót
Ta làm một nhành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

lại cất lên một cách nhỏ nhẹ, khiêm tốn nhưng thật tha thiết, cảm động, sâu lắng.

"Ta làm" là điệp ngữ vang lên ở đầu các câu thơ như một sự khẳng định những ước nguyện chính đáng, cao đẹp, thể hiện tâm hồn khát khao được làm việc, được cống hiến nhiều nhất cho cuộc đời.

Hình ảnh đối ứng lặp lại ở đầu bài thơ: "con chim", "cành hoa", "nốt trầm" là thể hiện mong ước cụ thể của nhà thơ được đóng góp cái gì đó dù nhỏ bé nhưng có ích cho đời. Là con chim hãy mang lại những âm thanh vang vọng, những tiếng hót vui say lòng người. Là cành hoa hãy tỏa ngát hương thơm. Là nốt nhạc, nốt trầm trong bản nhạc nhưng không thể thiếu trong giàn hợp xướng, trong bản hòa ca của tất cả mọi người.

Cũng trong khổ thơ này, Thanh Hải đã chuyển những cái bé nhỏ, riêng tư thành cái "ta" lớn lao hòa chung với mọi người bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, chân thành, không khuôn thước, ồn ào mà ngược lại đằm thắm, lắng đọng, sâu xa, tác động mạnh mẽ vào con tim, khối óc người đọc.

Khổ thơ tiếp theo là tiếng lòng cao cả của nhà thơ, của những con người biết hướng tới một mùa xuân đẹp, sống có lí tưởng, mục đích, ước mơ:

"Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc"

Tác giả nhắc lại đề bài thơ như một lời nhắn nhủ, tâm tình, gợi ra một lẽ sống cống hiến cho đời nhưng lặng lẽ, khiêm tốn, sống đẹp, sống có ích, đóng góp mùa xuân chung không kể gì tuổi tác, không kể gì thời gian.

Khổ thơ ánh lên và tỏa sáng vẻ đẹp tâm hồn, luôn luôn khát khao vươn tới một cuộc sống tốt đẹp như một mùa xuân vang vọng đất trời để góp phần làm đẹp cho mùa xuân chung của đất nước. Tố Hữu viết:

Nếu là con chim, chiếc lá
Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.

Thơ xưa và nay thường gắn nhiều với mùa xuân nhưng mùa xuân của Thanh Hải nho nhỏ mà không nhỏ chút nào. Nó nói được nhiều ý nghĩa hơn cả bởi đó là lời tâm niệm chân thành, sâu lắng nhất của một tâm hồn trước lúc đi xa, giã từ cuộc sống ngàn lần đáng yêu về với cõi vĩnh hằng hư vô.

Có phải chăng khi con người gần cái chết là lúc con người khát khao muốn sống hơn bao giờ hết. Nhưng chúng ta còn khâm phục hơn ở Thanh Hải đó là một tấm lòng rộng mở, thanh thản, cao đẹp, sống có ý nghĩa đến những phút chót trong cuộc đời. Đúng như mong ước của nhà

thơ "*Mùa xuân nho nhỏ*" được phổ nhạc. Bài thơ lại một lần nữa được chắp thêm cánh bay góp vào bản hòa ca hợp xướng một nốt trầm làm xao xuyến lòng người.

Phạm Minh Thúy
Lớp 9B (2004 – 2005)
Trường THCS Minh Khai – TP Thanh Hóa

Bài tham khảo

Lặng lẽ dâng đời một "mùa xuân nho nhỏ"

Nếu biết được rằng *Mùa xuân nho nhỏ* ra đời lúc nhà thơ Thanh Hải đang giành giật với tử thần từng phút sống (*... Em nâng cho anh nằm /Giữa những cơn khóc thầm / Em quạt cho anh ngủ)* [1], ta sẽ càng xúc động, cảm phục trước tình yêu cuộc sống, khát vọng hòa nhập và dâng hiến hồn nhiên, trong sáng đến lạ lùng của tác giả. Được viết vào tháng 11–1980, một tháng trước lúc nhà thơ trút hơi thở cuối cùng, bài thơ được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc và từ đó đã đồng hành cùng bao nhiêu mùa xuân.

Bài thơ mở đầu bằng bức tranh thiên nhiên mùa xuân mang sắc màu và âm thanh quen thuộc của đồng quê. Bình dị, tươi trong, chứa đựng sự sống và niềm vui. *Cảnh* và *tình* hòa quyện. Đó là màu tím biếc của bông hoa dân dã soi bóng, hài hòa trên mặt nước sông xanh thẫm đẫm bóng trời xanh, là tiếng hót cao vang của con chim chiền chiện vút lên từ bãi sông, ruộng lúa làm xao động khoảng trời. Còn thi nhân yêu đời thì lắng nghe, phát hiện và thụ cảm cùng với bao trìu mến, nâng niu:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời

Trong khát vọng nắm bắt trọn vẹn hương vị cuộc đời của một người ý thức được kiếp người hữu hạn, cảm nhận thính giác đã chuyển hóa thành thị giác, cái vô hình trở thành cái hữu hình: *Từng giọt long lanh rơi / Tôi đưa tay tôi hứng*. Tiếng chim chiền chiện thả vào không gian trong suốt của mùa xuân được cảm nhận thành từng giọt mang màu sắc long lanh. Câu thơ gợi nhớ đến lời thơ Tố Hữu: *Tôi lắng nghe tiếng đời*

---

[1] Những câu thơ trong bài thơ cuối cùng của Thanh Hải.

lăn náo nức / Ở ngoài kia vui sướng biết bao nhiêu. Cùng một niềm tha thiết yêu đời, chỉ khác nhau cảnh ngộ.

Sáu dòng thơ đầu không có một chữ *xuân* nào mà ta vẫn thấy tràn ngập không khí mùa xuân qua những hình ảnh và âm thanh đặc trưng, tiêu biểu. Giữa các dòng thơ hầu như không có hiệp vần (trừ hai tiếng *rơi* và *trời*) mà nhạc tính vẫn tràn đầy do hiệu quả hài thanh trong các tiếng – một trong những đặc điểm của thơ ca đương đại. Để ý thêm, ta sẽ thấy sự đăng đối ngầm giữa từng đôi câu thơ một trong sáu dòng thơ: hài hòa giữa diện và điểm, phông nền và nét nhấn của từng bức tranh xuân. Tất cả tạo cho bài thơ lực hấp dẫn ngay từ những khúc dạo đầu.

Cảm hứng trữ tình công dân thấm sâu trong tâm hồn lớp nhà thơ xuất hiện sau Cách mạng tháng Tám, trưởng thành qua hai cuộc kháng chiến đã dẫn dắt thi tứ mở hướng về phía mùa xuân đất nước. Hình ảnh đất nước vào xuân với nhịp điệu rộn ràng, xôn xao, hối hả không tìm ở đâu xa mà ở ngay trong hình ảnh người lính hành quân bảo vệ bờ cõi và người nông dân lao động trên đồng, tiêu biểu cho một dân tộc ngàn năm tay cày tay súng. Sự đối xứng của hai hình ảnh đi liền với hai chữ *mùa xuân* trùng điệp tự nó tạo nên giai điệu rộn ràng, một không khí khẩn trương sôi nổi, chẳng cần tác giả phải chua thêm: *Tất cả như hối hả / Tất cả như xôn xao.* Nhạc sĩ Trần Hoàn rất tinh ý khi cắt bỏ hai dòng thơ này không đưa vào bản nhạc.

Đất nước như vì sao / Cứ vượt lên phía trước là một so sánh độc đáo, mới lạ, nảy sinh trong hoàn cảnh cụ thể nhưng mang giá trị khái quát cao. Tỏa sáng vĩnh hằng, đất nước trong quá khứ và hiện tại cứ bền bỉ vượt lên qua bao gian nan vất vả, bất chấp mọi kẻ thù, như một thiên thể giữa bầu trời nhân loại. Đặt vào bối cảnh đất nước những năm 1975 – 1980 với những ngặt nghèo, lạc hậu và bảo vệ chủ quyền dân tộc, hình ảnh so sánh trên thật có ý nghĩa. Có nét gần gũi với Nguyễn Đình Thi trong cảm hứng về đất nước: *Anh yêu em như anh yêu đất nước / Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần* nhưng một bên thì da diết xót xa, một bên lại vững vàng rắn rỏi.

Rung cảm thiết tha trước mùa xuân đất nước, nhà thơ bộc bạch một ước nguyện chân thành:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến

Cái *tôi* đã chuyển hóa thành cái *ta*, điệp lại nhiều lần như liệt kê, nhấn mạnh thể hiện sự hòa điệu với mọi người trong ước vọng chung là góp sức xuân của từng cá nhân cho mùa xuân đất nước. Nhà thơ muốn hóa thân vào tiếng chim hót báo hiệu và thức tỉnh, một cành hoa tô điểm cho núi sông, một nốt nhạc trầm xao xuyến trong khúc ca phấn chấn tự hào động viên, khích lệ.

Bài thơ có sự ứng chiếu trong kết cấu: Bông hoa tím soi bóng dòng sông, con chim chiền chiện với tiếng hót long lanh ở đầu bài thơ, những hình ảnh dung dị của mùa xuân, đến đây được láy lại trở thành ẩn dụ cho *mùa xuân nho nhỏ*. Ta bỗng thấm thía nhan đề của bài thơ. Ví mỗi cuộc đời như một mùa xuân thể hiện niềm tự tin, tự hào của con người trong tư thế tự do và làm chủ. Trước Thanh Hải đã từng có *Mùa xuân xanh, Mùa xuân chín, Một nhành xuân*[2]... còn *Mùa xuân nho nhỏ* thân thương đến lúc này ta mới gặp lần đầu.

Từ cảm hứng trữ tình công dân dạt dào sôi nổi, nhà thơ trở về với chức phận nghệ sĩ của mình qua đoạn thơ kết:

Mùa xuân – ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.

Cái chung lại trở về với cái riêng trong tiếng hát ca của người nghệ sĩ nhiệt thành ca ngợi vẻ đẹp của nước non ngàn dặm nối liền một dải bằng giọng ca lặng thầm da diết của điệu hò, điệu lí đất chôn rau. Bài thơ khép lại bằng một triện đỏ in dấu hồn thơ của người con xứ Huế.

Bài thơ lay động tâm hồn chúng ta bởi chất họa gợi cảm, chất nhạc xao xuyến và ước nguyện chân thành, cảm động. Cái ước nguyện lặng lẽ dâng cho đời một mùa xuân nho nhỏ đã tìm được những tiếng lòng đồng vọng. Bài thơ chính là một "mùa xuân nho nhỏ" Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa.

ThS. Nguyễn Nguyên Tản

(*Văn học* và *Tuổi trẻ*, số 1/2009)

---

[2] Tên các bài thơ của Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử, Tố Hữu.

Đề 42

Em có suy nghĩ gì về tâm trạng của con hổ trong vườn bách thú qua bài thơ *"Nhớ rừng"* của Thế Lữ.

BÀI LÀM

"Không có gì quý hơn độc lập tự do" Bác Hồ đã từng nói vậy. Và điều đó được thể hiện rất rõ qua các tác phẩm văn học giai đoạn 1930 – 1945, đặc biệt là qua tâm trạng của một giới trí thức trẻ có tâm huyết nhưng chưa gặp con đường cứu nước, mà đang buồn bực trong thân phận nô lệ. Thế Lữ, nhà thơ thuộc lớp đầu đàn của các nhà "Thơ mới" đã thể hiện rất thành công tâm trạng đó bằng tiếng nói ẩn dụ sâu xa qua hình tượng con hổ bị giam trong cũi sắt ở vườn bách thú: Nhớ rừng.

Bài thơ được mở đầu với đoạn:

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt
Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua
Khinh lũ người kia ngạo mạn ngẩn ngơ
Giương mắt bé giễu oai linh rừng thẳm

Nay sa cơ bị nhục nhằn tù hãm
Để làm trò lạ mắt thứ đồ chơi
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi
Với cặp báo chuồng bên vô tư lự.

Tôi sẽ lầm tưởng rằng chúa sơn lâm đã bị khuất phục, đã trở nên hiền lành, không còn lồng lộn dữ tợn nữa, nếu chỉ thoáng qua bề ngoài của con hổ:

Ta nằm dài trông ngày tháng dần qua

Nào ai biết nó đang *"gậm một khối căm hờn trong cũi sắt"*, "gậm" không phải là nhai ngấu nghiến mà là nghiến từ từ cho đến lúc nát ra. Bằng cách đó con hổ muốn phá tan tất cả mọi thứ vì nỗi căm tức trong nó đang đến cao độ. Nó căm tức vì bị giam cầm thì ít mà bị xếp ngang bằng với "bọn gấu dở hơi", "cặp báo vô tư lự" thì nhiều. Tâm trạng nó lúc này còn là cảm thấy vô cùng nhục nhã với hoàn cảnh nó đang phải chịu đựng. Nhục nhã vì nó đường hoàng là một chúa sơn lâm vậy mà lại bị tù hãm để "*làm trò lạ mắt thứ đồ chơi* "cho "*lũ người ngạo mạn, ngẩn ngơ*" mà nó hết sức khinh ghét. Với biện pháp nhân hoá, Thế Lữ đã làm rõ tâm trạng của con hổ khi ở trong tù, nổi bật là sự hờn căm uất hận và nỗi nhục nhã mà nó đang phải chịu đựng.

Từ ngục tù cũi sắt, con hổ đang thả hồn theo nỗi nhớ quê hương, nhớ núi rừng xa vời vợi:

Cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già
Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét gió
Với khi thét khúc trường ca dữ dội

Cảnh rừng hiện ra với vẻ bí hiểm, hùng vĩ cổ kính và có cái gì đó rất dữ dội khiến người ta phải ghê sợ. Chỉ bằng một câu, cùng biện pháp so sánh tác giả đã cho ta thấy vẻ đường hoàng dõng dạc, oai vệ của hổ:

Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng

Cái lượn đó chỉ có được ở chúa sơn lâm, cái lượn vừa mềm mại vừa nhanh lại vừa khó, ít thấy loài nào có thể làm được. Chắc hẳn rằng con hổ đang rất kiêu hãnh khi *"bước chân lên dõng dạc đường hoàng"* khi *"lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng"*, bởi nó biết nó là chúa tể của muôn loài, giữa chốn *"thảo hoa không tên, không tuổi"*.

Nói về nỗi nhớ rừng của con hổ nếu dừng ở đây cũng được, nhưng với trí tưởng tượng phong phú và con mắt nhìn của một hoạ sĩ tài ba, tác giả còn vẽ nên bức tranh bằng thơ giàu hình ảnh và tràn đầy màu sắc:

Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn
Ta lặng ngắm giang sơn ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt
Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

Chúa sơn lâm đang chế ngự thiên nhiên với tâm trạng tự hào, kiêu hãnh, nó chinh phục thiên nhiên, nhưng không phá phách, làm hư hại thiên nhiên. Bởi "những đêm vàng bên bờ suối" mang một vẻ huyền ảo, bởi *"những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn"* làm cho núi rừng như được thay áo mới, bởi cảnh thiên nhiên rất sống động vào buổi bình minh nhờ tiếng chim ca. Và có thể nói rằng hình ảnh *"những chiều lênh láng máu sau rừng"* và *"Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt"* là đẹp nhất, dữ dội nhất và tự hào nhất của chúa sơn lâm. Mặt trời là sự sống của muôn loài mà con hổ cũng coi khinh. Đó là thời điểm huy hoàng nhất, rực rỡ nhất, sự chiến thắng huy hoàng của chúa sơn lâm. Điệp ngữ *"đâu"* càng nhấn mạnh, xoáy sâu vào nỗi nhớ rừng của con hổ.

Những chiến công của con hổ chợt hiện lên trong tâm trạng đầy thất vọng và nuối tiếc. Nó thốt lên: *"Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?"*. Cả câu phần lớn sử dụng thanh bằng làm cho âm hưởng câu thơ từ không khí hào hùng của những chiến thắng huy hoàng bỗng trở nên buồn hơn. Con hổ nhớ về quá khứ vàng son của mình với tâm trạng tự hào kiêu hãnh thì nó lại nhìn vào hiện thực với một sự uất hận căm tức. Nó căm ghét:

Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối

Với: *"hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng"*

Tất cả mọi thứ đều do bàn tay con người. Đó là sự giả tạo, bắt chước vẻ đẹp của tự nhiên một cách vụng về. Đó không phải là cảnh rừng chân thật, tự nhiên và cao cả. Qua đó ta hiểu được tâm trạng của con hổ lúc này là khao khát một cái gì đó chân thật, tự nhiên, cao cả.

Khinh bạc, căm tức với hiện tại, nó lại khao khát trở về với *"núi non hùng vĩ"*, *"nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa"* trở về với cuộc sống tự do. Nhưng sự thật nó đang bị giam cầm trong cũi sắt, chúa sơn lâm đang thả hồn mình theo *"giấc mộng ngàn"* để được sống lại những giờ phút huy hoàng thuở xưa, cố xua đi những ngày ảm đạm *"ngao ngán"* của mình.

Con hổ nhớ rừng, nhớ một thời oanh liệt đã qua chính vì nó đang chán ngán trước cuộc sống tù hãm mất tự do. Tâm trạng con hổ, vì khát vọng tự do, cũng chính là của nhà thơ, của cả một xã hội, một thời đại bấy giờ, đang bực tức, đang chán ngán cuộc sống thực tại mất tự do. Đó chính là điều làm nên sức sống mãnh liệt của hình tượng con hổ, của bài thơ.

Trần Hoài Dương, lớp 8A khoá 1994 – 1995

Trường THCS Trần Phú

Đề 43

Cảm nghĩ của em về bài thơ *"Đoàn thuyền đánh cá"* của Huy Cận.

BÀI LÀM

Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" của Huy Cận được viết trong lần đi thực tế của tác giả ở vùng mỏ Quảng Ninh, hoà mình vào không khí sôi nổi của công cuộc xây dựng đất nước sau chiến tranh. Huy Cận say sưa ca ngợi cuộc sống con người mới, ông viết khá nhiều trong đó có tác phẩm này. Đây là tác phẩm gây ấn tượng cho người đọc bởi tác giả đã thành công trong việc miêu tả cảnh đẹp thiên nhiên, cuộc sống và vẻ đẹp con người mới.

Tác phẩm "Đoàn thuyền đánh cá" của tác giả Huy Cận đã thành công trong việc miêu tả và biểu cảm. Bài thơ đã thể hiện sự khác lạ, đáng chú ý hơn cả đó là không gian ra khơi khác với lệ thường, không gian được mở rộng, mọi vật thể trong vũ trụ vận động theo sự tuần hoàn. Việc tác giả làm như vậy để thể hiện nội dung chính của bài thơ, nói lên cuộc sống lao động nơi đây thật sôi nổi, khẩn trương. Tác giả viết theo trình tự ra khơi.

Vùng biển Quảng Ninh hiện ra trước mắt người đọc hết sức hùng vĩ qua ngòi bút của Huy Cận:

"Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi."

Cảnh tượng đoàn thuyền ra khơi thật là đẹp, màu sắc ấm áp, âm thanh rộn ràng. Cảnh buổi chiều trên vùng biển được miêu tả qua cái nhìn của dân chài. Đó là hình ảnh "Mặt trời xuống biển như hòn lửa" tạo ra vẻ đẹp lộng lẫy và huyền ảo. Nhưng điều làm cho bài thơ của Huy Cận đáng chú ý đó là cách nói hết sức độc đáo, mới lạ. Tả mặt biển khi màn đêm xuống "Sóng đã cài then, đêm sập cửa". Tác giả đã dùng biện pháp nhân hoá để người đọc cảm nhận được biển trở thành ngôi nhà khổng lồ vừa có cửa đóng, then cài thì cũng là lúc "Đoàn thuyền đánh cá ra khơi". Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi vừa lạc quan, vui tươi, yêu đời như trở về ngôi nhà ấm áp, an toàn:

"Câu hát căng buồm cùng gió khơi"

Câu hát trở thành ngọn gió thổi căng buồm đưa con thuyền ra khơi băng băng rẽ sóng.

Nếu như ở trên tác giả Huy Cận với việc sử dụng cách nói độc đáo, miêu tả con thuyền ra khơi ta còn nhìn thấy được vẻ đẹp của biển khi màn đêm buông xuống thì ở khổ thơ tiếp theo tác giả miêu tả cảnh biển hết sức thơ mộng:

"Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng"

Với ngòi bút tinh xảo, bút pháp lãng mạn, tác giả vẽ lên bức tranh biển lãng mạn: lái gió, buồm trăng, mây cao, biển bằng diễn tả vẻ đẹp của thiên nhiên. Với bút pháp miêu tả lãng mạn của tác giả, người đọc như cảm nhận thấy con thuyền như đang trôi, lạc vào xứ sở thần tiên. Trời cao, ánh trăng vàng biển như khoác bộ áo vàng, thuyền lướt nhẹ trên mặt nước lặng cảm nhận sự yên bình, thơ mộng của chốn đây. Sau khi miêu tả cảnh đẹp biển vào ban đêm, tác giả Huy Cận đã vẽ thêm cho bài thơ cảnh đẹp của bình minh:

"Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi"

Tác giả Huy Cận đã dùng bút pháp miêu tả để vẽ lên bức tranh cảnh bình minh thật huy hoàng. Tác giả thành công trong việc miêu tả đó là việc sử dụng bút pháp tả vẽ lên ba bức tranh biển mang vẻ đẹp khác nhau. Bức tranh cảnh bình minh tác giả đã miêu tả cảnh mặt trời lên và biển. Khi mặt trời lên, biển đã xoá đi bộ áo vàng của trăng cao thay vào đó là một màu áo đỏ rực. Biển đẹp nhưng với ngòi bút của tác giả còn đẹp hơn. Biển trong cảnh bình minh như nàng tiên cá với vẻ đẹp rực rỡ đang nô đùa vui chơi trên biển.

Huy Cận không những nói về vẻ đẹp thiên nhiên mà còn thể hiện cuộc sống lao động mới:

"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng"

Tác giả dùng bút pháp hiện thực và lãng mạn đã thể hiện không khí làm việc sôi nổi, khẩn trương. Công việc hết sức nặng nhọc. Họ phải làm thâu đêm. Họ kéo "xoăn tay" có nghĩa phải dùng hết sức, tay căng phồng cuộn cuộn với nhau.

Ở hai câu thơ sau:

"Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông
Lưới xếp, buồm lên đón nắng hồng"

Quả thực, tác giả Huy Cận đã phải đi và quan sát rất kĩ mới có thể tả như vậy. Hai câu thơ trên miêu tả cảnh lưới đã được kéo lên, khoang thuyền đầy ắp cá. Vảy bạc, đuôi vàng chen nhau như "loé sáng" cả "rạng đông". Cảnh tượng thật đẹp. Đây chính là thành quả lao động mà những người ngư dân thu được sau một đêm đánh cá vất vả, nặng nhọc. Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về:

"Câu hát căng buồm cùng gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm khơi"

Tác giả đã thấy rõ khi trở về người dân vẫn nguyên vẹn tình yêu cuộc sống. Họ vẫn tiếp tục lao động khẩn trương, chạy đua với thời gian:

"Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời"

Khi ra đi "Câu hát căng buồm cùng gió khơi", khi làm việc "hát bài ca gọi cá vào", bây giờ khi trở về họ cũng hát. Tâm hồn họ tràn đầy niềm vui. Họ yêu mến cuộc sống mới, họ được làm chủ cuộc sống, muốn cố gắng lao động xây dựng cuộc sống mới.

Tác giả còn vẽ lên con người trong cuộc sống mới. Tâm hồn những người đánh cá bay bổng cùng với niềm vui phơi phới:

"Ta hát bài ca gọi cá vào
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao".

"Trăng cao" cùng với ta, cùng kề vai sát cánh với "ta". Để thấy được con người trong cuộc sống mới họ hoà nhập cùng với thiên nhiên trong cảnh lao động. Con người trong cuộc sống mới họ là những người khoẻ mạnh khoáng đạt, hết mình vì cuộc sống.

"Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng"

Họ đã thực sự đầy đủ tự tin để làm chủ cuộc sống của mình. Thuyền và con người trở nên kì vĩ, to lớn. Thể hiện cách nhìn cuộc sống mới đầy tự tin, say sưa, hào hứng cùng những ước mơ bay bổng, hoà hợp chinh phục thiên nhiên của tác giả.

Tác phẩm "Đoàn thuyền đánh cá" của tác giả Huy Cận mang âm hưởng của bài thơ lao động khoẻ khoắn, bay bổng. Lời thơ dõng dạc, say mê. Cách gieo vần linh hoạt biến hoá luật bằng trắc. Kết hợp giữa hiện thực và lãng mạn. Tất cả những điều đó thể hiện được ý chí và nguyện vọng của tác giả. Đặc biệt đã thể hiện tài thơ độc đáo của Huy Cận. Độc đáo trong cách miêu tả, trong cách dùng từ đã tạo nên sự hấp dẫn của

bài thơ. Tất cả những nghệ thuật đã dẫn dắt, thông suốt làm cho bố cục bài thơ mạch lạc, rõ ý.

"Đoàn thuyền đánh cá" của tác giả Huy Cận là một bài thơ ca ngợi cuộc sống mới, con người mới. Bài thơ tràn ngập niềm vui phơi phới. Đây là bài ca của người lao động. Nói lên họ là những người cần cù, chịu khó nhưng tâm hồn hết sức lãng mạn, làm chủ cuộc sống, biển cả bao la với phong thái ung dung, đĩnh đạc. Bài thơ dưới bút pháp miêu tả còn ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ của đất nước. Thể hiện chất thơ của Huy Cận rất độc đáo trong miêu tả và cách dùng từ.

Nguyễn Tuấn Anh

Lớp 9G Trường THCS Nghĩa Tân – Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 44

Nêu cảm nghĩ của em về tình mẫu tử thiêng liêng trong bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên.

BÀI LÀM

Trong chương trình Ngữ văn 9 tập hai, chúng ta đã được học bài "Con cò" của Chế Lan Viên. Trong suốt bài thơ là tình cảm yêu thương con của người mẹ. Thông qua hình ảnh con cò để nói lên những mong ước của mẹ dành cho con những tình cảm gắn bó sâu nặng của mẹ với con, và thiêng liêng hơn là tình cảm gắn bó giữa hai mẹ con.

Hình ảnh bao trùm suốt bài thơ là hình tượng con cò trong những câu ca dao xưa. Nói đến con cò là nói đến nhiều ý nghĩa khác nhau, thể hiện người nông dân, người phụ nữ vất vả, nhọc nhằn nhưng giàu đức tính tốt đẹp và niềm vui của người mẹ với con. Bài thơ được viết theo thể thơ tự do câu dài, câu ngắn không đều. Câu có lúc biến đổi nhưng có lúc lại điệp lại, có lúc lặp lại cấu trúc. Chính điều này đã làm cho nhịp điệu bài thơ gần với lời hát ru, đến với người đọc một cách dễ dàng hơn.

Đối với mỗi người mẹ, họ đều có những mong ước riêng cho con mình. Và ở trong bài thơ này, người mẹ chỉ đơn thuần mong con mình có được một cuộc sống bình yên, êm ả.

"Có một mình cò phải kiếm lấy ăn

Con có mẹ con chơi rồi lại ngủ".

Tác giả đã mượn hình ảnh con cò để thể hiện mong ước về một cuộc sống thanh bình, một cuộc sống quen thuộc rất gần gũi với mỗi đứa trẻ. Đồng thời cũng muốn nói lên dù mẹ có phải nhọc nhằn, vất vả lặn lội để kiếm ăn thì mẹ vẫn luôn mong con có một cuộc sống tốt đẹp nhất. Tất cả chúng ta có thể thấy được sự mong mỏi của người mẹ với đứa con của mình, còn đứa con thì sao?

"Ngủ yên! Ngủ yên! Cò ơi, chớ sợ!

Cành có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng!"

Nó luôn được an toàn, nó luôn được nhận từ người mẹ sự che chở ngọt ngào, tất cả những gì tốt đẹp nhất.

"Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân

Con chưa biết con cò, con vạc

Con chưa biết những cành mềm mẹ hát

Sữa mẹ nhiều con ngủ chẳng phân vân."

Đúng vậy, qua đây chúng ta có thể thấy lời ru đến với con hoàn toàn vô thức, nhưng lại có giá trị rất lớn với nó. Đó là khởi đầu cho con đi vào một thế giới tâm hồn. Nhưng con vẫn cảm nhận được tình yêu của mẹ qua âm hưởng ngọt ngào của lời ru, con vẫn đón nhận được tình yêu, sự vỗ về của mẹ – điều mà không một đứa trẻ nào có thể thiếu.

Mỗi đứa trẻ đều cần tình yêu thương của người mẹ, không chỉ khi bé thơ mà tình cảm đó còn theo chúng suốt cuộc đời cho đến khi trưởng thành. Khi con lớn, con tới trường, mẹ lại luôn dõi theo từng bước con đi:

"Mai khôn lớn con theo cò đi học

Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân".

Hình ảnh con cò lại xuất hiện, cò luôn gắn bó với tuổi thơ của con, nó cũng chính là biểu tượng của người mẹ thân thương, là tình yêu của mẹ dành cho con. Có thể thấy rằng dù cho con có trưởng thành thì người mẹ vẫn luôn gần gũi với con, lúc này người mẹ đã trở thành người đồng hành với con trên bước đường đời trước mắt con. Ở đây hình ảnh con cò đã thể hiện tình mẫu tử, một tình cảm thiêng liêng mà người mẹ dành cho đứa con yêu quí. Và đến một ngày khi đứa con trở thành một người lớn, không còn là một đứa trẻ như trước kia thì:

"Con làm thi sĩ!

Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ".

Hình ảnh, tình yêu thương của người mẹ vẫn theo con trên bước đường sự nghiệp, luôn giúp đỡ con. Lúc này người mẹ không chỉ đơn thuần là người đồng hành với con nữa mà là một người bạn tri ân, tri kỷ. Một lần nữa hình ảnh cò trắng được sử dụng ở đây để nói lên tình yêu thương gắn bó của người mẹ dành cho con, và quan trọng hơn là hình ảnh cánh cò trong câu ca dao vẫn tiếp tục sống trong tâm thức của con.

Tình cảm gắn bó giữa hai mẹ con như một triết lý sâu sắc trong cuộc đời. Nó khẳng định tấm lòng của người mẹ với con là không hề thay đổi. Dù ở gần con hay phải xa cách đôi nơi, dù con có ở đâu chăng nữa thì mẹ vẫn dõi theo con, mẹ vẫn yêu con.

"Con dù lớn vẫn là con của mẹ

Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con."

Câu thơ nói lên tình cảm mẹ dành cho con là một tình cảm sâu sắc rộng lớn không thể thay đổi. Ở những câu thơ cuối.

"Một con cò thôi

Con cò mẹ hát

Cũng là cuộc đời

Vỗ cánh qua nôi."

Con cò mẹ hát cũng chính là cuộc đời, nâng cánh tương lai cho con qua những câu hát của mẹ. Lần cuối cùng tác giả sử dụng hình ảnh con cò để nói lên một sự suy ngẫm sâu sắc, một triết lý gần gũi với đời sống của con người.

Bài thơ "Con cò" của Chế Lan Viên đã ngợi ca tình mẹ và ý nghĩa của lời ru đối với đời sống mỗi con người.

Trần Thu Trang

Lớp 9D Trường THCS Nghĩa Tân

Quận Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 45

Trong truyện "Lục Vân Tiên", Nguyễn Đình Chiểu viết:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Em hãy bình luận câu thơ trên.

BÀI LÀM

Hơn một trăm năm nay, có biết bao nhiêu người ưa thích tác phẩm "Lục Vân Tiên", vì trong đó, có những nhân vật đã sống và hành động theo một phương châm cao quý được tác giả bộc lộ qua câu thơ sau đây:

Nhớ câu kiến ngãi bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.

Trước hết, ta thử tìm hiểu ý nghĩa câu thơ ấy. Đại ý câu chỉ là: thấy việc nghĩa mà không làm thì không phải là anh hùng.

Câu thơ thể hiện một lẽ sống cao thượng. Cao thượng bởi vì nó yêu cầu làm việc nghĩa một cách vô điều kiện: làm việc nghĩa trong bất cứ hoàn cảnh nào, trước bất kỳ khó khăn nào, không sợ thiệt thòi đến bản thân, không sợ nguy hại đến tính mạng, không mong được ca tụng, không đợi được đền bù. Cao thượng bởi vì nó có ích cho đời. Nó cứu giúp người yếu đuối khi bị bức hại, nó giúp người nghèo khổ khi gặp khó khăn, nó dám chống lại quyền uy của kẻ giàu sang, bạo lực của kẻ côn đồ, để bảo vệ công lý và lương tâm. Đó là quan điểm đề cao tinh thần xả thân vì nghĩa lớn.

Rõ ràng những người sống có lí tưởng trong tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu là cao quý. Lục Vân Tiên chỉ cần nghe tiếng kêu cứu của người bị nạn thì đã xông vào giữa bọn cướp để cứu cho người khỏi nạn. Lục Vân Tiên chỉ cần một cành cây bên đường làm vũ khí để "tả đột hữu xông" trước bọn cướp vừa đông đúc, vừa tàn bạo. Hoàn thành nhiệm vụ, chàng không những từ chối hành động trả ơn, còn từ chối cả thái độ biết ơn. Với chàng, sống trên đời, gặp việc như thế, ai cũng phải hành động tùy sức mình. Những bạn chàng, như Hớn Minh, Vương Tử Trực và cả Kiều Nguyệt Nga nữa, trong những hoàn cảnh khác, cũng đều hành động với tinh thần cao cả ấy.

Trong lịch sử nước nhà, đã có không ít những tấm gương thấy việc

nghĩa thì làm như thế. Chỉ riêng trong thời đại Nguyễn Đình Chiểu, trước cuộc xâm lăng của bọn thực dân Pháp, có biết bao sĩ phu đã đứng lên, cùng nhân dân đánh giặc theo tinh thần ấy. Nhiều khi họ biết thất bại là điều khó tránh nhưng vẫn làm. Vì sao vậy? Vì cứu cho đất nước khỏi bị xâm lăng, quê hương khỏi bị giày xéo, nhân dân khỏi bị giết hại, đó là việc nghĩa, là bổn phận của mọi công dân. Tinh thần vì nghĩa ấy mạnh mẽ đến nỗi, như người anh hùng Nguyễn Trung Trực đã nói: "Bao giờ Tháp Mười hết cỏ thì nước Nam mới hết người đánh Tây".

Lối sống "vì việc nghĩa", "sẵn sàng làm việc nghĩa" ấy vẫn là một lối sống đáng ca ngợi trong thời đại chúng ta. Nếu có điều cần làm rõ và nhấn mạnh trong lối sống ấy thì đó là: cần xác định thế nào là việc nghĩa. Việc nghĩa là phù hợp với chính nghĩa của thời đại, việc có ích cho nước, có lợi cho dân. Bởi thế, Lê Văn Tám tự đốt mình làm ngọn đuốc để đốt cháy kho xăng giặc, Bế Văn Đàn lấy thân làm giá súng để bắn giặc, Phan Đình Giót đem thân mình lấp lỗ châu mai của giặc cho đồng đội tiến lên, Nguyễn Văn Trỗi trước pháp trường vẫn ngợi ca cuộc chiến đấu chính nghĩa của Tổ quốc...

Hôm nay trong cuộc sống bình thường, có những thanh niên bình thường, một anh xích lô, một anh dân phòng, dám một mình đánh cướp để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân. Có những người, không sợ thù oán, dám dũng cảm tố cáo tội ác của bọn lưu manh hay những kẻ lộng quyền. Họ chính là những Lục Vân Tiên thời nay...

Sống cao thượng, sống anh hùng bao giờ cũng là lối sống hấp dẫn thế hệ trẻ chúng ta. Nhưng không phải chờ đến việc anh hùng mới có thể sống theo lối sống anh hùng. Không phải đợi đến việc lớn mới làm việc nghĩa. Có những việc nghĩa rất bình thường. Phải biết làm và tập làm việc nghĩa từ những việc nhỏ như thế. Dắt một em bé, một người già, một người tàn tật qua đường, tham gia dạy một lớp học tình thương, chia sẻ với các em bé mồ côi món tiền ăn sáng của mình, tham gia một đợt công tác cứu trợ xã hội... tất cả đều là việc nghĩa.

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc giàu nhân nghĩa. Tuy không phải ai cũng trở thành anh hùng nhưng lối sống anh hùng sẵn sàng làm việc nghĩa là lối sống chung của đại đa số nhân dân ta. Lối sống đẹp đó đã trở thành phẩm chất đạo đức mang tính truyền thống của con người Việt Nam.

(*Nguyễn Thị Mai*, trong *Bồi dưỡng Văn năng khiếu lớp 9*,
Nxb Đà Nẵng, 2001

Đề 46

Tình yêu quê hương tha thiết, nồng mặn của Tế Hanh trong bài thơ *Quê hương*.

Bài làm

QUÊ HƯƠNG TRONG TÌNH THƯƠNG, NỖI NHỚ

Quê hương trong xa cách là cả một dòng cảm xúc dạt dào, lấp lánh suốt đời thơ Tế Hanh. Cái làng chài nghèo ở một cù lao trên sông Trà Bồng *nước bao vây cách biển nửa ngày sông* đã nuôi dưỡng tâm hồn thơ Tế Hanh, đã trở thành nỗi nhớ da diết để ông viết nên những vần thơ thiết tha, lai láng. Trong dòng cảm xúc ấy, *Quê hương* là thành công khởi đầu rực rỡ.

Nhà thơ đã viết *Quê hương* bằng tất cả tình yêu tha thiết, trong sáng, đầy thơ mộng của mình. Nổi bật lên trong bài thơ là cảnh ra khơi đánh cá của trai làng trong một sớm mai đẹp như mơ:

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá.

Tâm hồn nhà thơ náo nức những hình ảnh đầy sức mạnh:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Giữa trời nước bao la nổi bật hình ảnh con thuyền hiên ngang, hăng hái, đầy sinh lực dưới bàn tay điều khiển thành thạo của *dân trai tráng* đang nhẹ lướt trên sóng qua hình ảnh so sánh *như con tuấn mã*. Bằng các từ ngữ sinh động, nhà thơ đã khắc họa tư thế kiêu hãnh chinh phục sông dài, biển rộng của người làng chài. Lời thơ như băng băng về phía trước, như rướn lên cao bao la cùng với con thuyền, với cánh buồm! Tế Hanh đã cảm nhận cuộc sống lao động của làng quê bằng cả tâm hồn thiết tha gắn bó nên mới liên tưởng: *Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng*. Bao nhiêu trìu mến thiêng liêng, bao nhiêu hy vọng mưu sinh của người lao động được gửi gắm ở đấy.

Cảnh đón thuyền đánh cá trở về ồn ào, tấp nập cũng được miêu tả với một tình yêu tha thiết:

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
"Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe",
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.

Ở đoạn trước, khi tả cảnh ra đi *mạnh mẽ vượt trường giang* của đoàn thuyền, hơi thơ băng băng, phơi phới. Đến đoạn này, âm điệu thơ thư thái và dần lắng lại theo niềm vui no ấm, bình yên của dân làng. Chính từ đây, xuất hiện những câu thơ hay nhất, tinh tế nhất của *Quê hương:*

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

Chỉ ai là người con của một vạn chài mới viết được những câu thơ như thế. Tế Hanh như khắc tạc bức tượng đài người dân chài giữa đất trời lộng gió với hình khối, màu sắc và cả hương vị không thể lẫn: bức tượng đài nồng thở vị xa xăm – vị muối mặn mòi của biển khơi, của những chân trời tít tắp mà họ thường chinh phục. Chất muối mặn mòi ấy ngấm vào thân hình người dân chài quê hương, thấm dần trong thớ vỏ chiếc thuyền hay đã ngấm sâu vào làn da thớ thịt, vào tâm hồn Tế Hanh để thành niềm cảm xúc bâng khuâng, kì diệu?

Một tâm hồn như thế khi nhớ nhung tất chẳng thể nhàn nhạt, bình thường. Nỗi nhớ quê hương trong đoạn kết đã đọng thành những kỉ niệm ám ảnh, vẫy gọi. *Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá* – câu thơ cuối cùng cho ta rõ thêm tâm hồn thiết tha, thành thực của Tế Hanh.

Quê hương của Tế Hanh đã cất lên một tiếng ca trong trẻo, nồng nàn, thơ mộng về cái làng vạn chài từng ôm ấp, ru vỗ tuổi thơ mình. Bài thơ đã góp phần bồi đắp cho mỗi người đọc chúng ta tình yêu quê hương thắm thiết.

(*Bài làm của học sinh*, trong *Ngữ văn 8*, tập hai, 2007)

Đề 47

Phân tích đoạn thơ sau:

"Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu".

(Hữu Thỉnh – *Sang thu*)

BÀI LÀM

Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu bước vào thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây Nguyễn Khuyến nổi tiếng với ba bài thơ: *Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm*, sau này Xuân Diệu có *Đây mùa thu tới*, nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương *Sang thu:*

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra là hương ổi phả trong gió. Mùi hương quê nhà mộc mạc được gió đưa trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: "bỗng nhận ra".

Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi: giòn ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh. Có hương ổi và gió. Và sương. Những hạt sương thu mềm mại, ươn ướt giăng màn qua ngõ. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo quê hương và mang theo sương mờ ướt lạnh. Dường như có thêm sương nên thu dễ nhận hơn. "Sương chùng chình qua ngõ", "chùng chình" hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần như thế, cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế, thu đến tự lúc nào không hay. "Hình như thu đã về". Nhà thơ giật mình, hơi bối rối. Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi hay từ gió, hay từ sương? Hữu Thỉnh cũng hơi ngỡ ngàng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con đường bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

Cái bỡ ngỡ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho sự rung cảm mãnh liệt trước mùa thu:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Nước con sông quê hương chờ mùa thu. Những cánh chim bay đi vội vã. Tất cả đều hối hả, xôn xao khi thu về. Không còn cái gay gắt của mùa hè nóng nực, chỉ còn lại một bầu không gian ẩm ướt và se se lạnh. Một thoáng rối lòng rồi nhường lại cho thu. Mùa thu vừa mới chớm rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang rùng mình thay áo mới. Hữu Thỉnh không tả trời thu "xanh ngắt mấy tầng cao" như Nguyễn Khuyến mà chỉ điểm vào bức tranh thu một chút mây vương lại của mùa hè vừa qua:

Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Mây vắt nửa mình sang thu... lời diễn đạt của nhà thơ thật độc đáo. Hình như trong đám mây đó còn lại một vài làn nắng ấm mùa hè nên mới "vắt nửa mình". Thu về làm cho bao nhiêu cảnh vật đổi thay và đám mây cũng khác lạ.

Với một đoạn thơ ngắn vẻn vẹn hai khổ thơ mà nhà thơ đã dựng lại bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ

ngữ lấp láy: "chùng chình", "dềnh dàng", "vội vã", và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng. Hữu Thỉnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người.

Sang thu – một hình ảnh quê hương tự nó đã tôn thêm vẻ đẹp cho đất nước, cho quê nhà, cho đồng quê trong mùa thu chung của cả đất trời Việt Nam.

(Bài làm của Nguyễn Thị Anh Trúc –
HS lớp 9 Trường THCS năng khiếu Hà Tĩnh –
Giải nhất bảng A năm học 1991–1992)

Đề 48

Cảm nhận về bài thơ *Nói với con* của Y Phương.

BÀI LÀM

Tình cảm gia đình, tình yêu đối với quê hương xứ sở là những tình cảm nguyên sơ nhưng cũng thiêng liêng nhất của con người Việt Nam. Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng truyền thống của tổ tiên, dân tộc, quê hương là sự thể hiện cụ thể của tình cảm cao đẹp đó. Nhiều nhà thơ đã giãi bày những sắc thái tình cảm ấy lên trang giấy. Chúng ta bắt gặp trong bài thơ "Nói với con" của tác giả Y Phương những lời tâm tình thiết thạ, những lời dặn dò ân cần của người cha đối với con được diễn đạt bằng cách nói mộc mạc, chân chất của người miền núi, bằng những hình ảnh giản dị tưởng như thô ráp nhưng vẫn mang vẻ đẹp tinh khôi của cảnh và tình của rừng núi quê hương.

Mở đầu bài thơ, trong hình thức những lời tâm tình với con. Y Phương đã gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người. Gia đình và quê hương là cái nôi êm, để từ đó con lớn lên, trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn.

Chân phải bước tới cha.
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười.

Thoạt tiên, những câu thơ đầu của bài thơ rất dễ được cho là đang miêu tả một tình huống cụ thể thường gặp trong đời sống: con đang tập đi, cha mẹ vây quanh mừng vui, hân hoan theo mỗi bước chân con. Tuy

nhiên, đằng sau lối nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát thành một điều lớn hơn, có tính chất chiêm nghiệm: con lớn lên bằng tình thương, trong sự nâng đón, vỗ về, mong chờ của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với *cha* và *mẹ*, những âm thanh sống động, vui tươi với *"tiếng nói"*, *"tiếng cười"* là những biểu hiện của không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, hạnh phúc tràn đầy. Không khí gia đình đầm ấm, thân thương ấy là một hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con. Đó cũng là yếu tố đầu tiên hình thành nên những phẩm chất tâm hồn mỗi con người.

Bên cạnh tình cảm gia đình thắm thiết, hạnh phúc, quê hương và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, giúp tâm hồn con được bồi đắp thêm lên. Ở khổ thơ tiếp theo này, tác giả đã sử dụng những cách nói, những hình ảnh của người miền núi – nơi sinh dưỡng của chính mình – để nói những điều chân thực về quê hương rừng núi:

Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát

Khi tâm tình với con về cuộc sống lao động của *"người đồng mình"*, tác giả đã lựa chọn đưa vào những hình ảnh đẹp đẽ *"đan lờ cài nan hoa"* và tươi vui *"vách nhà ken câu hát"*. Những động từ *"đan"*, *"ken"*, *"cài"* bên cạnh việc giúp cho người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hòa quyện, quấn quýt của con người và quê hương xứ sở. Phải chăng đó chính là nguồn cội nuôi dưỡng tâm hồn con người?

Mỗi vùng quê, mỗi mảnh đất quê hương cụ thể mang trong mình nó bao nhiêu truyền thống quý báu. Truyền thống đó có thể là những phẩm chất tâm hồn của cộng đồng người sống trên mỗi vùng quê đó và họ luôn tự hào về nó. Trong bài thơ *"Nói với con"*, tiếp theo sự khái quát gia đình và sự lao động trên quê hương là nguồn cội sinh dưỡng mỗi con người, nhà thơ Y Phương đã tiếp tục đi tìm nơi sinh thành ra những phẩm chất của *"người đồng mình"* mà ông đã cất tiếng yêu tha thiết ngay ở khổ thơ đầu *"người đồng mình yêu lắm con ơi"*.

Nói đến quê hương cũng là nói đến cảnh quan đặc trưng của nơi con người cụ thể sinh ra và trưởng thành từ đó. Quê hương của *"người đồng mình"* với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn liền với cảnh quan miền núi, hiện ra thật thơ mộng, đẹp đẽ *"rừng cho hoa"*. Hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn với nó những hình ảnh khác, và cũng có thể "rừng" hơn cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những bất trắc bí mật

của rừng. Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh "*hoa*" để nói về cảnh quan rừng. Trong tiếng Việt, "*hoa*" nhiều khi được hiểu như những gì đẹp, quý. "*Hoa*" trong "*Nói với con*" có thể là hoa thực – như một đặc điểm của rừng – và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mỹ đáng giá. Nó góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó.

Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn thao thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi *"con đường cho những tấm lòng"*. Vẻ thơ mộng ấy của thiên nhiên, nghĩa tình sâu đậm ấy của "*những tấm lòng*" đã che chở, nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con.

Khi đọc những lời thơ này, chắc hẳn nhiều người liên tưởng đến một bài thơ quen thuộc: bài thơ "*Quê hương*" của Đỗ Trung Quân. Không chọn cách nói hoàn toàn giống Y Phương trong "*Nói với con*" song những điều tác giả muốn nói lại có những điểm tương đồng. Trong hình thức trả lời cho câu hỏi của một em bé *"Quê hương là gì hở mẹ / Mà cô giáo dạy phải yêu / Quê hương là gì hở mẹ / Ai đã đi xa cũng nhớ nhiều?"*, tác giả đã đi đến định nghĩa "*quê hương*" trong hàng loạt những cấu trúc khẳng định: *"Quê hương là chùm khế ngọt / đường đi học / cánh diều / con đò nhỏ / cầu tre nhỏ / đêm trăng tỏ /"*. Nếu như những hình ảnh núi rừng được Y Phương chấm phá trong "*Nói với con*", thì hình ảnh một miền quê mang đậm cảnh sắc nông thôn yên ả cũng hiện ra trong bài thơ "*Quê hương*". Và tác giả của "*Quê hương*" cũng luôn láy lại rằng, mỗi cảnh vật cụ thể ấy đều gắn với những hành động của con, với hình dáng mẹ – hình ảnh thân thương nhất đời của mỗi con người. Hai tác giả dường như đã gặp nhau ở cùng một cách hiểu: Quê hương là những gì gần gũi thân thương nhất và cũng là nguồn cội của những tình cảm sâu sắc, tha thiết nhất của con người. Và tình cảm ấy cũng sẽ lại khởi nguồn cho những tình cảm lớn lao, bền vững hơn như tình yêu đất nước, như Xuân Diệu đã từng khái quát: "*Tình yêu Tổ quốc là đỉnh núi bờ sông*"... Trong "*Nói với con*" chỉ vài câu thơ ngắn, vài lời thơ giản dị nhưng đã mở ra những ý tứ sâu xa, thâm trầm gần như được nâng lên tầm triết lý. Sức mạnh của thơ, quyền năng, sự quyến rũ của thơ là ở đó chăng?

"Người đồng mình" không chỉ "*yêu lắm*" với những hình ảnh đẹp đẽ, giản dị gợi nhắc nguồn cội sinh dưỡng tâm hồn, tình cảm, lối sống cho con người mà còn với những đức tính cao đẹp, đáng tự hào. Trong lời tâm tình của cha có niềm ước mong con sẽ kế tục, phát huy một cách

xứng đáng truyền thống của tổ tiên, của quê hương xứ sở.

Tự hào con người quê hương với những phẩm chất, đức tính quý báu mà người cha muốn truyền đạt lại cho con:

– Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
– Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
– Sống trong thung không chê thung nghèo đói
– Leo thác xuống ghềnh không lo cực nhọc

Tác giả dùng nhiều hình ảnh cụ thể để gợi ra cuộc sống nơi quê hương còn vất vả cực nhọc, đói nghèo. Nhưng đó chưa phải là tất cả những gì tác giả muốn gợi ra và nhắc tới. Tác giả tự hào về "*người đồng mình*" với những đức tính cao quý: khoáng đạt, mạnh mẽ, tình cảm thủy chung như nhất, gắn bó với quê hương dẫu còn bao khó khăn cực nhọc.

Không chỉ vậy, người đồng mình còn có những đức tính khác nữa mà người cha rất đỗi tự hào: tuy có thể mộc mạc, thô sơ da thịt nhưng giàu chí khí, niềm tin, không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và mong ước xây dựng quê hương. Chính những đức tính tốt đẹp cùng với sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày đã tạo nên sức mạnh để làm nên quê hương với truyền thống, với phong tục tập quán tốt đẹp: "*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương, còn quê hương thì làm phong tục*".

Gửi trong lời tự hào không giấu giếm đó, người cha ước mong, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình nghĩa, chung thủy với quê hương đồng thời muốn con biết yêu quý, tự hào với truyền thống của quê hương. Không chỉ gửi ước mong của mình đầy tự hào, người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thỉ dặn dò con thiết tha, trìu mến: "*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn...*" Trong những lời thơ cuối cùng "*Con ơi tuy thô sơ da thịt / Lên đường / Không bao giờ nhỏ bé được / Nghe con*" người cha dặn dò con cần tự tin mà vững bước trên đời, tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của "người đồng mình".

Bài thơ "*Nói với con*" của Y Phương góp thêm một tiếng nói yêu thương của cha mẹ đối với con cái cũng như những kỳ vọng lớn lao, mong muốn thế hệ sau sẽ kế tục, phát triển những truyền thống quý báu của quê hương. Bằng cách diễn đạt mộc mạc "*thô sơ*", bằng những hình ảnh cụ thể mà giàu khái quát, bài thơ đã thể hiện một cách độc đáo mà cũng thật thấm thía về tình cảm thiết tha sâu sắc nhất của con người: tình cảm gia đình và tình yêu quê hương xứ sở.

(Theo *Những bài làm văn hay THCS 9*, Nxb Đại học sư phạm, 2005)

IV. NGHỊ LUẬN VỀ NHÂN VẬT VĂN HỌC

Đề 49

Ý kiến của em về hành động trả thù của Tấm trong truyện *"Tấm Cám"*.

BÀI LÀM

Có người cho rằng cô Tấm là một người đẹp không hoàn chỉnh. Hành động trả thù của Tấm: "lấy nước nóng dội cho Cám chết nhăn răng rồi làm mắm gửi về cho dì ghẻ" là một hành động độc ác, tàn nhẫn, vô nhân tính. Nhưng theo em, có lẽ không đơn giản như vậy.

Chúng ta nhớ lại quãng đời đầy đau khổ của Tấm khi phải sống trong sự cay độc, nghiệt ngã của mẹ con mụ dì ghẻ độc ác. Mẹ Tấm mất sớm, Tấm cần sự ân cần chăm sóc, xoa dịu nỗi đau bao nhiêu. Nhưng mẹ con Cám đã chà đạp, hành hạ Tấm chẳng khác gì một kẻ nô lệ, một con ở trong chính tổ ấm của mình. Tấm phải cam chịu nhìn kẻ khác hạnh phúc êm ấm trong khi mình phải chịu cảnh cô đơn, buồn tủi. Lúc ấy có ai thông cảm, chia sẻ với Tấm đâu?

Rồi khi Tấm được làm hoàng hậu, mẹ con Cám đem lòng ghen ghét, bày mưu giết nàng, đưa Cám vào cung thay chị làm hoàng hậu. Chúng ta thử nghĩ xem còn sự độc ác nào, sự tàn nhẫn nào hơn thế nữa? Có người mẹ nào lại nỡ giết chết con mình, nhất là trong ngày giỗ bố. Có người em nào lại đang tâm tìm mọi cách để cướp giật hạnh phúc của chị mình?

Sự thực thì lúc ấy Tấm đã chết, nhưng theo mơ ước của nhân dân ta thì cái thiện không bao giờ chết được. Tấm đã lần lượt biến thành chim vàng anh, thành cây xoan đào, thành khung cửi, thành cây thị. Nhưng cái ác vẫn luôn rình rập để gieo họa. Mẹ con Cám đã giết Tấm và bây giờ chúng lại còn độc ác hơn nữa, tàn bạo hơn nữa là làm mọi cách để giết nốt linh hồn của Tấm. Chúng đã làm thịt chim, đẵn cây xoan đào, đốt khung cửi... Chúng không muốn nhìn thấy sự có mặt của Tấm trên đời dù là trong "oan hồn". Rõ ràng chúng không chỉ giết Tấm một lần mà giết Tấm nhiều lần. Chắc chắn nếu Tấm còn sống thì chúng lại tiếp tục hành hạ Tấm, tiêu diệt sự sống của nàng. Bởi vậy trong đấu tranh giành quyền sống cho mình, Tấm không còn con đường nào khác là giết chúng.

Trong hành động trả thù này, ta vẫn thấy một cô Tấm rất đẹp, cô không chỉ còn khóc lóc, yếu đuối như trước. Cô trở nên kiên quyết và

gan dạ lạ thường. Cô nhận ra rằng: mẹ con nhà Cám vẫn vậy, vẫn ganh ghét đố kị với cô. Cám muốn đẹp và lòng tham ngông cuồng, đen tối đã giết nó.

Còn Tấm, cô xử sự rất thông minh, rất tỉnh táo. Cô giết Cám nhưng không thể gọi cách giết đó là dã man bởi *"ở ác gặp ác"*, kẻ *"gieo gió"* ắt sẽ phải *"gặt bão"*. Tấm trả thù như vậy mới đáng với những gì mẹ con Cám đã gây ra cho cô. Nhất là trừng trị rất mạnh bạo, chỉ một lần thôi "triệt hẳn".

Cám và mụ dì ghẻ là những kẻ vô nhân tính, mất hết tình đồng loại. Có giết theo cách của Tấm, *"cái ác"* của chúng mới không thể sống lại để tác oai tác quái trên cuộc đời này. Thử hỏi chỉ bị "trời" phạt sai thiên lôi đánh chết như với Lý Thông, trong trường hợp này có nhẹ nhàng quá không? Có đảm bảo cái vạn ác loại này có chết vĩnh viễn không? Và tại sao nhân dân cứ mượn trời trả mối hận thù của mình như trong những truyện dân gian cùng loại trước đó. Một khi ở truyện này chính người dân lương thiện muốn trực tiếp trừng phạt một hình phạt tương xứng với tội ác, tương xứng với kẻ ác, trừng phạt cho cái ác phải *"táng đởm kinh hồn"* chả lẽ lại bị chê trách sao?

Thực tế lịch sử cho thấy trên thế giới không phải chỉ có một cách xử chết. Ngày xưa có cách *"tùng xẻo"* hay *"tứ mã phanh thây"* thật ghê gớm. Cách xử tội chết của Tấm cũng chỉ là "hình bóng" của lịch sử mà thôi. Đem quan niệm nhân đạo ngày nay để phê phán, há chẳng không nên lắm sao?

Cho nên em đồng ý với cách trừng trị thẳng tay của Tấm mặc dù ai đó có cho là "tàn bạo". Hình ảnh cô Tấm vẫn mãi mãi là hình ảnh đẹp trong em. Như nhiều nơi trên miền Bắc nước ta, cô Tấm hóa thân thành Phật và được nhân dân thờ cúng. Chẳng lẽ qua hiện tượng này nhân dân đã thiếu tinh tường khi không xét đến cách xử tàn ác của Tấm sao?

Phạm Thị Hằng (lớp 8, Thọ Xuân – Thanh Hoá)

Đề 50

Suy nghĩ của em về nhân vật ông Hai trong truyện *"Làng"* của Kim Lân.

BÀI LÀM

Truyện ngắn *Làng* của Kim Lân là một tác phẩm nổi tiếng viết về người nông dân trong kháng chiến. Hình ảnh ông Hai, nhân vật chính của truyện là hình ảnh tiêu biểu và chân thực của người nông dân trong những ngày đầu mới tiếp xúc với cách mạng, với lòng yêu làng, yêu nước sâu sắc, với sự hồ hởi say mê, tin yêu chung thuỷ với kháng chiến, với Bác Hồ.

Trước Cách mạng tháng Tám, ông Hai là một người nông dân nghèo khổ, chất phác. Cũng như bao người khác, cuộc đời ông đã trải qua những giai đoạn sóng gió, đau khổ tuyệt vọng. Ông Hai đã bị bọn hương lí trong làng "truất ngôi trừ ngoại" đó là một điều xót xa cho người yêu làng như ông Hai. Có làng, có nhà, có cửa mà ông phải "phiêu dạt lang thang hết nơi này đến nơi khác". Cuộc sống đói nghèo cực khổ nơi đất khách quê người rồi cũng chấm dứt. Sau mười mấy năm trời lênh đênh, ông cũng tìm cách về lại làng mình. Về đến làng cuộc sống đói nghèo vẫn không chấm dứt.

Không những phải chịu đựng cuộc sống đói nghèo cùng cực, người nông dân như ông Hai phải phục dịch cho bọn hương lí. Ông Hai bị gạch đổ bại một hông trong một lần phu phen tạp dịch. Cuộc sống thật tối tăm cùng cực, ông bị vùi dập đủ đường. Sống một cuộc sống như thế, tấm lòng của những người nông dân như ông Hai vẫn hướng về làng mình, vẫn yêu làng mình sâu sắc. Với ông Hai, làng chợ Dầu đã trở thành máu mủ ruột rà. Ông hãnh diện với làng ông, ông khoe làng chợ Dầu với mọi người ở mọi nơi mà ông đến. Nhiều lúc ông nói về làng mình cho đỡ nhớ. Người đọc thấu hiểu tình cảm sâu lắng của ông Hai với nơi chôn nhau cắt rốn. Ông khoe làng ông có "cái sinh phần của viên tổng đốc" có bề dày truyền thống, có cảnh đẹp nổi tiếng cả vùng. Tất cả những gì thuộc về làng đối với ông Hai đều thiêng liêng, gắn bó. Do đó, mặc dù cái sinh phần đã gieo rắc cho ông, cho bao người khác tai họa song ông vẫn cảm thấy tự hào. Dường như trong tâm trí ông Hai cái sinh phần đó là sức lực của cả làng. Và có một chút rất riêng của bản thân ông. Tình yêu làng của ông Hai thật giản dị, chất phác.

Sau Cách mạng, ông vẫn khoe làng mình nhưng ông khoe làng mình có cái "nhà thông tin rộng rãi", "có chòi phát thanh", khoe làng mình giàu có, trù phú... Ông không khoe cái sinh phần cụ Thượng nữa, bởi bây giờ ông đã hiểu được nhiều điều. Ông đã được tiếp xúc với cách mạng, với đấu tranh. Vẫn là khoe làng, vẫn là tình yêu làng của con người chất phác, hiền lành, song trong tình yêu làng có một tình cảm khác đang trỗi dậy, lớn mạnh hơn, cao cả hơn, thiêng liêng hơn.

Ngày đầu tiếp xúc với cách mạng, ông Hai có cái bỡ ngỡ, lạ lẫm ban đầu của người nông dân chất phác, vốn quen bị vùi dập nay tiếp xúc với đấu tranh, với chính trị. Cánh mạng tháng Tám đến với những người như ông Hai mang theo một sự thay đổi về cuộc đời, thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước trong họ. Ông đi theo cách mạng với tất cả lòng nhiệt thành, say mê, hăm hở của mình. Ông nguyện ở lại chiến đấu với xóm làng và khi phải đi tản cư ông cũng tự an ủi mình: "Đi tản cư cũng là kháng chiến".

Tình cảm của người nông dân này dành cho cách mạng, cho kháng chiến chân thành, sâu sắc vô cùng. Câu chuyện của ông Hai bây giờ chỉ xoay quanh về kháng chiến, cách mạng, về tự vệ làng ông. Tình yêu làng, yêu nước hoà quyện trong con người ông Hai ngày càng rõ rệt. Khi nghe tin làng chợ Dầu theo Tây, ông Hai "cổ nghẹn ắng lại, da mặt tê rân". Trước hết đó là sự xót xa của ông về làng mình, sự phản bội của nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Ông lão tủi hổ, bàng hoàng trước sự việc đó. Tình yêu làng vẫn thấm thiết trong ông, làng chợ Dầu vẫn là nơi ông gửi gắm sinh mệnh, danh dự và niềm hãnh diện, tự hào. Vậy mà bây giờ... ông lão nghĩ tới việc trở về làng. Song ý nghĩ đó ông gạt phắt đi. Trong sự tuyệt vọng, đau khổ này, lối thoát về làng chợ Dầu loé lên như một tia hi vọng nhưng rồi lại tắt ngấm. Từ lâu ông yêu làng ông, mong được trở về với làng ông song trong ông tình yêu nước mạnh hơn, thiêng liêng hơn: không vì làng mà bỏ nước, bỏ kháng chiến. Giữa sự giằng co trong tâm hồn, ông Hai đã tự thốt lên đầy đau đớn song đầy quyết tâm: "Làng thì yêu thật đấy, nhưng làng theo Tây rồi thì phải thù ... Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu, trên cổ xét soi cho bố con ông, cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai..."

Cách mạng đã đổi đời cho người nông dân như ông, ông nguyện đi theo và trung thành với cách mạng. Gạt sang một bên tình cảm riêng của mình mà đi theo kháng chiến, không chịu theo Tây sống với Tây. Tình cảm gắn bó với cách mạng, với Bác Hồ của những người nông dân,

như ông nó chất phác, mộc mạc, sâu sắc, nó xuất phát từ đáy lòng, từ máu thịt.

Thấy được tình yêu làng, yêu nước của ông Hai, ta hiểu và cùng mừng với sự hớn hở của ông Hai khi ông nghe cái tin làng mình theo Tây được cải chính. Tình yêu làng, tình yêu nước lại trở về gắn bó với nhau ngày càng sâu sắc, thấm thiết hơn trong lòng người nông dân chân chất này. Từ nay ông Hai không phải dằn vặt trong sự lựa chọn khắc nghiệt, giữa làng và nước. Cái vui của ông Hai là cái vui của một con người yêu quê hương, đất nước sâu sắc. Niềm vui khiến ông lão như trẻ con "lật đật, bô bô" kể về làng mình bị "đốt nhẵn". Nhà của ông bị cháy trụi, mà ông không để ý, không đau buồn, ông chỉ biết rằng lúc này làng ông là làng kháng chiến và ông lão bây giờ có thể tự hào, hãnh diện ngồi kể về làng chợ Dầu kháng chiến của mình.

Kim Lân rất thành công khi xây dựng và khắc hoạ hình ảnh ông Hai trong lòng người đọc. Đó là một người nông dân nghèo khổ, yêu làng mình sâu sắc. Được cách mạng đổi đời, ông lão nguyện đi theo cách mạng và trung thành với kháng chiến. Hình ảnh ông Hai sống động, chân thực và những nét tính cách rất nông dân chất phác, chân thành là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

Vốn là những con người chân thực, chất phác, nhưng ngày đầu tiếp xúc với cách mạng họ vẫn có sự bỡ ngỡ lạ lẫm ban đầu. Cảm giác ấy nhanh chóng tan đi, người nông dân đón nhận cách mạng với một tình cảm chân thành, một lòng hăm hở. Cuộc đời người nông dân Việt Nam rẽ sang bước ngoặc mới, tươi sáng hơn. Họ nô nức, háo hức hoà chung vào phong trào cách mạng cả nước, họ hăng hái cầm súng bảo vệ quê hương. Cách mạng trở thành một phần máu thịt của người nông dân, có những người như ông Hai day dứt, tủi hổ, khổ sở khi mình bị hiểu lầm là không trung thành với cách mạng song vẫn không bỏ cách mạng. Đó là lòng trung thành, là tình cảm sâu sắc, bền chặt mà người nông dân dành cho cách mạng. Cách mạng tháng Tám đã thổi bùng ngọn lửa đấu tranh trong lòng họ. Người nông dân đứng lên kiên quyết giữ làng giữ nước, đâu còn là hình ảnh con người khổ nhục, khiếp sợ từ tên đầy tớ nhà giàu. Họ – những người như ông Hai đứng lên đào hào, đắp luỹ trực tiếp chống lại quân thù. Lòng yêu nước nồng nàn, sự trung thành với cách mạng, tất cả trở thành sức mạnh khiến họ đứng lên bảo vệ quê hương, bảo vệ chính mình. Cách mạng mang đến cho họ cuộc đời mới, họ phải bảo vệ lấy hạnh phúc đó của mình.

Tác phẩm "Làng" của Kim Lân đã khắc họa hình ảnh ông Hai hết sức sống động, chân thực với những chi tiết dân dã, mộc mạc. Hình ảnh ông Hai là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân Việt Nam sau Cách mạng. Ta cảm nhận được sự sôi nổi trong những ngày đầu đón nhận cách mạng của người nông dân. Người nông dân đã được đổi đời nhờ có cách mạng, họ hiểu điều đó và gắn bó với cách mạng với lòng trung thành, biết ơn sâu sắc.

Nguyễn Hương Thuỳ, HS lớp 8

Trường THCS Trần Đăng Ninh năm học 1993 – 1994

Đề 51

Em có suy nghĩ gì về nhân vật *"Tôi"* trong truyện ngắn *"Cố hương"* của Lỗ Tấn.

BÀI LÀM

Sau hai mươi năm xa cách quê hương, bây giờ Tấn mới có dịp trở lại thăm quê cũ. Lần về thăm này đã xáo động trong anh biết bao suy nghĩ: vui có, buồn có, mơ ước xa xôi... khiến cho anh vô cùng khó xử khi gặp lại người thân nơi quê nhà.

Trên đường về, ngồi trên thuyền trong anh rộn lên bao cảm xúc xốn xang, mừng vui. Gần đến nơi: "Tấn nhìn thấy xa xa thấp thoáng mấy thôn xóm tiêu điều, hoang vắng, nằm im lìm dưới vòm trời màu vàng lá", lòng anh chợt buồn bởi lẽ làng quê anh vẫn chẳng khác xưa chút nào, vẫn xơ xác, tiêu điều, quạnh hiu. Nhưng trong đáy lòng mình anh lại thấy rất đỗi gần gũi, đã bao năm qua, dù xa quê hương những "hai nghìn dặm" nhưng hình ảnh về quê hương vẫn luôn ngự trong anh, vẫn in đậm trong anh những dấu ấn đẹp đẽ về nơi làng cũ.

Ở lại quê chín ngày, Tấn không đi thăm hết được bà con, vì anh thấy buồn và lo lắng, anh chỉ biết cùng mẹ và đứa cháu nhỏ bán đồ đạc, thu dọn nhà cửa để thời gian trôi nhanh đi, mặc dù trước đấy anh rất mừng khi trở lại quê cũ. Anh nhận ra nỗi buồn mênh mông của mình xuất phát từ ngoại cảnh quanh mình. Mọi người xung quanh dọn đi hết, cảnh tượng hiu vắng.

Thời gian này trong anh sống lại bao kỉ niệm thời thơ ấu. Hình ảnh Nhuận Thổ – người bạn cùng lứa với anh – suốt bao năm rồi nhưng vẫn luôn sáng đẹp và sống mãi trong anh. Hai người bạn cùng lứa, dễ tâm đầu ý hợp, đã sống hồn nhiên bên nhau trong thuở thiếu thời với biết

bao trò chơi vô tư. "Bẫy chim, bắt cá, đi canh dưa" và sáng sáng "đi nhặt vỏ sò trên bãi biển"... Hình ảnh cậu bé "da ngăm đen" tay cầm cái đinh ba đang rình một "con tra" để bảo vệ ruộng dưa luôn in đậm trong tâm tư của Tấn. Tấn bồn chồn ngóng đợi Nhuận Thổ, ngóng đợi người bạn thân thiết của anh thuở còn "để chỏm". Nhưng bao sự vui mừng đang xôn xang trong lòng đợi giờ phút hai người gặp mặt thì lại trở thành nỗi buồn mênh mông, sự hụt hẫng vô bờ khi Tấn gặp lại bạn. Với vẻ khúm núm và câu chào: "Bẩm ông!" của Nhuận Thổ đã khiến khoảng cách giữa hai người càng trở nên xa thẳm. Đau đớn, xót xa Tấn chỉ biết đứng im nhìn người bạn thân thuở nhỏ; tình cảm đẹp đẽ giữa hai người giờ đây bị "bức tường" xã hội "ngăn cách". Tấn muốn nói với Nhuận Thổ bao điều nhưng cổ họng anh nghẹn đắng, lòng anh xót xa không thể nói gì mà chỉ biết đứng im nhìn bạn.

Nghe chuyện gia đình của bạn, Tấn chỉ biết thương cảm vô cùng chứ anh cũng không giúp gì được. Và sự an ủi của Tấn, phần nào cũng làm vơi đi nỗi buồn trong lòng Nhuận Thổ. Bây giờ trong Tấn "còn đâu nữa gương mặt tròn trĩnh với nước da bánh mật phản chiếu ánh lấp lánh của những chiếc vòng bạc đeo nơi cổ chú bé Nhuận Thổ, thông minh, nhanh nhẹn"... mà giờ đây thay vào đó là gương mặt già nua vì tuổi tác, in hằn trên mỗi vết nhăn là nỗi vất vả, khó khăn của cuộc sống đời thường. Càng nghĩ về dĩ vãng đẹp đẽ "ký ức Tấn bỗng sáng lên trong chốc lát" rồi lại vụt tắt luôn. Quê hương nào mà chẳng đẹp trong kí ức mỗi người, quê hương đối với Tấn cũng vậy. Vậy mà giờ đây cái hoang tàn, xơ xác của làng quê anh đã dập tắt bao kỷ niệm đẹp trong anh.

Không chỉ riêng Nhuận Thổ, mà những người khác cũng "cằn cỗi" đi trong cách nghĩ. Phải chăng, do cuộc sống vất vả, họ phải bon chen nhau mà tất cả mọi người đều trở thành những con người hoàn toàn khác. Giữa Tấn và mọi người hình thành một bức tường vô hình ngăn cách họ. Giờ đây Tấn chỉ biết ngậm ngùi suy nghĩ về điều đó.

Khi biết về tình bạn giữa đứa cháu mình và con của Nhuận Thổ thì Tấn cầu mong cho tình bạn giữa chúng không có sự ngăn cách như tình bạn giữa anh và Nhuận Thổ. Một lần trở lại cố hương đã nhen lên trong lòng Tấn bao nỗi suy tư, buồn bã đến day dứt...

Tất cả mọi điều đến như xuất phát tự sâu thẳm đáy lòng yêu quê hương của anh. Hình ảnh làng quê tuổi thơ sẽ chẳng bao giờ phai nhạt trong tâm trí anh – một con người luôn mong ước cho người khác được hạnh phúc ấm no.

Nguyễn Thị Thanh Nga – HS lớp 8 chuyên Văn.
Trường chuyên Phùng Hưng, Sơn Tây, năm học 1993 – 1994

Đề 52

Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn *"Chiếc lược ngà"* của Nguyễn Quang Sáng.

BÀI LÀM

"Chiếc lược ngà" là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết về tình cha con sâu nặng, cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Ông Sáu là một trong những nhân vật thể hiện sâu sắc chủ đề ấy.

Ông Sáu, một nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đã tham gia hai cuộc kháng chiến (đánh Pháp và đánh Mĩ), và đã anh dũng hi sinh. Ra đi đánh giặc từ năm 1946, mãi đến năm 1954, hòa bình lặp lại, ông mới được về thăm quê một vài ngày. Ngày ra đi bộ đội, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới lên một tuổi, ngày về thì con đã 8, 9 tuổi. Cái khát khao của một người lính sau những năm dài vào sinh ra tử trở lại quê hương, được gặp lại vợ con, được nghe con cất tiếng gọi "ba" một tiếng cũng không trọn vẹn! Đó là bi kịch thời chiến tranh. Lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc khi đứa con gái ngây thơ "nhận ra" ba mình và kêu thét lên: "Ba... ba!". Ông ôm con, "rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con". Ông Sáu đã ra đi với nỗi thương nhớ vợ con không thể nào kể xiết. Bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông. Vết thẹo dài trên má phải - vết thương chiến tranh - đã làm cho đứa con gái thương yêu, bé bỏng không nhận ra bóng dáng người cha nữa! Ông đã ra đi, mang theo hình ảnh vợ con, với lời hứa mang về cho con gái chiếc lược cùng với nỗi ân hận day dứt "sao mình lại đánh con" cứ giày vò ông mãi. Nỗi đau, nỗi nhớ thương và mất mát... do chiến tranh đem đến cho ông Sáu, cho bao người lính, cho bao bà mẹ, em thơ trên khắp mọi miền đất nước ta có bao giờ nguôi! Sự hi sinh của các thế hệ đi trước để làm nên độc lập, thống nhất, hòa bình là vô giá.

Sau năm 1954, ông Sáu không tập kết ra Bắc, ông nhận nhiệm vụ mới ở lại miền Nam "nằm vùng" hoạt động bí mật. Trong những ngày ở rừng, ở cứ, bị giặc ruồng bố triền miên. Thiếu gạo phải ăn bắp. Gian khổ và nguy hiểm. Cái chết bủa vây cuộc chiến đấu thầm lặng. Ông Sáu vẫn không nguôi nhớ vợ con. Ông đã biến vỏ đạn 20 li của giặc Mĩ thành chiếc cưa nhỏ, tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo như một người thợ

bạc chế tác khúc ngà voi thành một chiếc lược ngà xinh xắn có khắc dòng chữ: "Yêu nhớ tặng Thu, con của ba". Chiếc lược ngà với dòng chữ ấy mang theo bao tình cảm sâu nặng của người cha đối với đứa con bé bỏng. Tình thương con của ông Sáu thật vô cùng tha thiết. Điều đó cho thấy, ông Sáu cũng như hàng triệu chiến sĩ, đồng bào ta hi sinh chiến đấu vì đất nước và dân tộc, vì hạnh phúc gia đình, vì tình vợ chồng, tình cha con.

Chiếc lược ngà như một vật kí thác thiêng liêng của người lính về tình phụ tử sâu nặng mà bom đạn quân thù không thể nào tàn phá được. Chính vì thế, khi bị trúng đạn máy bay Mĩ bắn vào ngực, lúc hấp hối, ông "đưa tay vào túi, móc cây lược" đưa cho bạn, nhìn bạn hồi lâu rồi tắt thở... Ông Sáu đã hy sinh trong những ngày đen tối và gian khổ. Ngôi mộ ông là "ngôi mộ bằng" giữa rừng sâu! Nhưng chỉ có "tình cha con là không thể chết được!".

Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong truyện "Chiếc lược ngà" là hình ảnh thật đẹp, thật sâu nặng về tình cha – con. Chiếc lược ngà với dòng chữ mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt đã để lại nhiều ám ảnh trong lòng chúng ta. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng đi trước mở đường đã nếm trải nhiều thử thách, gian khổ và hi sinh.

Truyện *"Chiếc lược ngà"* và hình ảnh ông Sáu đã khơi gợi trong lòng ta về sự hi sinh và hạnh phúc ở đời. Và bài học "uống nước nhớ nguồn" càng thêm thấm thía.

(Những bài làm văn hay 9 THCS)

Đề 53

Cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong trong truyện ngắn *"Những ngôi sao xa xôi"* của Lê Minh Khuê.

BÀI LÀM

Truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê sáng tác năm 1971 đã khắc họa cho chúng ta thấy hình ảnh ba cô gái thanh niên xung phong trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Truyện không những miêu tả sâu sắc vẻ đẹp về phẩm chất của ba cô gái mà còn thành công trong nghệ thuật kể chuyện.

Đầu tiên ta cảm nhận về vẻ đẹp trong tâm hồn của ba nhân vật nữ thanh niên xung phong. Họ gồm có ba người, hai cô gái rất trẻ là Phương Định và Nho, còn tổ trưởng lớn tuổi hơn một chút là chị Thao. Có lẽ ở ba con người này có rất nhiều điểm chung, trước hết là họ ở cùng một chỗ "một hang dưới chân cao điểm". Đây là một nơi rất nguy hiểm vì ở một cao điểm, lại giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn ra trận, ở đó có rất nhiều khó khăn và các cuộc chiến đấu ác liệt nhất. Thậm chí nơi ở của họ cũng ác liệt. Đường bị đánh lở loét màu đất đỏ, trắng lẫn lộn vào nhau, đó là chưa kể cây không thể sống được, "hai bên đường không có lá xanh và những rễ cây nằm lăn lóc". Cuộc sống ở đây thật ác liệt, mọi thứ đều bị tàn phá. Vậy mà công việc của ba cô gái lại diễn ra ở đây. Họ làm công việc được gọi chung là tổ trinh sát mặt đường, còn cụ thể ra là hằng ngày "khi có bom nổ thì chạy đến, đo khối lượng đất lấp hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom". Công việc cũng chẳng đơn giản chút nào luôn phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, luôn phải đối diện với tử thần khi máy bay địch đến hay khi phá những quả bom nổ chậm ở nơi kẻ địch hay ném bom đánh phá. Nhưng với ba cô gái công việc này rất bình thường, nhiều khi bị bom vùi luôn cũng nhiều khi chỉ thấy hai con mắt lấp lánh trên khuôn mặt lem luốc. Với chúng ta họ là những cô gái dũng cảm, bình tĩnh khi "thần kinh căng như chão, chân chạy mà biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ". Giữa muôn vàn hiểm nguy của công việc, họ vẫn luôn tìm được niềm vui, một cái thú dù đầy nguy hiểm từ cái thú này. Cả ba cô gái đều là con gái Hà Nội, quen sống trong hạnh phúc của gia đình bạn bè. Giờ đây họ quen với cuộc sống chiến trường,

có tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ dù quả bom nằm lạnh lùng trên một búi cây khô nhưng họ không sợ mà sẽ đường hoàng bước tới, dù sự hi sinh luôn rình rập họ nhưng với lòng dũng cảm, họ đã vượt qua. Dù phá bom nổ chậm là công việc cực kì nguy hiểm nhưng họ "Quen rồi! Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít ba lần". Họ đã luôn dũng cảm vượt qua sự đe doạ của tử thần để cống hiến cho Tổ quốc. Đặc biệt ở họ có tinh thần gắn bó giữa đồng đội. Họ luôn quan tâm, lo lắng đến nhau, nhất là khi Nho bị thương do "quả bom tung lên và nổ trên không. Hầm nước bị sập". Định bông băng lại cho Nho còn chị Thao vì sợ máu nên chỉ dám đứng ở cửa hang nhưng cứ đi đi lại lại. Và nhìn chung, họ đều rất trẻ và rất dễ xúc động, họ còn nhiều mơ mộng, mơ ước. Là phụ nữ nên họ đều rất thích làm đẹp cho cuộc sống của mình. Với Nho, cô rất thích thêu thùa. Chị Thao "giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào" nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát. Còn Phương Định tự đánh giá khiêm tốn mình khá vì vậy cô thích ngắm mình trong gương và bó gối mơ mộng hay ngồi hát một mình. Bên cạnh những nét chung ta thấy mỗi người có cá tính riêng. Mỗi người một tính càng làm phong phú đời sống của họ và từ đó càng làm rõ ý chí chiến đấu, tinh thần đoàn kết của họ. Dù họ mỗi người một cá tính riêng nhưng khi chiến đấu họ vẫn luôn sát cánh cùng nhau, hiểu nhau. Chị Thao nhiều tuổi hơn một chút nên có vẻ từng trải hơn, chị không dễ dàng hồn nhiên như Nho và Định. Chị ước mơ về tương lai thiết thực hơn. Nhưng chị vốn có những tình cảm riêng và chị thích chép sổ hát dù vẫn biết mình hát dở, giọng thì chua hay "chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm". Chị có những khát khao của tuổi trẻ, trong công việc chị rất "cương quyết, táo bạo" mặc dù vậy "thấy máu thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét". Chị Thao tuy rất anh dũng trong công việc nhưng lại sợ những điều bình thường trong cuộc sống.

Đặc biệt, vẻ đẹp phẩm chất của ba cô gái được thể hiện lớn nhất qua Phương Định. Cô là một cô gái Hà Nội, vì yêu Tổ quốc nên đã vào chiến trường. Trong những ngày chiến tranh ác liệt này cô luôn nhớ lại và có mong được trở lại và sống trong hoà bình, yên ả, nó luôn tạo một khoảng yên ả, trầm tư trong lòng Định giữa những cơn căng thẳng, quyết liệt của chiến tranh. Cô đã vào chiến trường ba năm, đã quen với những thử thách nơi đây, quen với những nguy hiểm mà ngày ngày cô phải đối mặt, những khốc liệt của chiến trường nhưng cô vẫn giữ những ước mơ hồn nhiên về tương lai, những ước mơ hồn nhiên trong sáng. Phương Định là người hay mơ mộng "Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một

điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát", "mê hát và vô tư, đôi khi bò ra mà cười một mình". Cũng như chị Thao, cô rất yêu mến những người đồng đội, đặc biệt cô dành tình yêu vì lòng cảm phục cho những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ. Thú vị hơn cách cô tự đánh giá về mình: "Nói một cách khiêm tốn tôi là một cô gái khá". Tâm trạng của Định được miêu tả cụ thể, sinh động.

Bên cạnh đó nghệ thuật trong truyện cũng thành công. Truyện được kể theo ngôi thứ nhất, tác giả đã để nhân vật xưng "tôi" nói về mình, về những đồng đội, câu chuyện xung quanh công việc của mình. Đầu tiên tác giả đã để Phương Định xưng "tôi" kể câu chuyện "Chúng tôi có ba người. Ba cô gái". Việc lựa chọn ngôi kể càng làm cho việc kể thuận lợi, vừa miêu tả, vừa bộc lộ cảm xúc suy nghĩ của nhân vật. Khi nhân vật tôi là Phương Định tự nói chuyện, kể chuyện của mình cho chúng ta thấy rõ công việc của họ là thế nào "quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do địch gây ra, đánh dấu vị trí các trái bom chưa nổ và phá bom". Việc miêu tả cho thấy mức độ nguy hiểm của công việc này nhưng bên cạnh đó cái mà các ngôi kể khác không đạt được là nội tâm, là tâm trạng của các cô khi làm một công việc. "Việc nào cũng có cái thú của nó". Họ không lùi bước mà luôn tiến lên, luôn sát cánh vì Tổ quốc. Đặc biệt, truyện ngắn này có ngôn ngữ giọng điệu phù hợp với tình hình chiến đấu đang diễn ra ác liệt "Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng". Các câu này rất phù hợp với các nhân vật sống hồn nhiên, thoải mái, luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ và phù hợp với tính cách của người kể chuyện có tính cách lạc quan, vui vẻ. "Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ". Nhờ vậy truyện cho người đọc thấy được sự tự nhiên thoải mái, trẻ trung nhưng cũng đầy chất nữ tính.

Truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" đã thể hiện về những cô gái trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và tinh thần lạc quan, yêu đời. Truyện viết về đề tài chiến tranh, tuy có những chi tiết viết về bom đạn, chiến đấu... nhưng chủ yếu hướng nhiều vào nội tâm, hiện lên vẻ đẹp tâm hồn của người Việt Nam qua nghệ thuật của truyện. Qua đó cho ta thấy được vẻ đẹp xưa của các nữ thanh niên xung phong nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung, những người phụ nữ "anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang."

(Bài làm của một học sinh Hà Nội, trong *Những bài làm văn mẫu 9,*
Nxb tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 2007)

Đề 54

Em hãy phân tích nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn "*Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long.

BÀI LÀM

Nghệ thuật tập trung miêu tả cái đẹp tiêu biểu. Nếu cái đẹp là một cái gì gắn liền với cuộc sống, bắt nguồn từ lao động, tiêu biểu cho cái đẹp của cuộc sống phải được coi là đối tượng mô tả chủ yếu của nghệ thuật. Có lẽ xuất phát từ quan điểm ấy, Nguyễn Thành Long trong truyện ngắn "Lặng lẽ Sa Pa" của mình đã tập trung xây dựng các hình tượng nhân vật đẹp cả trong tâm hồn và tính cách. Trong số các nhân vật ấy, anh thanh niên làm công tác khí tượng ở Sa Pa gây một cảm xúc mạnh mẽ trong lòng người đọc.

Là một thanh niên hai mươi bảy tuổi, cái tuổi sôi nổi yêu đời ham hoạt động, anh đã tự nguyện nhận công tác một mình ở đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét. Công việc tưởng như đơn giản, chỉ cần đo gió, đo mưa, tính mây, tính nắng cho chính xác nhưng anh phải vượt qua bao nhiêu khó khăn thử thách. Anh tâm sự với ông họa sĩ già "gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy". Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như nhát chổi muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... "Nhưng có lẽ cái khó khăn nhất là phải sống một mình trên đỉnh núi, bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo, không một bóng người quanh năm suốt tháng. Ở chỗ đó, muốn gặp người khác, nhìn trông và nói chuyện là một điều khó. Vậy mà anh vượt qua tất cả vì sự gắn bó với công việc đến say mê khiến anh không cảm thấy cô độc, lẻ loi... "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được" vì anh thấy công việc của mình gắn liền với việc của bao anh em đoàn viên. Và nhất là anh thấy rõ với công việc của mình, anh đã được "dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Có hiểu được như vậy, mới thấy được hạnh phúc của anh khi được biết mình cũng góp phần vào cuộc chiến đấu hạ phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng. Đẹp đẽ biết bao, càng đọc tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa" ta càng phát hiện những nét đáng yêu, đáng quý của người thanh niên ấy. Anh ham mê đọc sách và nghiên cứu sách vở, tự lo liệu để thường xuyên có sách đọc. Anh tâm sự với cô gái trẻ "Cô cũng

thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện". Anh tạo cho mình cuộc sống sôi nổi, năng động, đầy hứng thú. Anh nuôi gà lấy trứng, trồng hoa lay ơn, thược dược, vàng, tím, đỏ rực rỡ. Anh trồng vườn cây thuốc quý, anh sắp xếp một căn nhà ba gian, sạch sẽ... Cuộc sống tinh thần của anh sáng như pha lê, không vương hạt bụi. Trong cuộc tiếp xúc ngắn ngủi ba mươi phút với bác lái xe, ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ, tính hiếu khách, thái độ nhân hậu, ấm tình người của anh làm ta cảm động. Anh lo lắng tìm thuốc quý để chữa bệnh cho vợ bác lái xe, anh hái hoa tặng cô gái, biếu làn trứng, làm thức ăn trưa cho những vị khách quý bất chợt ghé thăm. Những nét tính cách trên ánh lên vẻ đẹp tâm hồn của anh, người thanh niên sống trong chế độ mới, làm chủ tập thể. Thường, các tác giả rất quan tâm đến việc đặt tên cho các nhân vật. Nhưng trong "Lặng lẽ Sa Pa" thì lại không như vậy. Nhân vật chính của chúng ta không có tên. Tác giả chỉ gọi đơn giản là "Anh thanh niên" kèm theo là một nét vẽ đơn sơ "tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ". Có lẽ đó cũng là một dụng ý nghệ thuật của tác giả, nó phù hợp với tính cách quên mình của anh. Khi nói về sự làm việc lẻ loi, anh không muốn nói về mình mà nói về người khác "một mình thì anh bạn trên đỉnh Phăng–xi–păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai kia mới một mình hơn cháu". Khi anh họa sĩ già định vẽ ông thì anh giới thiệu "ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa, đồng chí cán bộ khoa học nghiên cứu làm bản đồ sét riêng cho nước nhà". Tính khiêm tốn, anh không muốn mình được đề cao.

Viết đến đây, ta lại nhớ đến bài thơ "Dáng đứng Việt Nam" của Lê Anh Xuân. Nhân vật trữ tình trong bài thơ của anh cũng là một người anh hùng "không một tấm hình, không một dòng địa chỉ" mà tác giả gọi bằng cái tên chung – Anh Giải phóng quân. Những người con của đất Việt đó đã gặp nhau ở đức tính hy sinh quên mình chăng? Những con người anh hùng vô danh ấy đã "ngày đêm làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước" một cách thầm lặng, không chút ồn ào, khoa trương. Họ làm việc, công tác rất sôi nổi hăng hái nhưng không lên gân, tâm hồn họ đẹp đẽ và trong sáng nhưng không đơn giản. Trong "Lặng lẽ Sa Pa" ta thấy họ là cả một tập thể: người bạn ở đỉnh núi Phăng–xi–păng, ông kỹ sư, người cán bộ khoa học. Qua thân thế, cuộc đời của một con người bình thường từ quần chúng mà ra ấy, nhà văn đã phản ánh được tư tưởng mới của thời đại Cách mạng chúng ta. Vì thế, nhân vật ấy trở thành điển hình và có tác dụng giáo dục mạnh mẽ.

Mặc khác, các nhân vật phụ trong truyện từ bác lái xe đến ông họa sĩ già cô gái trẻ đều góp phần làm cho hình ảnh anh thanh niên được sinh

động và đậm nét hơn. Bác lái xe xuất hiện chỉ có tác dụng dẫn dắt, giới thiệu nhân vật chính, nhưng chính lời nói của bác lại gây sự chú ý, hứng thú cho người đọc. Ông họa sĩ già với niềm say mê và sự suy tư trầm lắng trước sự xuất hiện bất ngờ của một đối tượng nghệ thuật, mà bao lâu ông khó nhọc săn tìm, đã đem đến cho hình tượng anh thanh niên một vẻ đẹp hồn nhiên, chân thật mà cũng hết sức độc đáo.

Đặc biệt là cuộc gặp gỡ bất ngờ của cô kỹ sư nông nghiệp với anh cán bộ khí tượng trẻ tuổi. Cô gái bàng hoàng khi đột nhiên khám phá trên mấy trang sách đọc dở của anh cuộc sống tinh thần tuyệt đẹp.

Những nét miêu tả tinh tế của tác giả về tâm tư, dáng điệu, cử chỉ góp phần tô điểm thêm một cách ý nhị, duyên dáng cho bức chân dung của nhân vật chính.

Trong tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa" không có nhân vật tiêu cực nhưng không phải vì thế mà tác phẩm kém giá trị hiện thực. Nhân vật của Nguyễn Thành Long gần gũi, quen thuộc với chúng ta vì tính cách nhân vật được bộc lộ qua những quan hệ thường ngày, qua những nỗi niềm, tâm sự, suy nghĩ... chứ không qua những biến cố, sự kiện ồn ào.

Những thắng lợi và thất bại, niềm vui sướng và sự đau xót, cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới... ngày nay đang diễn ra xáo động, rạo rực đêm ngày. Những mầm mống, những yếu tố mới, những hy vọng mới cứ kế tiếp nhau ngày càng nảy nở. Đó là cảm nghĩ của chúng ta sau khi đọc xong những trang cuối cùng câu chuyện. Những con người rõ nét, xinh đẹp, say sưa lao động, nhiệt tình yêu cuộc sống hiện lên trong sách. Những hình tượng thu hút trí tưởng tượng và tình cảm của ta, làm ta thiết tha yêu mến và đồng tình, mong muốn noi gương sống như những con người đó.

NGUYỄN CẨM PHƯƠNG

Bồi dưỡng Văn năng khiếu lớp 9, NXB Đà Nẵng, 2001)

Đề 55

Cảm nghĩ của em về nhân vật Nhĩ trong truyện "*Bến quê*" của Nguyễn Minh Châu.

BÀI LÀM

"Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người"

Nhà thơ Đỗ Trung Quân đã thật tài tình khi đưa ra một triết lí – triết lí về quê hương, về mối quan hệ khăng khít giữa sự trưởng thành của mỗi người với quê hương. Nhà văn Nguyễn Minh Châu chắc cũng có sự đồng điệu trong tâm hồn với thi sĩ Đỗ Trung Quân ở điểm này khi viết truyện "*Bến quê*". Truyện gợi cho ta một cảm giác nhẹ nhàng cùng những suy nghĩ sâu xa về quê hương xứ sở, mà nhân vật Nhĩ trong câu chuyện là hình bóng một con người rất thực với đời sống nội tâm phong phú đầy trải nghiệm.

Câu chuyện viết về số phận của Nhĩ, một người đàn ông đã từng bôn ba, được đi nhiều nơi, tiếp xúc nhiều người, chiêm ngưỡng bao vẻ đẹp kì quan của thế giới, nhưng đến cuối đời, khi bị một căn bệnh hiểm nghèo phải nằm liệt giường, anh mới nhận ra vẻ đẹp tâm hồn của vợ cũng như vẻ đẹp bình dị của bãi bồi bên kia sông, bến quê của vợ mà chưa một lần anh đặt chân đến.

Đọc truyện, từ những hình ảnh thiên nhiên lướt qua lăng kính của Nhĩ gợi ta liên tưởng đến những biểu tượng của cuộc sống giàu ý nghĩa.

Trước hết, đó là vẻ đẹp của bãi bồi bên kia sông theo tầm nhìn của Nhĩ từ gần tới xa trong buổi sáng thu. Bức tranh ấy gợi lên vẻ trong trẻo, tươi mát của một vùng quê ven sông Hồng thông qua những hình ảnh quen thuộc: dòng sông Hồng uốn lượn, bầu trời cao rộng, bãi cát phẳng lì, những bông hoa bằng lăng tím tô điểm thêm vẻ dịu dàng duyên dáng. Đó là những hình ảnh rất thực, rất quen thuộc, gần gũi nhưng lại rất mới mẻ với Nhĩ, bởi anh có cảm giác như lần đầu tiên anh mới nhìn thấy. Bức tranh đó cũng là vẻ đẹp của cuộc sống, những cái bình dị quen thuộc của quê hương xứ sở.

Hình ảnh những bông hoa bằng lăng cuối mùa màu sắc như đậm hơn, cùng những tảng đất lở ở bờ sông bên này khi cơn lũ đầu nguồn sắp về đổ ụp vào giấc ngủ của Nhĩ lúc gần sáng, là những chi tiết gợi cho ta

liên tưởng tới sự sống của Nhĩ đang ở những ngày cuối cùng. Đặt trong suy nghĩ của nhân vật trước lời anh hỏi vợ, ta cảm nhận được cuộc sống buồn tẻ chán ngán và đầy tuyệt vọng, cái chết đang đến dần với anh.

Có thể nói, nghệ thuật tạo dựng hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng của câu chuyện giúp ta hiểu sâu hơn về tâm lí nhân vật và khám phá thêm nhiều điều trong tâm hồn của một con người đang tàn tạ ấy. Đặc biệt, đi sâu vào tìm hiểu những suy ngẫm và khát vọng của anh, ta mới thấy đó là những triết lí sâu xa về cuộc đời.

Biểu hiện đó trước hết trong cảm nhận của Nhĩ về Liên (vợ anh). Lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên đang mặc tấm áo vá, những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai của anh, và Nhĩ nhận ra tất cả tình yêu thương, sự tần tảo và đức hy sinh thầm lặng của vợ. Anh nói với chị Liên: *"Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm mà em vẫn nín thinh"*. Còn chị Liên đã trả lời *"Có hề sao đâu, miễn là anh sống, luôn luôn có mặt anh, tiếng nói của anh trong gian phòng này"*. Chính trong những ngày cuối đời, Nhĩ mới thực sự thấu hiểu với lòng biết ơn sâu sắc người vợ của mình. *"Cũng như cảnh bãi bồi đang nằm phơi mình bên kia, tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tảo tần và chịu đựng hy sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ có điều đó mà sau nhiều ngày tháng bôn tẩu tìm kiếm... Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này"*.

Niềm khao khát của Nhĩ là được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông để được chiêm ngưỡng và tận hưởng vẻ đẹp rất đỗi bình dị và gần gũi qua ô cửa sổ căn phòng. Đồng thời cũng hiểu rằng mình sắp giã biệt cõi đời, ở Nhĩ bừng dậy một niềm khao khát vô vọng là được đặt chân một lần lên cái bãi bồi bên kia sông. Điều ước muốn ấy chính là sự thức tỉnh về giá trị bền vững bình thường và sâu xa của cuộc sống – những giá trị thường bị người ta bỏ qua, lãng quên, nhất là lúc còn trẻ, khi những ham muốn xa vời đang lôi cuốn con người ta tìm đến. Sự thức tỉnh này chỉ đến được với người ta ở cái độ đã từng trải, với Nhĩ thì đó là lúc cuối đời, khi phải nằm liệt trên giường bệnh, bởi thế, đó là sự thức tỉnh xen với niềm ân hận và nỗi xót xa. *"Họa chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia"*.

Không thực hiện được điều ước muốn bằng khả năng của mình, anh đành nhờ cậu con trai đến bãi bên kia sông để giúp anh thỏa niềm mong ước cuối cùng ấy. Nhưng nó làm một cách miễn cưỡng và bị cuốn

hút vào trò chơi phá cờ thế trên đường và có thể lỡ chuyến đò sang ngang duy nhất trong ngày. Những hành động, cử chỉ của cậu con trai phải chăng chính là hình ảnh của Nhĩ thuở nào. Chính vì vậy anh đã ngẫm ra một triết lí về cuộc sống: "*Con người ta trong đời khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc trùng trình*". Triết lí ấy là của một con người đã trải nghiệm có ước muốn xa vời mà cuộc đời khi trẻ vô tình bỏ qua những cái bình dị ngay bên ta. Anh Nhĩ nhìn đứa con không hiểu được điều anh nhờ nó nên anh đã rút ra triết lí sâu xa đó như nỗi niềm đau đớn, pha lẫn sự ân hận của riêng anh. Vậy là không phải triết lí của một mà của hai thế hệ anh nhìn thấy, nên nó có tính chất quy luật tâm lí của con người. Hiểu được triết lí đó ta mới hiểu được ý tưởng sâu xa của tác giả như muốn khuyên mỗi chúng ta đừng lãng phí thời gian vào những điều vòng vèo, trùng trình mà cần trân trọng những giá trị bền vững, những vẻ đẹp bình dị của cuộc đời ở ngay quanh ta.

Hành động anh khoát tay ra hiệu cho con như giục nó, cùng với việc anh nhoài người về phía cửa sổ như cố truyền lấy những khát vọng tâm hồn đẹp đẽ, chân thành để thức tỉnh đứa con hay mỗi chúng ta về những cái vòng vèo, trùng trình mà chúng ta đang sa vào trên đường đời để dứt ra khỏi nó, để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị, gần gũi và bền vững.

Nhân vật Nhĩ trong truyện là nhân vật tư tưởng, một loại nhân vật nổi lên trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu trong giai đoạn sau 1975. Nhà văn đã gửi gắm qua nhân vật nhiều điều quan sát, suy ngẫm, triết lí về cuộc đời và con người. Những chiêm nghiệm, triết lí đã được chuyển hóa vào cuộc sống nội tâm của nhân vật, với diễn biến của tâm trạng dưới sự tác động của hoàn cảnh được miêu tả tinh tế, hợp lí. Nhân vật gợi cho ta nhiều suy ngẫm về cuộc sống, về chính bản thân mình một cách nhẹ nhàng, thấm thía.

(Theo *Những bài làm văn hay THCS 9*
– NXB Đại học Sư phạm, 2005)

Đề 56

Cảm nghĩ của em về tình bạn qua đoạn trích "Những đứa trẻ" của Mác-xim Go-rơ-ki.

BÀI LÀM

Đoạn trích "Những đứa trẻ" của nhà văn Nga Mác–xim Go–rơ–ki đã khiến cho chúng ta phải rung cảm trước hoàn cảnh của những đứa trẻ đáng yêu, phải sống trong sự thiếu thốn tình cảm gia đình và cũng khiến cho chúng ta cảm phục về tình bạn trong sáng của chúng.

Đoạn trích "Những đứa trẻ" trích trong tác phẩm "Thời thơ ấu" được Mác–xim Go–rơ–ki viết vào những năm 1913 – 1914, cũng là những năm tháng sự phân biệt giàu nghèo trong xã hội Nga trở nên gay gắt. Tác phẩm mang tính chất tự thuật về chính cuộc đời của tác giả và những người hàng xóm, người thân trong gia đình ông. Đoạn trích là bức tranh sinh động về cuộc đời và số phận của những đứa trẻ và tình bạn trong sáng của chúng. Những nhân vật trong tác phẩm không được tác giả đặt tên, nó giúp cho bài văn mang tính chất khái quát hơn và đồng thời cũng làm cho câu chuyện mang đậm màu sắc cổ tích.

Số phận của những đứa trẻ gợi lên trong người đọc lòng thương cảm trước hoàn cảnh khó khăn của chúng. Sống trong một xã hội phân biệt đẳng cấp giàu – nghèo rõ ràng, nhân vật tôi và ba đứa trẻ không có điều kiện để phát triển một tình bạn. Nhân vật tôi cũng như ba đứa trẻ nhà ông đại tá có chung một hoàn cảnh đó là không được nhận tình yêu thương từ cha mẹ. Khác với những đứa trẻ bình thường, nhân vật tôi phải sống chung với ông bà ngoại vì bố mất sớm, mẹ đi lấy chồng khác. Đã thế ông ngoại còn là một người khó tính nên nhân vật tôi thường bị đe doạ và bị đánh đòn một cách oan uổng. Còn ba đứa trẻ nhà ông đại tá thì mồ côi mẹ từ nhỏ, bố lấy vợ khác, chúng phải sống với bố và dì ghẻ – là những người mà chẳng bao giờ thấy chúng kể cho nhân vật tôi nghe. Chỉ biết rằng, bố của chúng là một người khó tính, hách dịch, luôn luôn cấm đoán chúng mọi thứ, nhất là chơi với nhân vật tôi và còn luôn đánh đòn chúng nữa. Chúng đều là những đứa trẻ đáng thương, không được nhận tình yêu thương từ cha mẹ và cũng không được yêu thương, chăm sóc chu đáo. Chúng có chung một nỗi bất hạnh là luôn luôn bị cấm đoán và bị đánh đòn. Trong hoàn cảnh đó, chúng cần một người mẹ, một người mẹ luôn luôn quan tâm, chăm sóc và dành cho chúng tình yêu thương.

Và tình bạn đã thay thế cho tình mẫu tử, nó đã bù đắp phần nào cho nỗi bất hạnh của những đứa trẻ. Phải sống trong một xã hội như thế, một gia đình như thế nhưng chúng vẫn là những đứa trẻ ngoan ngoãn, trong sáng và nhân hậu. Không chỉ cùng hoàn cảnh mà chúng còn có những sở thích giống nhau, đó là thích nghe kể chuyện cổ tích. Dù biết những câu chuyện đó chẳng hề có thật nhưng chúng vẫn say sưa nghe kể. Chúng thường kể cho nhau nghe qua một ngách hẹp giữa bức tường nhà nhân vật tôi và hàng rào nhà Óp-xi-an-ni-cốp. Và chúng còn thích chim, thích nghe tiếng chim hót nhưng lại sợ không được phép nuôi nên chúng cũng chẳng dám bắt nữa. Sống trong một xã hội phân chia đẳng cấp giàu – nghèo rõ ràng, tuy là hàng xóm nhưng gia đình nhân vật tôi và gia đình ba đứa trẻ không hề thân thiện. Người lớn cũng cấm những đứa trẻ không được nói chuyện và chơi với nhau. Nhưng bất chấp mọi cản trở trong quan hệ xã hội lúc bấy giờ, tình bạn thân thiết giữa những người bạn cùng cảnh ngộ đã nảy sinh và phát triển. Tình bạn mang lại cho chúng lòng dũng cảm và tâm hồn cao thượng. Nhân vật tôi dành cho ba đứa trẻ sự thông cảm với cuộc sống thiếu thốn tình thương và nỗi bất hạnh của chúng. Còn ba đứa trẻ mang lại cho nhân vật tôi một tình bạn ấm áp, chia sẻ những sở thích chung mà từ trước tới giờ nhân vật tôi chưa từng có được. Chúng đến với nhau, không bằng vật chất để chia sẻ mà bằng tình cảm trong sáng và nhân hậu. Dù có bị la mắng, bị đánh đòn cấm đoán, nhưng chúng vẫn là bạn của nhau. Đối với chúng thì tình bạn là tất cả, dù cho mọi rào cản của xã hội có được dựng lên thì cũng không thể nào ngăn cản tình bạn của chúng phát triển.

Bằng cách kể chuyện nhẹ nhàng, hấp dẫn, nhà văn Nga Mác-xim Go-rơ-ki đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc và nhiều cảm xúc cho người đọc. Tác giả đã kết hợp nhiều phương thức biểu đạt như tự sự, miêu tả... Việc kết hợp giữa hiện tại và cổ tích, cuộc sống đời thường được lồng vào thế giới cổ tích làm cho đoạn văn thêm gợi cảm, hấp dẫn đồng thời cũng thể hiện ước mơ của những đứa trẻ đáng thương. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng cách kể chuyện và miêu tả nội tâm nhân vật, khiến cho các nhân vật trong tác phẩm hiện lên với từng tính cách riêng, thể hiện một thế giới nội tâm riêng của mỗi con người, giúp cho người đọc có thể hiểu được nỗi bất hạnh và niềm khát khao được nhận tình yêu thương của những đứa trẻ.

"Những đứa trẻ" không chỉ để lại cho người đọc lòng thương cảm đối với số phận bất hạnh của tuổi ấu thơ mà còn có tác dụng giáo dục sâu sắc về một tình bạn trong sáng và nhân hậu. Đồng thời như một lời nói với

người lớn: "Trẻ em đang mong ước và chờ đợi tình cảm yêu thương từ người lớn dành cho chúng". Qua câu chuyện "Những đứa trẻ", thế giới cổ tích như hiện ra, và đó cũng chính là mơ ước của những đứa trẻ: mơ ước về người mẹ hiền từ và được sống trên một trái đất không còn sự buồn bã, mơ ước về một xã hội về một gia đình giàu lòng yêu thương con trẻ.

Với ngòi bút kể chuyện tài tình của nhà văn Nga Mác–xim Go–rơ–ki, tình bạn thân thiết giữa ông hồi còn nhỏ với mấy đứa trẻ bên hàng xóm, bất chấp những cản trở trong quan hệ xã hội lúc bấy giờ được thuật lại một cách sinh động. Đó là một tình bạn trong sáng, ấm áp, hồn nhiên của tuổi thơ rất đáng trân trọng.

Lê Ngọc Linh

Lớp 9D Trường THCS Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 57

Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật chú bé Xi–mông và bác thợ rèn Phi–líp trong truyện ngắn "Bố của Xi–mông" của Mô–pa–xăng.

BÀI LÀM

Truyện ngắn "Bố của Xi–mông" của nhà văn Pháp Mô–pa–xăng đã thể hiện rõ tâm trạng của ba nhân vật chính trong truyện là Xi–mông, bác Phi–líp, chị Blăng–sốt, qua đó nhắc nhở chúng ta lòng yêu thương con người.

Bài viết theo trình tự sự việc, qua từng sư việc thể hiện tính cách, tâm trạng của từng nhân vật. Trong truyện ngắn, mỗi nhân vật có một hoàn cảnh khác nhau nhưng có một điểm chung là tình cảm họ dành cho nhau rất chân thành.

Xi–mông là một em bé có hoàn cảnh éo le. Em không có bố, em sinh ra và lớn lên trong sự nuôi dưỡng dạy dỗ của mẹ. Đến khi đi học, ngày đầu tiên đến trường em đã bị bạn bè chế giễu, rằng em không có bố. Em buồn bã, tuyệt vọng, tuy nhiên em là một đứa trẻ không biết cách tìm một người nào đó tâm sự mà lại có ý định ra sông để tìm đến cái chết. Ra bờ sông, em nhìn thấy cảnh đẹp, thấy chú nhái xanh, em liền lăn vào cảnh đẹp và vui chơi, các ý nghĩ ban đầu của em biến mất, như bao đứa trẻ, em

không thể từ chối những trò chơi hấp dẫn. Nhưng chợt nhớ ra ý nghĩ ban đầu, em lại buồn bã và khóc, khóc hoài. Trong đầu em bây giờ không thể nghĩ ra cái gì, không thể nào nghĩ ra cách để em có bố. Em chỉ là một cậu bé bảy tuổi, tính cách rất trẻ con, chưa biết suy nghĩ nhiều. Gặp bác Phi-líp, được bác nói rằng: "Người ta sẽ cho cháu một ông bố", Xi-mông liền vui vẻ theo bác về nhà, vì em nghĩ rằng người ta có thể dễ dàng cho nhau một ông bố, chuyện đó rất đơn giản. Về nhà, em khóc lóc với mẹ, rồi quay ra hỏi bác Phi-líp: "Bác có muốn làm bố của cháu không?". Không thấy bác trả lời, em liền đưa cái chết ra dọa dẫm. Dường như, em vẫn chưa tin bác Phi-líp; muốn khẳng định lại việc bác vừa nói, thể hiện Xi-mông rất trẻ con, chưa hiểu được mọi việc, em rất muốn có bố để có thể hãnh diện cùng bạn bè. Dù vậy, ta vẫn nhận thấy lòng khát khao có bố của Xi-mông, em đã được mẹ chăm sóc, nhưng em vẫn cần sự dũng mãnh, tự tin, sự che chở của người bố.

Một người đàn ông giàu lòng nhân ái, đã nhận làm bố của Xi-mông, chính là bác Phi-líp. Bác đã gặp Xi-mông trong lúc em đang khóc, bác ân cần hỏi thăm, an ủi em, giúp cho em không buồn bã. Một người đàn ông biết quan tâm đến người khác, rất ân cần điềm đạm, đặc biệt là một người yêu trẻ. Biết hoàn cảnh của mẹ con chị Blăng-sốt, bác không những không từ chối, mà còn nhận làm bố Xi-mông. Tình cảm của bác dành cho mẹ con chị Blăng-sốt là sự cảm thông trước nỗi hổ thẹn của chị. Bác cảm thấy thương cho Xi-mông, em còn quá nhỏ để đón nhận sự thật rằng em không có bố. Ta cảm nhận trong con người của bác Phi-líp là tấm lòng hào hiệp, hết sức nhân từ. Cảm động trước tình cảm của hai mẹ con, bác muốn chia sẻ một phần nỗi đau, nỗi buồn mà hai mẹ con chị Blăng-sốt đã phải nhận. Với tấm lòng nhân ái, thương yêu con người của bác Phi-líp, bác thực sự là một người đàn ông có thể gửi gắm niềm tin.

Người phụ nữ đã sinh ra, nuôi dưỡng, dạy dỗ Xi-mông bao lâu nay là mẹ của em, chị Blăng-sốt. Chỉ vì một lầm lỡ, sinh ra Xi-mông không có bố, chị đã vất vả một mình nuôi nấng Xi-mông. Dành cho con tình yêu thương của cả cha lẫn mẹ, chị không bao giờ muốn con trai mình phải buồn bã vì bất cứ chuyện gì. Và thực sự, Xi-mông chưa bao giờ buồn và thấy thiếu vắng trong gia đình bóng dáng của người bố. Có thể nói em đã nhận được tình yêu thương vô bờ bến của mẹ, mà không thấy vắng cha. Cho đến khi, con bị bạn bè chế giễu, buồn khóc với mẹ, chị ôm lấy con mà trong lòng đau xót tê tái, chị thấy hổ thẹn, đau đớn tột cùng, mà không thể nói thành tiếng. Nỗi đau chị đã phải chịu đựng hàng bao năm

nay, tưởng chừng như có thể quên đi vĩnh viễn. Nỗi đau khổ càng tăng lên càng cho ta thấy nhân cách của chị là một người phụ nữ đức hạnh, người mẹ rất đỗi yêu con đồng thời là một con người giàu lòng tự trọng. Một mình nuôi dưỡng con mà không có sự giúp đỡ của chồng, chị vẫn làm tốt trong vai trò của cả cha và mẹ. Ngôi nhà mà hai mẹ con chị đang sống là một ngôi nhà nhỏ, quét vôi trắng, hết sức sạch sẽ. Chỉ cần nhìn vẻ ngoài của ngôi nhà, ta vẫn nhận thấy trong gia đình có bàn tay của một người phụ nữ đảm đang, chị đã sắp xếp cho hai mẹ con một cuộc sống ngăn nắp. Tuy gia đình còn khó khăn, còn nghèo, nhưng luôn ấm áp, bởi nó được sưởi ấm bằng chính tình yêu thương của mẹ. Khi con dẫn một người lạ về nhà, lại nhận làm bố, chị cảm thấy hổ thẹn và lòng tự trọng của mình bị tổn thương. Điều này càng chứng tỏ nhân cách trong sáng của một người phụ nữ đức hạnh.

Thông qua truyện ngắn "Bố của Xi–mông", tác giả muốn gửi đến người đọc một thông điệp: "Con người hãy sống với nhau bằng tình yêu thương, cảm thông chia sẻ, đừng bao giờ sống tàn nhẫn, cười cợt trên nỗi đau của người khác". Người đọc cũng cảm nhận được tình mẫu tử thiêng liêng, bền chặt không bao giờ thay đổi. Đó chính là bài học cho chúng ta hãy sống nhân ái, thương yêu, luôn giúp đỡ mọi người – một bài học triết lí sâu sắc đối với mỗi chúng ta.

Nguyễn Kiều Vân

Lớp 9D Trường THCS Nghĩa Tân

quận Cầu Giấy – Hà Nội

Đề 58

Em hãy phân tích "*Chuyện người con gái Nam Xương*" của Nguyễn Dữ để nêu bật giá trị tố cáo xã hội và giá trị nhân đạo sâu sắc của tác phẩm này.

BÀI LÀM

Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những truyện hay trong *Truyền kì mạn lục,* một tác phẩm văn xuôi bằng chữ Hán ở Việt Nam thế kỉ XVI. Truyện được Nguyễn Dữ viết trên cơ sở một truyện dân gian Việt Nam, cốt truyện và nhân vật gắn liền với một không gian cụ thể, một chứng tích cụ thể để phản ánh một vấn đề bức thiết của xã hội đương thời; đó là thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Truyện kể về cuộc đời và số phận bi đát của Vũ Nương, người con gái ở huyện Nam Xương, nết na, thùy mị. Chồng nàng là Trương Sinh, con nhà giàu có nhưng ít học, tính vốn đa nghi, đối với vợ thường đề phóng quá mức. Khi Trương Sinh đi lính, một mình Vũ Nương ở nhà chăm lo nhà cửa, mẹ già, con thơ. Khi giặc tan, Trương Sinh trở về nhà thì mẹ đã qua đời, con trai đang học nói. Đứa con nhất định không chịu nhận chàng làm bố vì bố nó "đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi". Nghe con nói, chàng ngờ vợ mình thất tiết, đánh đuổi nàng đi. Uất ức quá, Vũ Nương gieo mình xuống sông mà chết. Được các nàng tiên cứu, nàng sống ở Thủy cung cùng vợ vua Nam Hải. Một lần gặp người làng là Phan Lang cũng được tiên cứu, nàng nhờ Phan Lang nói với chồng lập đàn giải oan cho nàng. Trong lễ giải oan nàng hiện về và ngỏ lời vĩnh biệt với Trương Sinh.

Câu chuyện chỉ là một vụ ghen tuông bình thường trong một gia đình cũng bình thường như trăm nghìn gia đình khác, nhưng lại mang ý nghĩa tố cáo xã hội vô cùng sâu sắc. Một người phụ nữ nết na lấy phải anh chồng hay ghen lại còn độc đoán. Và chỉ vì một chuyện bông đùa với con khi xa chồng, vì chồng nàng quá tin lời con trẻ, cũng vì tính tình ghen tuông mù quán, chồng nàng đã nghi oan cho nàng, tàn nhẫn đối với nàng, khiến nàng phải tìm đến cái chết trên bến Hoàng Giang. Nỗi oan này tày trời của nàng đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất trong xã hội đầy rẫy oan trái, bất công, quyền sống con người không được đảm bảo, người phụ nữ với số phận bèo dạt, mây trôi, có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống đầu mình bất cứ lúc nào, chỉ vì những nguyên cớ vu vơ. Rõ ràng xã hội phong kiến suy tàn đã sinh ra những Trương Sinh với đầu óc nam quyền độc đoán, là những nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải hứng chịu. Vì vậy, khi sống ở Thủy xung, nàng đã có lúc định trở về quê cũ, và tại lễ giải oan mặc dù nặng lòng với quê hương, đã tha thứ cho cả những lỗi lầm của Trương Sinh nhưng cuối cùng nàng vẫn dứt áo ra đi, sống ở một thế giới khác: "Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa". Chi tiết mang tính chất truyền kì ấy nói lên thái độ phủ định của Vũ Nương, của người phụ nữ đối với "nhân gian", đối với xã hội phong kiến thối nát vì ở đó họ không tìm thấy niềm vui, không tìm thấy hạnh phúc.

Bên cạnh giá trị tố cáo xã hội phong kiến suy tàn, *Chuyện người con gái Nam Xương* còn đề cao phẩm giá người phụ nữ. Khi còn sống, Vũ Nương là người vợ đảm dâu hiền. Lúc sống bên chồng, nàng "giữ gìn

khuôn phép", không lúc nào để vợ chồng bất hòa. Lúc chồng đi lính, một mình nàng quán xuyến mọi việc, nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng đau ốm và khi mẹ chồng mất, nàng lại "lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình". Còn đối với chồng, nàng một dạ thủy chung. Sau khi đã chết, được sống ở thủy cung nguy nga, lộng lẫy, nhưng khi nghe Phan Lang gợi nhớ đến quê hương, nang xúc động "ứa nước mắt khóc". Nàng giải bày tâm sự: "Có lẽ không gửi hình ẩn bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày". Đọc đến đây, không ai tránh khỏi những xúc động trước tấm lòng nặng nghĩa nặng tình với quê hương của nàng. Tuy vừa được cứu sống, lại được sống một cuộc sống nhung lụa bên cạnh những nàng tiên tốt bụng nhưng lòng nàng lúc nào cũng nhớ đến quê, cùng tâm niệm sẽ có ngày về. Vũ Nương dưới ngòi bút Nguyễn Dữ lúc sống một cuộc sống đời thường cũng như khi sống ở Thủy cung lộng lẫy, là một người phụ nữ đẹp, đẹp cả về hình dáng lẫn phẩm giá, tâm hồn. Đổi lại sự hi sinh to lớn của nàng, đáng ra nàng không phải nhận một cái chết như vậy, nhưng xã hội phong kiến tàn bạo đã nhẫn tâm chà đạp lên cuộc đời, lên hạnh phúc nhỏ bé của nàng.

Có thể nói *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ là một câu chuyện xây dựng từ cốt truyện lấy trong dân gian, nhưng rõ ràng với tấm lòng yêu thương con người sâu sắc, cùng với bút pháp kể chuyện già dặn qua những chi tiết chân thật, đời thường, đan xen với những chi tiết kì ảo hoang đường, Nguyễn Dữ đã xây dựng được hình tượng nhân vật Vũ Nương sống động, mang ý nghĩa giáo dục sâu sắc và để lại cho người đọc một bài học về lòng yêu thương con người trong một xã hội còn nhiều oan trái, bất công.

Đặng Tiến Đạt

(Lớp 9G Trường THCS Nghĩa Tân, Cầu Giấy – Hà Nội)

D. THƠ TÁM CHỮ

I. NHẬN DIỆN THỂ THƠ TÁM CHỮ

1. **Ví dụ 1:**

Nhịp: Vần:

(3–5) Mẹ cùng cha/công tác bận không ***về***
(4–4) Cháu ở cùng bà/bà bảo cháu ***nghe***] gieo liên tiếp: *vần bằng*
(4–4) Bà dạy cháu làm, /bà chăm cháu ***học***
(3–5) Nhóm bếp lửa/nghĩ thương bà khó ***nhọc***] gieo liên tiếp: *vần trắc*
(3–5) Tu hú ơi!/Chẳng đến ở cùng ***bà***
(3–5) Kêu chi hoài/trên những cánh đồng ***xa***?] gieo liên tiếp: *vần bằng*

(Bằng Việt, *Bếp lửa*)

2. **Ví dụ 2:**

(3–5) Yêu biết mấy,/ những dòng sông bát ***ngát*** — Gieo gián cách: *vần trắc*
(3–5) Giữa đôi bờ/ dào dạt lúa ngô ***non***
(3–5) Yêu biết mấy,/ những con đường ca ***hát*** — Gieo gián cách: *vần bằng*
(3–5) Qua công trường/ mới dựng mái nhà ***son!***
(3–5) Yêu biết mấy, / những bước đi dáng ***đứng*** — Gieo gián cách: *vần trắc*
(3–5) Của đời ta/ chập chững buổi đầu ***tiên***
(3–5) Tập làm chủ,/ tập làm người xây ***dựng*** — Gieo gián cách: *vần bằng*
(3–5) Dám vươn mình/ cai quản lại thiên **nhiên!**

(Tố Hữu, *Mùa thu mới*)

II. ĐẶC ĐIỂM CỦA THỂ THƠ TÁM CHỮ

Thể thơ tám chữ là thể thơ khá phổ biến trong thơ hiện đại Việt Nam, bao gồm các đặc điểm sau đây:

a) Số chữ mỗi dòng: 8.

b) Số câu trong một bài: không hạn định.

c) Số đoạn trong một bài: không hạn định, với các đoạn bài và đoạn ngắn.

d) Nếu chia thành khổ thì mỗi khổ thường gồm 4 dòng.

e) Cách gieo vần: Có nhiều cách nhưng phổ biến nhất là ***vần chân:***

– Vần liền: gieo liên tiếp từng cặp vần bằng, vần trắc, lại vần bằng...

– Vần cách: gieo gián cách từng cặp vần trắc, vần bằng, lại vần trắc...

g) Cách ngắt nhịp: Rất đa dạng (2–3–3; 3–2–3; 4–4; 3–5...) nhưng phổ biến nhất là cách ngắt nhịp ***3–5*** (như trong 2 ví dụ trên đây).

III. THỰC HÀNH VỀ THƠ TÁM CHỮ

Đề 59

Tập làm một bài thơ 8 chữ theo đề tài tự chọn: học tập, sinh hoạt Đoàn, Đội, tình thầy trò, Ngày Nhà giáo Việt Nam 20–11,... Cố gắng vận dụng các qui định về luật thơ trên đây để viết thành bài thơ 8 chữ của mình. Sau đây giới thiệu bài thơ 8 chữ của một bạn học sinh về đề tài Ngày Nhà giáo Việt Nam 20–11.

BÔNG HOA CỦA TÌNH THẦY TRÒ

Sung sướng quá ngày hai mươi đã đến
Tháng mười một này em tặng thầy cô
Điểm chín, điểm mười là những bông hoa
Của lòng em gửi đến thầy cô giáo.
Nhớ lời dặn thầy cô hằng chỉ bảo
Em cố học chăm hơn những ngày nào
Cho thầy cô được thoả chí ước ao
Đã dạy dỗ em qua bao ngày tháng.
Và hôm nay ngày hội vui đã đến
Em thấy lòng tràn ngập nỗi hân hoan
Thay cho bông hoa màu tím màu vàng
Em xin tặng tình em yêu kính nhất.

Đoàn Phương Mai
Học sinh lớp 9E Trường THCS
Nguyễn Trường Tộ – Hà Nội
(Trích báo tường ngày 20–11–2004).

IV. GIỚI THIỆU HAI BÀI THƠ TÁM CHỮ

Để các em có thể tiếp xúc và làm quen hơn với thể thơ tám chữ nhằm vận dụng thực hành tập làm thơ tám chữ, dưới đây giới thiệu thêm hai bài thơ tám chữ của hai nhà thơ quen biết viết về đề tài học sinh trong nhà trường:

1. Bài *Tựu trường* của nhà thơ Huy Cận.

2. Bài *Nghỉ hè* của nhà thơ Xuân Tâm.

Các em đọc, tìm hiểu về *cách gieo vần, nhịp thơ* và đặc biệt là *mạch thơ* tuôn chảy từ đầu đến cuối bài thơ nhờ các yếu tố nghệ thuật của thể thơ tám chữ.

TỰU TRƯỜNG

Giờ nao nức của một thời trẻ dại
Hỡi ngói nâu, hỡi tường trắng, cửa gương!
Những chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Rương nho nhỏ với linh hồn bằng ngọc.
Sắp hạnh phúc như chương trình lớp học
Buổi chiều đầu họ tìm bạn kết duyên;
Trong sân trường tưởng dạo giữa Đào viên;
Quần áo trắng đẹp như lòng mới mẻ
Chân non dại ngập ngừng từng bước nhẹ;
Tim run run trăm tình cảm rụt rè;
Tuổi mười lăm gấp sách lại đứng nghe
Lòng mới mở giữa tay đời ấm áp.
Tựu trường đó; lòng tôi vừa bắt gặp
Nỗi xôn xao thầm lặng ở trong rương
Của chàng trai mười lăm tuổi vào trường
Mắt tin cậy và tóc vừa dưỡng rẽ
Người bạn nhỏ cho lòng tôi theo ghé
Không nỗi gì có thể vuốt ve hơn
Đêm tựu trường mùi cửa sổ mới sơn
Tủ mới đánh và lòng trai thơm ngát.

Huy Cận

NGHỈ HÈ

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết
Đoàn trai non hớn hở rủ nhau về
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!

Một nét mặt trăm tiếng cười rộn rã
Lời trên môi chen chúc nối nghìn câu
Chờ đêm nay sáng sớm bước lên tàu
Ăn chẳng được lòng nôn nao khó ngủ.

Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ
Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi em trông
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.

Kiểm soát kỹ: có khi còn thiếu sót:
Rương chật rồi khó nhốt cả niềm vui.
Tay bắt tay hồn không chút bùi ngùi
Các bạn hỡi, trời mai đầy ánh sáng.

Xuân Tâm

Mục lục

D. THƠ TÁM CHỮ

Những bài làm văn tiêu biểu 9

TS. Nguyễn Xuân Lạc

GIA LAI:

NS NHÂN DÂN – 06 Lê Lợi – Pleiku
CÔNG TY SÁCH TBTH – 40B Hùng Vương

DAKLAK:

NS GIÁO DỤC – 19 Trường Chinh
NS LÝ THƯỜNG KIỆT – 55 – 57 Lý Thường Kiệt
CÔNG TY CP VĂN HÓA DAKLAK – 01 Hai Bà Trưng

KONTUM:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH - 129 Phan Đình Phùng

LÂM ĐỒNG:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 09 Nguyễn Văn Cừ – Đà Lạt
CÔNG TY CP IN VÀ PHS – 18 Khu Hòa Bình – Đà Lạt

DAK NÔNG:

CÔNG TY SÁCH TBTH – 151 Hai Bà Trưng
NS GIÁO DỤC – 30 Trần Hưng Đạo – Gia Nghĩa

TÂY NINH:

NS VĂN NGHỆ – 295 Đường 30 tháng 4

LONG AN:

CÔNG TY PHS – 04 Võ Văn Tần – TX. Tân An

TIỀN GIANG:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 22 Hùng Vương – TP. Mỹ Tho

VĨNH LONG:

HS MƯỜI – 15 Lê Thái Tổ

CẦN THƠ:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 132 Đường 30 tháng 4

ĐỒNG THÁP:

NS VIỆT HƯNG – 200 Nguyễn Huệ – TP. Cao Lãnh

BẾN TRE:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 03 Đồng Khởi

SÓC TRĂNG:

NS TRẺ – 41 Trần Hưng Đạo

AN GIANG:

TT VĂN HÓA TỔNG HỢP – 15 – 17 Hai Bà Trưng

BẠC LIÊU:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 59 Lý Thường Kiệt – Phường 3
TRUNG TÂM PHS – 57 Hoàng Văn Thụ

KIÊN GIANG:

NS ĐÔNG HỒ I – 98B Trần Phú – Rạch Giá
NS ĐÔNG HỒ II – 989 Nguyễn Trung Trực – Rạch Giá

CÀ MAU:

CÔNG TY CP SÁCH TBTH – 26 – 28 Lê Lợi – Phường 2

TRÀ VINH:

NS LIÊN SƯƠNG – 127 Trần Quốc Tuấn

SÁCH CÓ BÁN LẺ TẠI CÁC CỬA HÀNG SÁCH TRÊN TOÀN QUỐC

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
16 Hàng Chuối – Hai Bà Trưng – Hà Nội
Điện thoại: (04) 9724852; (04) 9724770. Fax: (04) 9714899

* * *

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: **PHÙNG QUỐC BẢO**

Tổng biên tập: **PHẠM THỊ TRÂM**

Biên tập: **TUYẾT HẠNH**

Chế bản: **NHÀ SÁCH HỒNG ÂN**

Trình bày bìa: **THÁI VĂN**

Thực hiện liên kết: **Nhà sách HỒNG ÂN**

SÁCH LIÊN KẾT

NHỮNG BÀI LÀM VĂN TIÊU BIỂU 9

Mã số: 2L - 212ĐH2009
In 3.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao Bì Phong Tân - TP. Hồ Cí Minh.
Số xuất bản: 339 - 2009/CXB/11- 51/ĐHQGHN ngày 23/4/2009
Quyết định xuất bản số: 212LK-XH/XB.
In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2009.